

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

NGUYỄN THÀNH CHUNG

**BẢO VỆ QUYỀN NHÂN THÂN BẰNG PHÁP LUẬT DÂN SỰ  
TRONG LĨNH VỰC BÁO CHÍ**

*Chuyên ngành: Luật dân sự  
Mã số: 60 38 30*

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

*Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Minh Tuấn*

HÀ NỘI -2014

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.*

*Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn!*

NGƯỜI CAM ĐOAN

**Nguyễn Thành Chung**

## LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian học tập và nghiên cứu tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội đến nay tác giả đã hoàn thành luận văn tốt nghiệp với đề tài “***Bảo vệ quyền nhân thân bằng pháp luật dân sự trong lĩnh vực báo chí***”. Luận văn này được hoàn chỉnh nhờ sự giúp đỡ của quý Thầy Cô, quý cơ quan, gia đình, bạn bè và đồng nghiệp. Tác giả xin chân thành cảm tạ:

- Tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến các Thầy, Cô trong Khoa Luật (chủ yếu là bộ môn Luật Dân sự), Đại học Quốc gia Hà Nội đã giúp tác giả trong quá trình học chuyên sâu kiến thức chuyên ngành để tác giả có thể hoàn thành khóa học của mình. Đặc biệt tác giả xin được cảm ơn sâu sắc tới thầy giáo TS. Nguyễn Minh Tuấn - Phó Chủ nhiệm Khoa Luật Dân sự Trường Đại học Luật Hà Nội. Trong suốt quá trình thực hiện luận văn, tác giả đã nhận được từ thầy sự hướng dẫn nhiệt tình và nhất là những kinh nghiệm quý báu trong nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật.

- Tác giả xin cảm ơn các cô chú, anh chị công tác tại Cục Bản quyền tác giả, Đài tiếng nói Việt Nam, một số cơ quan báo chí Trung ương và Hà Nội đã giành nhiều thời gian góp ý, cung cấp tài liệu liên quan đến đề tài.

- Tác giả xin được cảm ơn bạn bè và đồng nghiệp hỗ trợ về chuyên môn và những kinh nghiệm thực tiễn để tác giả có được cái nhìn đa diện về đề tài của mình.

- Cuối cùng, tác giả trân trọng cảm ơn gia đình, đặc biệt là bố mẹ thân sinh đã luôn động viên, hỗ trợ về tinh thần và tình cảm để tác giả có đủ thời gian hoàn thành công việc học tập và nghiên cứu.

*Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2014*

Học viên

**Nguyễn Thành Chung**

## MỤC LỤC

*Trang phụ bì*

*Lời cam đoan*

*Lời cảm ơn*

*Mục lục*

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUYỀN NHÂN THÂN VÀ QUYỀN NHÂN THÂN TRONG LĨNH VỰC BÁO CHÍ</b> .....	6
1.1. Khái quát chung và đặc điểm của quyền nhân thân .....	6
1.1.1. Khái quát chung về quyền nhân thân .....	6
1.1.2. Đặc điểm quyền nhân thân .....	10
1.2. Phân loại quyền nhân thân .....	15
1.3. Khái quát về quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí .....	24
1.3.1. Quyền nhân thân đối với tác phẩm báo chí .....	24
1.3.2. Quyền nhân thân trong nghiệp vụ (tác nghiệp) báo chí .....	30
1.3.3. Ý nghĩa của việc bảo vệ quyền nhân thân với tác phẩm báo chí .....	30
1.4. Lược sử phát triển của các quy định về quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí .....	32
<b>Chương 2: QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN NHÂN THÂN VÀ BẢO VỆ QUYỀN NHÂN THÂN TRONG LĨNH VỰC BÁO CHÍ</b> .....	41
2.1. Các quy định của pháp luật dân sự về quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí .....	42
2.2. Các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí .....	54
2.3. Các quy định của pháp luật Báo chí về quyền nhân thân của nhà báo và cơ quan báo chí .....	66

<b>Chương 3: THỰC TRẠNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ QUYỀN NHÂN THÂN TRONG LĨNH VỰC BÁO CHÍ</b> .....	72
3.1. Thực trạng bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và dự báo tình hình .....	72
3.2. Một số khó khăn, vướng mắc khi bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí .....	82
3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí.....	93
3.4. Một số quy định của pháp luật thực định cần hoàn thiện .....	99
<b>KẾT LUẬN CHUNG</b> .....	105
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	108

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Kể từ khi khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, thông tin truyền thông nói chung và báo chí nói riêng là một lĩnh vực rất quan trọng được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt chú trọng. Bước vào thời kỳ đổi mới, từ những thập kỷ 80 của Thế kỷ trước, tôn trọng và bảo vệ quyền nhân thân của các tổ chức, công dân nói chung và trong lĩnh vực báo chí nói riêng là một chủ trương lớn được Đảng và Nhà nước quan tâm thực hiện. Đây là vấn đề mang tính chiến lược, có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng vẫn tiếp tục khẳng định rõ vai trò quan trọng của báo chí trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Trong những năm qua, đặc biệt là trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm đến việc tôn trọng và bảo vệ quyền nhân thân của các tổ chức, công dân nói chung và bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí nói riêng.

Nhằm đáp ứng được các yêu cầu của nhiệm vụ chính trị giai đoạn hiện nay và tương lai, tác giả lựa chọn việc nghiên cứu đề tài: ***“Bảo vệ quyền nhân thân bằng pháp luật dân sự trong lĩnh vực báo chí”*** với mong muốn làm rõ hơn về lý luận và thực tiễn riêng về quyền nhân thân có tính chất đặc thù này. Tác giả mong muốn đề tài mạnh dạn đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật, bảo vệ một cách hữu hiệu quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí vốn còn không ít bất cập trên thực tế.

### 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Bảo vệ quyền nhân thân nói chung và bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí nói riêng có vị trí quan trọng trong Bộ luật Dân sự (1995 và

2005), Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Báo chí. Đây là một loại quyền năng dân sự khá đặc thù, thường hay bị sao chép trái phép, vi phạm nhưng việc phát hiện, bảo vệ còn gặp không ít khó khăn và còn nhiều bất cập. Về phương diện lý luận cũng như thực tiễn việc bảo vệ của Tòa án và những cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như trên báo chí hiện còn nhiều vấn đề gây tranh luận, nhất là định hướng giải quyết các tranh chấp có tính chất đặc thù này.

Nghiên cứu về mảng đề tài có tính chất đặc trưng này cũng đã có một số ít bài viết, báo cáo khoa học về thực trạng xâm phạm quyền nhân thân nói chung và bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí nói riêng đăng trên các tạp chí chuyên ngành, các bài viết dưới dạng tìm hiểu, nghiên cứu đăng trên các tạp chí xã hội khác hoặc đăng tải trên các báo phát hành hàng ngày.

Nhìn chung, các báo cáo, bài viết phần nào thể hiện kết quả nghiên cứu với những nhận định khá sâu sắc, đóng lên hồi chuông báo động trong việc xâm phạm và thực trạng bảo vệ quyền nhân thân nói chung và bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí nói riêng, nhưng chủ yếu dưới góc độ xã hội. Về phương diện pháp luật vẫn cần có một công trình nghiên cứu một cách tổng hợp, toàn diện, thấu đáo riêng về bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí, nhất là việc bảo vệ bằng trình tự pháp luật đối với loại quyền năng dân sự có tính chất khá đặc trưng này. Một công trình nghiên cứu chuyên sâu bước đầu sẽ góp phần phát triển lý luận, nhằm lý giải và hoàn chỉnh các văn bản pháp quy với mục tiêu nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí của Tòa án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài**

- Mục đích của nghiên cứu đề tài là nhận diện, làm rõ khái niệm, bản chất quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí.

- Nghiên cứu những đặc điểm riêng về quyền nhân thân đối với các tác phẩm báo chí, từ đó sẽ đề xuất các giải pháp thích hợp để hoạt động bảo vệ của Tòa án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu quả cao.

- Từ khảo sát thực tiễn kết hợp nghiên cứu các quan điểm để lựa chọn biện pháp bảo vệ của Tòa án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thích hợp, đấu tranh hiệu quả với các hiện tượng xâm phạm quyền nhân thân trên báo chí.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu của luận văn trước hết là các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực quyền nhân thân nói chung và quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí nói riêng.

- Phạm vi nghiên cứu: thực trạng thực thi và bảo vệ quyền nhân thân của Tòa án cùng các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực báo chí nhằm nâng cao hiệu quả trong việc bảo vệ một cách thiết thực và có hiệu quả quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài luận văn được nghiên cứu trên cơ sở lý luận và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử; tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về nhà nước pháp quyền; cơ sở lý luận khoa học của các ngành luật có liên quan, như khoa học luật dân sự, luật sở hữu trí tuệ, luật báo chí, luật tố tụng hình sự; thực trạng bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền...

Ngoài ra, việc nghiên cứu luận án còn được thực hiện bằng những phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể như: phân tích, so sánh, tổng hợp, thống kê, trao đổi, khảo sát xã hội học ở một số cơ quan báo chí trung ương, địa phương và các loại báo viết, báo hình, báo nói, báo điện tử... nơi có các tác phẩm báo chí vi phạm.

#### **6. Những nội dung mới của luận văn**

- Bằng phương pháp tiếp cận hệ thống, luận án nghiên cứu, phân tích,



đánh giá những vấn đề cả về lý luận và thực tiễn, quy định của pháp luật dân sự, luật báo chí, luật sở hữu trí tuệ, luật tố tụng dân sự, thực trạng bảo vệ của Tòa án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí.

- Nghiên cứu lý luận kết hợp khảo sát thực tiễn để nhận diện chính xác nguyên nhân, cách thức xâm phạm quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí, thực trạng bảo vệ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đề xuất các giải pháp bảo vệ thích hợp, có hiệu quả cao.

- Kết quả chung của việc nghiên cứu đề tài của luận văn là sẽ đề xuất một số giải pháp có tính toàn diện từ việc nghiên cứu pháp luật thực định và thực tiễn bảo vệ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong những năm vừa qua, góp phần từng bước nâng cao hiệu quả bảo vệ các quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí.

### **7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần bổ sung lý luận về quyền nhân thân của các tổ chức, công dân nói chung và đối với các tác phẩm báo chí nói riêng.

Các nội dung và giải pháp được đưa ra trong bản luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong biên soạn, chỉnh lý, hoàn thiện lý luận và các quy định của pháp luật dân sự, luật báo chí và luật sở hữu trí tuệ.

Kết quả nghiên cứu của đề tài luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, giảng dạy cho các cơ sở đào tạo luật, đào tạo chuyên ngành báo chí cũng như tham khảo để hướng dẫn, chỉ đạo thực tiễn trong việc bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí nói riêng tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **8. Cấu trúc luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn dự kiến được cấu trúc thành ba chương:

*Phần nội dung của luận văn sẽ được trình bày cụ thể như sau:*

### **Chương 1**

#### **KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUYỀN NHÂN THÂN VÀ QUYỀN NHÂN THÂN TRONG LĨNH VỰC BÁO CHÍ**

- 1.1. Khái quát và đặc điểm của quyền nhân thân.
- 1.2. Đặc điểm quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí.
- 1.3. Về quy định của pháp luật hiện hành.
- 1.4. Về phương thức bảo vệ theo các trình tự tố tụng và hành chính.

### **Chương 2**

#### **QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ BẢO VỆ QUYỀN NHÂN THÂN TRONG LĨNH VỰC BÁO CHÍ**

- 2.1. Quy định của Bộ luật Dân sự.
- 2.2. Quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản chuyên ngành.
- 2.3. Quy định của Luật Báo chí

### **Chương 3**

#### **THỰC TRẠNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ QUYỀN NHÂN THÂN TRONG LĨNH VỰC BÁO CHÍ**

- 3.1. Thực trạng bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí tại Tòa án, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và dự báo tình hình.
- 3.2. Một số khó khăn, vướng mắc khi bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí.
- 3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí.
- 3.4. Một số quy định của pháp luật thực định cần hoàn thiện.

## Chương 1

# LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUYỀN NHÂN THÂN VÀ QUYỀN NHÂN THÂN TRONG LĨNH VỰC BÁO CHÍ

### 1.1. Khái quát chung và đặc điểm của quyền nhân thân

#### 1.1.1. Khái quát chung về quyền nhân thân

Trong xã hội có giai cấp, các quyền công dân, quyền dân sự... của cá nhân, tổ chức do pháp luật qui định và được nhà nước bảo hộ. Quyền của cá nhân, tổ chức là khả năng pháp luật cho phép chủ thể xử sự trước các chủ thể khác hoặc khả năng được hưởng các lợi ích hợp pháp do pháp luật qui định.

Quyền nhân thân là một trong các quyền dân sự quan trọng của các chủ thể, cho phép cá nhân, tổ chức hưởng các lợi ích phát sinh từ các giá trị nhân thân và khai thác các giá trị đó để đáp ứng các nhu cầu của mình.

Quyền nhân thân (tiếng Anh là *Personality rights*) là thuật ngữ pháp lý để chỉ những quyền gắn liền với bản thân của mỗi con người, gắn liền với đời sống riêng tư của mỗi cá nhân, có liên quan mật thiết đến danh dự, nhân phẩm, uy tín... của người đó.

Trong quan hệ pháp luật dân sự, quyền nhân thân là một yếu tố cấu thành nội dung của quan hệ nhân thân, cho phép chủ thể hưởng các lợi ích tinh thần và thực hiện mọi phương thức mà pháp luật cho phép để bảo vệ các lợi ích đó trước sự xâm phạm của chủ thể khác

Sở tay thuật ngữ pháp lý thông dụng định nghĩa: “*Quan hệ nhân thân là quan hệ giữa người và người về những lợi ích phi vật chất, không có giá trị kinh tế, không tính ra được thành tiền và không thể chuyển giao. Quan hệ nhân thân gắn liền với cá nhân, với tổ chức nhất định. Nó ghi nhận đặc tính riêng biệt và sự đánh giá của xã hội đối với cá nhân hay tổ chức đó. Quan hệ nhân thân thuộc phạm vi điều chỉnh của luật dân sự, gồm có quan hệ nhân thân liên quan đến tài sản và quan hệ nhân thân không liên quan đến tài sản*” [25, tr.274].

Do quyền nhân thân có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội và với mỗi cá nhân, nên Điều 1 Bộ Luật Dân sự (BLDS) đã ghi nhận: đối tượng chính điều chỉnh của pháp luật dân sự gồm hai nhóm quan hệ cơ bản là quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân. Trong đó, quan hệ tài sản là quan hệ giữa người với người thông qua một tài sản nhất định thể hiện dưới dạng này hay dạng khác (mang tính chất hàng hóa, tiền tệ... có thể đem ra trao đổi vì mục đích cá nhân và mang tính chất đền bù, thỏa thuận về giá trị). Khác với quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân là quan hệ giữa người với người về một giá trị nhân thân của cá nhân hay tổ chức. Quan hệ nhân thân phát sinh vì lợi ích tinh thần và luôn gắn liền với chủ thể. Nó không mang tính hàng hóa hay tiền tệ và không thể tính được hoặc trị giá được bằng tiền (theo nghĩa tương đối) [28, tr.12-13].

Điều 24, BLDS 2005 đã quy định: *“Quyền nhân thân được quy định trong Bộ luật này là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”*. Như vậy, có thể xem quyền nhân thân chính là *“...giá trị nhân thân của cá nhân và tổ chức được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Chỉ những giá trị nhân thân được pháp luật ghi nhận mới được coi là quyền nhân thân. Quyền nhân thân luôn gắn với chủ thể và không thể chuyển giao cho người khác trừ trường hợp do pháp luật quy định. Quyền nhân thân bao gồm: Quyền nhân thân gắn với tài sản và quyền nhân thân không gắn với tài sản”* [10, tr.105].

Pháp luật dân sự đã và đang là công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện quyền dân sự của công dân, tổ chức. Để tồn tại, phát triển, mỗi cá nhân ngoài các nhu cầu đảm bảo về vật chất còn có các nhu cầu về tư tưởng, tinh thần - liên quan đến lĩnh vực nhân thân của từng chủ thể. Thông thường, quan hệ nhân thân luôn gắn liền với từng chủ thể, “không thể chuyển giao cho người khác”. Quy luật phát triển của xã hội loài người đã chứng minh rằng, khi từng chủ thể nói riêng và xã hội nói chung đã đạt đến ngưỡng thỏa mãn các nhu cầu về vật chất thì tất yếu sẽ quan tâm nhiều hơn đến những giá trị tinh thần.

Nhận thấy tầm quan trọng của quyền con người, quyền nhân thân của mỗi cá nhân trong xã hội hiện tại nên Đảng ta đã xác định “*Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước*” [9, tr.76]. Trong bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945 khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn câu nói nổi tiếng về nhân quyền, trong đó bao hàm cả quyền nhân thân được trích dẫn từ Bản tuyên ngôn độc lập 1776 của nước Mỹ: “Mọi người sinh ra đều bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể chối cãi. Trong các quyền đó có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Tuyên ngôn độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945 cũng đã trích dẫn Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”. Đây là những nội dung có ý nghĩa quan trọng làm nền tảng cho việc xây dựng Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với các quy định mang tính hiến định đầu tiên về quyền nhân thân.

Nhằm cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp - đạo luật cơ bản của Nhà nước, Điều 24 Bộ luật Dân sự 2005 đã quy định quyền nhân thân là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Qua quy định trên đây, có thể khái quát một số đặc điểm về quyền nhân thân như sau: Là một quyền dân sự do pháp luật quy định và được pháp luật bảo vệ; mọi cá nhân đều có sự bình đẳng về quyền nhân thân; quyền nhân thân có tính chất phi tài sản và luôn gắn liền với cá nhân, không thể chuyển giao trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Việc tôn trọng quyền nhân thân là một nội dung quan trọng của quyền dân sự. Việc tôn trọng quyền nhân thân của người khác là nghĩa vụ không chỉ của mọi công dân mà còn là nghĩa vụ của chính chủ thể đó.

Khi một chủ thể thực hiện quyền nhân thân của mình về nguyên tắc không được xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Trong một xã hội văn minh, mọi quyền dân sự trong đó có quyền nhân thân về dân sự của cá nhân sẽ được mọi người tôn trọng, không bị xâm phạm. Tuy vậy, trên thực tế của đời sống xã hội do nhận thức của mỗi người khác nhau về quyền dân sự, nên việc xâm phạm đến quyền nhân thân của cá nhân là điều không tránh khỏi. Việc xâm phạm đến quyền nhân thân của cá nhân không những gây trở ngại cho việc thực hiện các quyền dân sự của cá nhân đó mà còn ảnh hưởng tới trật tự pháp lý dân sự của xã hội.

Quyền nhân thân phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội trong mỗi giai đoạn lịch sử - xã hội. Xã hội càng phát triển thì các quyền nhân thân ngày càng được mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu về tinh thần ngày càng cao của công dân. Hiện nay, Việt Nam đã vượt qua thời kỳ kém phát triển và đang ở ngưỡng nước có thu nhập trung bình (tính theo thu nhập bình quân đầu người). Sự phát triển kinh tế đã này kéo theo sự thay đổi trong nhận thức của mỗi cá nhân và cộng đồng. Dần từng bước, xã hội đã coi các quyền con người, lợi ích tinh thần là phần không thể thiếu trong cuộc sống và những giá trị đó ngày càng không ngừng được mở rộng, tôn trọng hơn. Trong chiến lược phát triển của nước ta, Báo cáo chính trị của Đảng tại Đại hội XI đã chỉ rõ: *“Phát triển mạnh sự nghiệp văn học, nghệ thuật, hệ thống thông tin đại chúng; bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống, cách mạng; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về văn hóa”* [9, tr.41].

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển và mở rộng về quy mô, phạm vi, thì tình trạng quyền nhân thân không được tôn trọng, hay bị xâm phạm và không được bảo vệ thỏa đáng đang là khá phổ biến với những diễn biến phức tạp. Thực trạng xã hội này dù sao cũng có những tác động nhất định đến nhận thức, đến hành động của chủ thể trong các quan hệ pháp luật dân sự. Vấn đề

là làm cho mỗi cá nhân nhận biết được những giá trị nhân thân của mình và tôn trọng giá trị nhân thân của người khác là một việc làm không đơn giản, cần phải có thời gian và lộ trình thích hợp để thay đổi nhận thức.

Tôn trọng quyền con người, quyền nhân thân trong xã hội nói chung và trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ nói riêng là mục tiêu hướng tới. Vì vậy, trong chiến lược phát triển và trong điều kiện hội nhập quốc tế Đảng ta đã xác định: *“Hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ... Thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế về bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả”* [9, tr.227].

### **1.1.2. Đặc điểm quyền nhân thân**

Trong đời sống xã hội và trong giao lưu dân sự ta thấy rằng việc dịch chuyển tài sản từ chủ thể này sang chủ thể khác để thỏa mãn các nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc sinh hoạt, tiêu dùng là khá phổ biến, là đặc trưng của các quan hệ tài sản trong đời sống xã hội. Nếu như trong quan hệ tài sản, chủ thể có thể dịch chuyển tài sản từ chủ thể này sang chủ thể khác, thì trong quan hệ nhân thân lại không thể dịch chuyển các giá trị tinh thần giữa các chủ thể, trừ một số quyền tác giả mà pháp luật có quy định. Do vậy, quyền nhân thân - với tư cách là những lợi ích tinh thần gắn liền với một chủ thể - lại không thể chuyển giao giữa các chủ thể. Đây được xem là một thuộc tính rất đặc trưng của quyền nhân thân trong đời sống dân sự.

Quyền nhân thân được hiểu là quyền dân sự - một bộ phận của quyền công dân - luôn gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Như vậy, quyền nhân thân có mối quan hệ hữu cơ với cá nhân kể từ thời điểm cá nhân được sinh ra và chấm dứt khi cá nhân đó chết. Có nghĩa là quyền nhân thân của cá nhân luôn gắn với cá nhân đó suốt cuộc đời. Quyền nhân thân trong pháp luật dân sự có mối quan hệ mật thiết với năng lực pháp luật dân sự của cá nhân và phụ thuộc

vào năng lực pháp luật, có sau năng lực pháp luật (trừ một số trường hợp ngoại lệ trong quan hệ về thừa kế: đứa trẻ dù chưa ra đời nhưng nếu nó là chủ thể được nhận quyền thừa kế thì nó vẫn có quyền đó). Đặc điểm quan trọng của quyền nhân thân là quyền đó luôn gắn liền với một chủ thể nhất định và mang tính phi vật chất. Vì vậy, khi cá nhân chết, thì quyền nhân thân của cá nhân gắn với cá nhân cho tới thời điểm đó. Một số quyền nhân thân của cá nhân vẫn được pháp luật bảo hộ khi cá nhân đó chết như: quyền nhân thân của tác giả trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học về quyền công bố tác phẩm, tiền thù lao, nhuận bút cho người khác sử dụng tác phẩm vẫn được pháp luật bảo hộ trong một thời hạn (thường là 50 năm) sau khi tác giả mất... nếu quyền này được chuyển cho những người thừa kế.

Quyền nhân thân có đặc điểm đặc biệt như vậy, nên nó còn là cơ sở để xác định tư cách chủ thể của cá nhân trong quan hệ tài sản khi cá nhân còn sống; đồng thời có những quyền nhân thân mang tính chất phi vật chất gắn với cá nhân vĩnh viễn kể cả sau khi cá nhân đó chết (quyền tác giả trong các tác phẩm văn học, khoa học, nghệ thuật). Những yếu tố liên quan đến danh dự, các quyền tác giả của cá nhân vẫn được pháp luật bảo hộ, vì những yếu tố này là quyền nhân thân phi vật chất của cá nhân. Quyền nhân thân có những điểm đặc trưng như vậy, nên khi xác định quyền nhân thân của cá nhân cần thiết phải xác định rõ những đặc điểm có tính chất đặc trưng này để tránh sự hiểu lầm là cá nhân đã chết thì các quyền nhân thân của cá nhân đó cũng chấm dứt theo.

Các quan hệ nhân thân thuộc đối tượng điều chỉnh của nhiều ngành luật khác nhau của một hệ thống pháp luật. Ví dụ: quyền nhân thân được pháp luật hình sự điều chỉnh là việc quy định các mức hình phạt cụ thể đối với một bị cáo có hành vi xâm phạm các quyền nhân thân bị luật hình sự coi là tội phạm như hành vi vu khống người khác, hành vi xâm phạm quyền tác giả... Một



trong những yếu tố thể hiện sự khác nhau trong quan hệ nhân thân do từ ngành luật điều chỉnh chính là phương pháp điều chỉnh của ngành luật đó và những chế tài pháp lý sẽ áp dụng. Quan hệ nhân thân do Luật dân sự điều chỉnh có những đặc điểm cơ bản sau:

+ Quyền nhân thân luôn liên quan đến một lợi ích tinh thần.

Lợi ích tinh thần có thể hiểu là những giá trị tinh thần được pháp luật ghi nhận và mọi người tôn trọng như : danh dự, nhân phẩm, uy tín... Lợi ích tinh thần đó cũng có thể là kết quả từ hoạt động lao động sáng tạo của con người như các tác phẩm văn học , nghệ thuật , khoa học , các đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp ... Lợi ích tinh thần là yếu tố quan trọng có tính chất tiền đề, chi phối quan hệ nhân thân, thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự với những phương pháp điều chỉnh đặc trưng riêng. Đây là yếu tố cần thiết để phân biệt với quan hệ tài sản lấy lợi ích vật chất làm tiền đề.

+ Quyền nhân thân mang tính chất phi tài sản.

Giá trị nhân thân và tiền tệ không phải là những đại lượng tương đương. Vì vậy, các giá trị tinh thần không thể trao đổi theo phương thức ngang giá giữa các chủ thể trong các quan hệ dân sự. Trong quá trình tham gia vào các quan hệ xã hội, lợi ích tinh thần của cá nhân do pháp luật quy định, nhưng lợi ích tinh thần có được có thể do cá nhân đó thu nhận từ thành quả hoạt động sáng tạo tinh thần. Các lợi ích tinh thần này như: quyền về sử dụng bút danh của tác giả, quyền đặt tên tác phẩm, quyền công bố tác phẩm (quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 738 BLDS 2005)... không thể định giá thành tiền hay nói theo góc độ pháp lý: đó là quan hệ nhân thân mang tính chất phi tài sản

+ Các lợi ích tinh thần luôn gắn liền với chủ thể.

Pháp luật dân sự thừa nhận quyền nhân thân là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân mà không thể chuyển dịch cho chủ thể khác . Các quyền dân sự nói chung, quyền nhân thân nói riêng là do pháp luật quy định cho các chủ

thể dựa trên những điều kiện kinh tế - xã hội trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Theo nguyên tắc truyền thống của pháp luật dân sự, cá nhân không thể dịch chuyển quyền nhân thân cho chủ thể khác hay nói cách khác quyền nhân thân không thể là đối tượng trong các giao dịch dân sự giữa các cá nhân. Mặc dù vậy, trong một số trường hợp đặc biệt pháp luật quy định thì quyền nhân thân có thể chuyển giao cho chủ thể khác.

Ví dụ: quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 738, BLDS 2005 thì quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm được coi là quyền nhân thân thuộc quyền tác giả. Do tính chất đặc trưng nên khoản 1, Điều 742, BLDS 2005 đã quy định cụ thể về chuyển giao quyền tác giả trong việc thực hiện quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm. Trong trường hợp này, chủ thể chuyển giao và nhận chuyển giao phải tuân thủ các điều kiện do pháp luật về sở hữu trí tuệ quy định. Điểm đặc trưng này của quyền tác giả - một bộ phận của quyền nhân thân - có thể chuyển giao nhưng phải tuân theo trình tự do pháp luật quy định.

+ Các lợi ích tinh thần không bị hạn chế hoặc tước bỏ.

Theo nguyên tắc của pháp luật dân sự, các lợi ích tinh thần của chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự là không thể bị hạn chế hoặc tước bỏ, trừ trường hợp pháp luật quy định. Mỗi chủ thể quan hệ pháp luật dân sự có những giá trị nhân thân khác nhau, nhưng được bảo vệ bình đẳng như nhau, không có sự phân biệt khi các giá trị nhân thân của chủ thể đó bị xâm phạm. Tùy từng trường hợp, quyền dân sự nói chung và quyền nhân thân nói riêng mà pháp luật dân sự cho phép các chủ thể có thể lựa chọn phương thức bảo vệ thích hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 9 BLDS.

Cụ thể là, pháp luật dân sự đã có những quy định bảo vệ quyền nhân thân bằng cách cho phép các chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự khi bị xâm phạm có quyền lựa chọn những biện pháp thích hợp bằng cách yêu cầu cơ

quan, tổ chức có thẩm quyền: công nhận quyền dân sự, quyền nhân thân của mình; buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; buộc xin lỗi cải chính công khai và buộc bồi thường thiệt hại. Tuy là những quyền nhân thân không có giá trị kinh tế, nhưng đối với quyền nhân thân liên quan đến tài sản (như quyền tác giả mà quyền nhân thân là tiền đề của quyền tài sản) thì pháp luật dân sự đã quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu chủ thể nào đó có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại đến các quyền này của cá nhân.

Tại các nước trên thế giới, quyền nhân thân thuộc đối tượng điều chỉnh theo truyền thống của Luật dân sự đã được khẳng định và có sự phân định rõ ràng. Tuy nhiên, ở Việt Nam việc xác định quyền công dân, quyền dân sự và quyền chính trị... chưa được phân định rõ ràng từ chính những quy định của pháp luật. Tác giả Phan Khắc Nghiêm trong một bài viết đã cho rằng: Hiện nay còn có sự nhầm lẫn trong quy định về quyền dân sự và quyền công dân. Cụ thể là *“mục 2 Chương III, BLDS năm 2005 với 28 điều, nhưng đã có tới 13 điều quy định về các quyền cơ bản của công dân, không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Dân sự. Dường như các nhà làm luật đã đồng nhất các quyền cơ bản của công dân trong Hiến pháp với các quyền nhân thân là đối tượng điều chỉnh của Luật Dân sự”*. Tác giả cho rằng, về bản chất thì quyền nhân thân của cá nhân là quyền phi tài sản, không biểu hiện bằng vật chất, không quy đổi được thành tiền và chỉ mang giá trị tinh thần. Chính vì vậy, quyền nhân thân thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự và có những đặc điểm pháp lý cơ bản như: (i) quyền nhân thân thuộc phạm trù pháp lý và là một bộ phận của quyền con người, mang giá trị tinh thần, không biểu hiện bằng vật chất; (ii) quyền nhân thân thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự và gắn liền với một cá nhân, không thể chuyển dịch. Vấn đề đặt ra là trong xã hội còn tồn tại nhiều quan hệ nhân thân liên quan đến cá nhân, thì dựa trên căn cứ nào để xác định quyền nhân thân thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự và

các quyền phi vật chất khác của cá nhân nhưng sẽ không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự [32].

Có thể thấy rằng, quan điểm trên đây cũng có những điểm hợp lý nhất định khi cho rằng: còn có sự không biệt rõ ràng giữa quyền công dân và quyền nhân thân. Trong các quyền công dân có những quyền nhân thân, nhưng không phải mọi quyền công dân đều là những quyền nhân thân theo truyền thống của pháp luật dân sự.

## **1.2. Phân loại quyền nhân thân**

Quyền nhân thân trong Bộ luật Dân sự 2005 bao gồm nhiều loại quyền khác nhau đã được quy định cụ thể từ Điều 24 đến Điều 51. Quyền nhân thân có thể xem là những quyền tuyệt đối gắn liền với mỗi chủ thể của đời sống dân sự, mà chủ yếu là cá nhân. Theo quy định của BLDS 2005, quyền nhân thân bao gồm các nhóm quyền sau đây:

\* Trước hết, theo truyền thống, quan hệ nhân thân trong pháp luật dân sự được chia làm hai nhóm cơ bản: Quyền nhân thân gắn với tài sản và quyền nhân thân không gắn với tài sản.

+ Nhóm các quan hệ nhân thân gắn với tài sản là nhóm các quan hệ xuất phát từ các giá trị tinh thần ban đầu, các chủ thể được hưởng các lợi ích vật chất từ việc chuyển quyền đối với kết quả của hoạt động sáng tạo. Đây là những quan hệ nhân thân do cá nhân tạo ra từ việc tạo ra một giá trị tinh thần bằng nhân thân và gắn với tài sản và nó có thể chuyển giao cho người khác.

+ Nhóm các quan hệ nhân thân không gắn với tài sản là nhóm các quan hệ được Nhà nước quy định trong Bộ luật dân sự cho các cá nhân, tổ chức. Các quan hệ nhân thân không gắn với tài sản đó là các quan hệ nhân thân xuất phát từ giá trị tinh thần thuần túy. Các giá trị tinh thần này không có nội dung kinh tế, không có giá trị bằng tiền và không thể chuyển giao cho người khác.

BLDS 2005 liệt kê tương đối đầy đủ các quyền nhân thân (từ Điều 26

đến Điều 51), bao gồm: quyền đối với họ tên; quyền thay đổi họ tên; quyền xác định dân tộc; quyền được khai sinh, khai tử; quyền đối với hình ảnh; quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền hiến bộ phận cơ thể; quyền nhận bộ phận cơ thể người; quyền xác định lại giới tính; quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín; quyền bí mật đời tư; quyền kết hôn, quyền bình đẳng vợ chồng; quyền được hưởng sự chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình; quyền ly hôn; quyền nhận, không nhận cha, mẹ, con; quyền được nuôi con nuôi và quyền được nhận làm con nuôi; quyền đối với quốc tịch; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền tự do đi lại, tự do cư trú; quyền lao động, quyền tự do kinh doanh; quyền tự do nghiên cứu, sáng tạo.

Điều 738 và Điều 751 BLDS 2005 còn quy định thêm một số quyền nhân thân liên quan đến quyền tác giả trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ như: quyền đặt tên cho tác phẩm; quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm; quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén, xuyên tạc tác phẩm; quyền đứng tên tác giả trong văn bằng bảo hộ sáng chế, kiểu dáng, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng.

\* Nếu theo các tiêu chí khác các quyền nhân thân này có thể được phân loại theo một khía cạnh pháp lý đặc thù. Từ các quy định về các quyền nhân thân trong BLDS 2005, có tác giả đã đề xuất cách phân loại các quyền nhân thân cụ thể như sau và cho rằng từng cách phân loại đều có ý nghĩa riêng. Cụ thể là:

- Thứ nhất, nếu dựa vào căn cứ phát sinh mà các quyền nhân thân có thể phân thành nhóm các quyền nhân thân không gắn với tài sản và nhóm các quyền nhân thân gắn với tài sản. Cách phân loại này được thể hiện tại khoản 1

Điều 15 BLDS 2005. Các quyền nhân thân không gắn với tài sản được quy định từ Điều 26 đến Điều 51 BLDS 2005. Các quyền nhân thân không gắn với tài sản này được công nhận đối với mọi cá nhân một cách bình đẳng và suốt đời, không phụ thuộc vào bất cứ hoàn cảnh kinh tế, địa vị hay mức độ tài sản của người đó. Các quyền nhân thân này thể hiện giá trị tinh thần của chủ thể đối với chính bản thân mình, luôn gắn với chính bản thân người đó và không dịch chuyển được sang chủ thể khác.

Ngược lại, các quyền nhân thân gắn với tài sản chỉ được xác lập cùng với sự hình thành của một tài sản vô hình (như tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, sáng chế, kiểu dáng, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng, ...). Đây là quyền nhân thân của chủ thể đối với tài sản vô hình mà người đó sáng tạo ra. Các quyền nhân thân này được quy định tại khoản 2 Điều 738 và mục a khoản 1 Điều 751 BLDS 2005. Trong số các quyền này có một quyền có thể chuyển giao được sang cho chủ thể khác - đó là quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm (theo quy định tại khoản 1 Điều 742 BLDS 2005).

Việc phân loại này giúp chúng ta định hình rõ căn cứ và thời điểm xác lập các quyền nhân thân. Mỗi một chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự đều được công nhận một cách vô điều kiện các quyền nhân thân khi quyền đó không gắn với tài sản. Tuy nhiên, để được thừa nhận các quyền nhân thân gắn với tài sản thì chủ thể đó phải chứng minh được sự tồn tại của loại tài sản (gồm tài sản hữu hình và vô hình) do chính mình sáng tạo ra. Nếu không có quyền tài sản đó làm tiền đề thì không phát sinh các quyền nhân thân của chủ thể có liên quan.

- *Thứ hai*, nếu dựa vào tiêu chí chủ thể mang quyền mà các quyền nhân thân có thể được phân thành hai nhóm là: Nhóm các quyền nhân thân của cá nhân và nhóm các quyền nhân thân của các chủ thể khác (không phải là cá nhân).

nhân). Các quyền nhân thân của cá nhân bao gồm các quyền nhân thân được quy định từ Điều 26 đến Điều 51 BLDS 2005 và các quyền nhân thân gắn với tài sản được quy định tại Điều 738 BLDS 2005. Các quyền nhân thân của pháp nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác có thể bao gồm: quyền được bảo vệ danh dự, uy tín (được đề cập đến tại Điều 604 và Điều 611 BLDS 2005). Ngoài ra, có thể thừa nhận thêm một số quyền nhân thân của pháp nhân như quyền đối với tên gọi của pháp nhân, quyền tự do kinh doanh đối với các chủ thể có đăng ký kinh doanh.

Việc phân loại này giúp chúng ta nhận diện được chính xác nội dung năng lực pháp luật của từng chủ thể khi tham gia vào các quan hệ dân sự. Mặc dù chỉ là chủ thể hạn chế, chỉ có ý nghĩa về mặt pháp lý, nhưng hộ gia đình và tổ hợp tác cũng có “đời sống tinh thần” của riêng mình, có những giá trị phi vật chất, không định giá được và không thể chuyển giao được cho chủ thể khác. Các giá trị tinh thần của những chủ thể hạn chế này cũng cần phải được bảo hộ khỏi sự xâm phạm bất hợp pháp.

- Thứ ba, nếu dựa vào đối tượng của quyền, thì các quyền nhân thân có thể được phân thành 5 nhóm sau đây:

> 1. Nhóm các quyền cá biệt hoá chủ thể, bao gồm: quyền đối với họ tên; quyền thay đổi họ tên; quyền xác định dân tộc; quyền được khai sinh, khai tử; quyền đối với hình ảnh; quyền xác định lại giới tính; quyền đối với quốc tịch.

> 2. Nhóm các quyền liên quan đến thân thể của cá nhân, bao gồm: quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khoẻ, thân thể; quyền hiến bộ phận cơ thể; quyền nhận bộ phận cơ thể người.

> 3. Nhóm các quyền liên quan đến giá trị tinh thần của chủ thể: quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín; quyền bí mật đời tư; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền tự do

đi lại, tự do cư trú; quyền lao động; quyền tự do kinh doanh; quyền tự do nghiên cứu, sáng tạo.

> 4. Nhóm các quyền liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình của cá nhân: quyền kết hôn, quyền bình đẳng vợ chồng; quyền được hưởng sự chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình; quyền ly hôn; quyền nhận, không nhận cha, mẹ, con; quyền được nuôi con nuôi và quyền được nhận làm con nuôi;

> 5. Nhóm các quyền đối với các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ: quyền đặt tên cho tác phẩm; quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm hay trên văn bằng bảo hộ (đối với sáng chế, kiểu dáng, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng), quyền được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm; quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén, xuyên tạc tác phẩm.

Trong cách phân loại này, mỗi nhóm nêu trên có những đặc điểm pháp lý riêng biệt. Nhóm các quyền cá biệt hoá chủ thể được thể hiện dưới hình thức các công cụ cá biệt hoá khác nhau ở mỗi chủ thể (mỗi người có tên gọi và hình ảnh và các yếu tố lý lịch khác nhau). Tập hợp các công cụ cá biệt hoá đó ở mỗi chủ thể sẽ cho ta được sự hình dung bên ngoài về chủ thể đó khác biệt với các chủ thể khác. Quyền “thể hiện mình” được bảo vệ một cách tuyệt đối trước sự xâm phạm của bất kỳ chủ thể khác và được pháp luật bảo hộ theo yêu cầu của chủ thể quyền.

Ngoài ra, thân thể của mỗi cá nhân không phải là tài sản, mà thuộc về nhân thân của cá nhân đó. Các quyền liên quan đến thân thể của cá nhân được bảo vệ một cách giống nhau ở mọi cá nhân (tính mạng, sức khoẻ, thân thể của mỗi cá nhân đều được bảo vệ như nhau và đều là vô giá mà không phụ thuộc vào giới tính hay địa vị xã hội) và được pháp luật bảo hộ một cách tuyệt đối



khỏi sự xâm phạm của bất kỳ chủ thể khác. Theo đó, bất kể chủ thể quyền có yêu cầu hay không yêu cầu đều được pháp luật bảo vệ.

Nhóm quyền nhân thân liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình được chia thành hai phân nhóm là: nhóm các quyền tạo lập gia đình (quyền kết hôn, quyền ly hôn, quyền nhận con nuôi và được nhận làm con nuôi) và nhóm quyền giữa các thành viên trong gia đình (quyền bình đẳng vợ chồng; quyền được hưởng sự chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình). Các quyền thuộc phân nhóm thứ nhất được bảo vệ một cách tuyệt đối khỏi sự xâm phạm của bất kỳ chủ thể khác. Còn các quyền thuộc phân nhóm thứ hai chỉ được bảo vệ một cách tương đối khỏi sự xâm phạm của các thành viên khác trong chính gia đình đó mà thôi. Các quyền này được xác lập một cách khác nhau ở từng chủ thể, phụ thuộc vào hoàn cảnh gia đình của người đó (đã lập gia đình chưa, có con cái hay không) và phụ thuộc vào địa vị của người đó trong gia đình (là con hay là cha, là chồng hay là vợ). Các quyền này có thể chấm dứt khi các chủ thể trong gia đình không còn nữa.

Nhóm các quyền nhân thân liên quan đến các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ mang đặc điểm của quyền nhân thân gắn với tài sản (xem ở phần trên) và được bảo hộ phụ thuộc vào đặc điểm riêng của từng đối tượng sở hữu trí tuệ.

Việc phân loại này có ý nghĩa trong việc xác định cơ chế bảo vệ hiệu quả các quyền nhân thân. Đối với các quyền nhân thân thuộc nhóm thứ nhất thì chủ thể quyền chính là người đánh giá xem các quyền nhân thân của mình có bị xâm phạm hay không, tự quyết định có yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm hay không. Theo nguyên tắc chung, Nhà nước chỉ can thiệp và bảo vệ khi chủ thể quyền xâm hại có yêu cầu.

Ví dụ: các nhạc sĩ thường khởi kiện khi chứng kiến ca khúc của mình bị xuyên tạc lời. Nhưng cũng có một số nhạc sĩ khác thì lại cho rằng không

ảnh hưởng vì vẫn được nêu tên và thấy vui vì điều đó. Bởi vì khi đó họ cảm thấy các ca khúc của mình đã “thực sự đi vào quần chúng, được quần chúng nhắc tới” hoặc “được công chúng nhắc tới rộng rãi” và họ không cảm thấy sự xúc phạm trong đó.

Trong cuộc sống hàng ngày diễn ra vô số các vụ chửi bới, lăng mạ, xúc phạm danh dự của nhau, nhưng số vụ án liên quan đến xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín mà yêu cầu Tòa án phải giải quyết thì không nhiều. Theo nguyên tắc của tố tụng dân sự: chỉ khi nào chủ thể quyền bị xâm phạm có yêu cầu và khởi kiện thì Tòa án mới thụ lý vụ án và can thiệp. Yêu cầu ở đây có thể là của chính chủ thể có quyền hay của những người thân thích (khi chủ thể quyền không còn nữa hoặc không đầy đủ năng lực hành vi dân sự).

- Thứ tư, nếu dựa vào thời hạn bảo hộ mà các quyền nhân thân được phân loại thành hai nhóm: Nhóm các quyền nhân thân được bảo hộ vô thời hạn và nhóm các quyền nhân thân được bảo hộ có thời hạn.

Nhóm các quyền nhân thân được bảo hộ vô thời hạn bao gồm: quyền đối với họ tên; quyền đối với hình ảnh; quyền được bảo vệ danh dự, uy tín; quyền bí mật đời tư; quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén, xuyên tạc, thay đổi nội dung tác phẩm.

Nhóm các quyền nhân thân được bảo hộ có thời hạn bao gồm: quyền thay đổi họ tên; quyền xác định dân tộc; quyền được khai sinh, khai tử; quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền được bảo vệ nhân phẩm; quyền hiến bộ phận cơ thể; quyền nhận bộ phận cơ thể người; quyền xác định lại giới tính; quyền kết hôn, quyền bình đẳng vợ chồng; quyền được hưởng sự chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình; quyền ly hôn; quyền nhận, không nhận cha, mẹ, con; quyền được nuôi con nuôi và quyền

được nhận làm con nuôi; quyền đối với quốc tịch; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền tự do đi lại, tự do cư trú; quyền lao động, quyền tự do kinh doanh; quyền tự do nghiên cứu, sáng tạo; quyền đặt tên cho tác phẩm; quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;

Việc phân loại này có ý nghĩa đối với việc bảo vệ quyền nhân thân khỏi sự xâm phạm của các chủ thể khác. Các quyền nhân thân thuộc nhóm vô thời hạn được pháp luật bảo hộ vĩnh viễn. Khi chủ thể không còn nữa thì những người có liên quan được quyền yêu cầu bảo vệ khi có hành vi xâm phạm. Ví dụ: nếu có người tung tin thất thiệt làm tổn hại đến danh dự, uy tín của một người đã khuất, thì những người thân thích của người đó vẫn có quyền yêu cầu chấm dứt hành vi xâm hại và bồi thường thiệt hại. Ngược lại, các quyền nhân thân thuộc nhóm có thời hạn thì chỉ được pháp luật bảo hộ khi chủ thể đó còn sống. Bởi lẽ, khi cá nhân chết đi thì các quyền nhân thân thuộc nhóm này hoặc không thể thực hiện được nữa, hoặc không thể bị xâm phạm nữa. Riêng thời hạn bảo hộ quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 27 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2000. Đặc biệt, quyền được khai tử của cá nhân chỉ được thực hiện khi chính cá nhân đó chết đi. Trình tự và thời hạn khai tử được thực hiện theo quy định riêng của pháp luật.

Đối với các quyền thuộc nhóm vô thời hạn, chúng ta nên lưu ý phân biệt giữa việc thực hiện quyền yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm với việc thực hiện quyền công bố, cho phép sử dụng các thông tin của cá nhân. Sau khi một người chết đi thì những người thân thích được quyền yêu cầu chấm dứt các hành vi xâm phạm đến họ tên, hình ảnh, danh dự, uy tín, bí mật đời tư, tên trên tác phẩm, xâm phạm toàn vẹn tác phẩm của người đó. Tuy nhiên, khác với chính chủ thể quyền nhân thân, những người thân thích này không được

quyền thay đổi tên gọi, thay đổi nội dung tác phẩm. Các thông tin cá nhân (bí mật đời tư hay tác phẩm chưa được công bố) mà khi còn sống người đó không muốn tiết lộ (vì lý do hết sức riêng tư) thì sau khi người đó qua đời những người thân thích cũng không được quyền công bố. Điều này thể hiện sự tôn trọng đối với cá nhân đã khuất. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 38 BLDS 2005 lại quy định những người thân thích được quyền cho phép thu thập, công bố bí mật đời tư của cá nhân sau khi cá nhân đó chết đi. Với quy định này thì liệu mỗi người trong số chúng ta khi chết đi có thể yên tâm không khi biết rằng mọi bí mật đời tư của mình sẽ được người khác biết đến khi được công bố! Cũng như vậy đối với các tác phẩm tác giả không muốn công bố vì được sáng tác dành riêng cho một người yêu quý, thì sau này cũng sẽ được công bố rộng rãi ngoài mong muốn của tác giả.

\* Ngoài ra, theo quy định tại các điều luật cụ thể, có học giả còn phân loại quyền nhân thân trong BLDS 2005 thành những nhóm cơ bản sau: 1. Nhóm các quyền nhân thân gắn liền với chủ thể trong quan hệ hôn nhân và gia đình; 2. Nhóm quyền nhân thân liên quan đến sự cá biệt hoá cá nhân: Quyền của cá nhân đối với họ tên, hình ảnh và dân tộc; 3. Nhóm quyền nhân thân liên quan đến giá trị của con người trong xã hội: Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín; Quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; Quyền đối với bí mật đời tư; 4. Nhóm quyền nhân thân liên quan đến thân thể của con người: Quyền hiến bộ phận cơ thể; Quyền hiến xác, bộ phận cơ thể sau khi chết; Quyền xác định lại giới tính.

Về phương diện lý luận, nghiên cứu sâu các cách phân loại quyền nhân thân với các tiêu chí như trên để hiểu rõ ngọn nguồn là cần thiết. Tuy nhiên ý nghĩa thực tế của cách phân loại này là quá phức tạp, người đọc khó nhớ và có thể... ít đem lại ý nghĩa thực tiễn trong quá trình áp dụng pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Dù sao đây cũng là những công trình nghiên cứu chuyên sâu đáng được trân trọng [13].

### **1.3. Khái quát về quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí**

#### ***1.3.1. Quyền nhân thân đối với tác phẩm báo chí***

Điều 40 Hiến pháp 2013 đã ghi nhận: “*Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng các lợi ích từ hoạt động đó*”. Theo quy định của đạo luật cơ bản, thì công dân có quyền nghiên cứu khoa học, sáng tạo văn học, nghệ thuật, thụ hưởng các lợi ích từ hoạt động đó. Nghĩa là, quyền tác giả trong đó có quyền nhân thân từ các tác phẩm báo chí được Nhà nước bảo hộ.

Trên cơ sở quy định của Hiến pháp, khoản 3 Điều 47 BLDS đã quy định: “*Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu đối với sản phẩm trí tuệ*”. Điểm đặc trưng riêng về quyền nhân thân trong tác phẩm báo chí thể hiện ngay tại quy định của khoản 1 Điều 736 BLDS: “*Người sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học (sau đây gọi chung là tác phẩm) là tác giả của tác phẩm đó. Trong trường hợp có hai người hoặc nhiều người cùng sáng tạo ra tác phẩm thì những người đó là các đồng tác giả*”. Có thể thấy rằng, tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được Nhà nước bảo hộ là các loại: Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; Các bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác được thể hiện dưới dạng ngôn ngữ nói và được định hình dưới dạng vật chất nhất định (quy định tại Điều 10 Nghị định 100/2006/NĐ-CP); Tác phẩm sân khấu bao gồm thuộc loại hình biểu diễn như kịch nói, nhạc vũ kịch, ca kịch, kịch câm, xiếc, múa, múa rối và các loại hình tác phẩm sân khấu khác (quy định tại Điều 13 Nghị định 100/2006/NĐ-CP); Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự là tác phẩm được hợp thành bằng hàng loạt hình ảnh liên tiếp tạo nên hiệu ứng chuyển động kèm theo hoặc không kèm theo âm thanh, được thể hiện trên chất liệu nhất định có thể phân phối, truyền đạt tới công chúng bằng các thiết

bị kỹ thuật, công nghệ (quy định tại Điều 16 Nghị định 100/2006/NĐ-CP); Tác phẩm báo chí chính là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng hình thức nhất định: phóng sự, ghi nhanh, tường thuật, phỏng vấn, ký sự, tùy bút, chuyên luận hoặc các hình thức tương tự khác mà có thể sao chép bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đăng, phát trên báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử hoặc các phương tiện khác (quy định tại Điều 11 Nghị định 100/2006/NĐ-CP); Tác phẩm tạo hình là tác phẩm được thể hiện bằng đường nét, hình khối, màu sắc, bố cục như hội họa, đồ họa, điêu khắc, nghệ thuật sắp đặt và các hình thức thể hiện khác tồn tại dưới dạng độc bản. Đối với loại hình đồ họa có thể thể hiện đến phiên bản thứ 50, có số thứ tự và có chữ ký của tác giả (quy định tại Điều 15.1 Nghị định 100/2006/NĐ-CP); Tác phẩm nhiếp ảnh là tác phẩm thể hiện hình ảnh của thế giới khách quan trên vật liệu bất sáng hoặc trên phương tiện mà hình ảnh được tạo ra hay có thể tạo ra bằng bất cứ phương tiện kỹ thuật nào (quy định tại Điều 16 Nghị định 100/2006/NĐ-CP)...

Cụ thể hóa các quy định của đạo luật cơ bản, khoản 1 Điều 8 Luật Sở hữu trí tuệ đã quy định cụ thể Chính sách của Nhà nước về sở hữu trí tuệ như sau: *“Công nhận và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ với lợi ích công cộng; không bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ trái với đạo đức xã hội, trật tự công cộng, có hại cho quốc phòng, an ninh”*.

Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ đã liệt kê các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả gồm: *“1. Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được bảo hộ bao gồm: a) Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; b) Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác; c) Tác phẩm báo chí; d) Tác phẩm âm nhạc...;”*. Khoản 3 Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ cũng đã quy định nguyên tắc

bảo hộ là: “*Tác phẩm được bảo hộ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác*”.

Như vậy, quyền nhân thân đối với tác phẩm báo chí trước hết đó là một dạng cụ thể của quyền nhân thân quy định trong Bộ luật Dân sự và pháp luật về sở hữu trí tuệ. Với tính cách là một dạng cụ thể của quyền nhân thân nên tác phẩm báo chí cũng có những đặc điểm chung về quyền nhân thân, đồng thời lại có những đặc trưng riêng.

Khi quy định về quyền nhân thân đối với các tác phẩm khoa học, nghệ thuật, tác phẩm báo chí... Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ cũng đã quy định: Quyền nhân thân bao gồm các quyền sau đây: “*1. Đặt tên cho tác phẩm; 2. Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; 3. Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm; 4. Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả*”.

Tác phẩm báo chí là thuật ngữ dùng để chỉ một sản phẩm tư duy của nhà báo, các cộng tác viên (với những bút danh riêng) lấy hiện thực đời sống xã hội làm đối tượng nghiên cứu và phản ánh, có hình thức phù hợp với nội dung thông tin cần truyền đạt tới công chúng. Thuật ngữ tác phẩm báo chí còn sử dụng để chỉ hình thức thể loại tác phẩm báo chí được định danh cụ thể như: tin, tường thuật, phản ánh, phóng sự, ký sự, bút ký, điều tra, bình luận xã luận, chuyên luận... Tác phẩm báo chí là bộ phận cấu thành một sản phẩm báo chí, nó không chỉ có giá trị cung cấp thông tin mà còn làm hướng nhận thức của xã hội đến những vấn đề thời sự. Tác phẩm báo chí được pháp luật bảo hộ quyền tác giả và được trả tiền. Tuy nhiên những vấn đề thông tin thuần túy chỉ thực hiện chức năng tin tức, không mang tính nghệ thuật, khoa học... thì không được pháp luật bảo hộ.

Trong thực tế làm báo, tư liệu để nhà báo sáng tạo tác phẩm báo chí có nhiều dạng thức khác nhau như: tư liệu văn tự (từ các nguồn sách, báo, văn bản pháp luật, hành chính, khoa học, báo cáo...); tư liệu âm thanh (từ ghi âm, đài phát thanh...); tư liệu hình ảnh (từ hình ảnh tĩnh, hình ảnh động...). Nhà báo nghiên cứu, thu thập tư liệu là để phát hiện các chi tiết đặc sắc, có cơ sở để dẫn chứng phân tích, lập luận, chứng minh cho đề tài mình thể hiện trong tác phẩm báo chí.

Tuy nhiên, không phải nhà báo nào khi tác nghiệp cũng sử dụng tốt phương pháp thu thập tư liệu này. Qua quan sát việc tác nghiệp của các đồng nghiệp tại những chuyến đi cơ sở, tại những sự kiện lễ tân cho thấy, nhiều nhà báo rất lười thu thập tài liệu để phục vụ cho việc sáng tạo tác phẩm báo chí. Các nhà báo này chủ yếu trông cậy vào việc thu nhận các văn bản báo cáo hoặc thông cáo báo chí, sau đó về chế tác thành tác phẩm. Việc “xào nấu” thông tin này cũng là sự vi phạm đạo đức nghề nghiệp của nhà báo.

Nhà báo chỉ có thể sử dụng các báo cáo, thông cáo báo chí với tư cách là những tài liệu cung cấp thông tin, chứ không được phép “chế biến” các báo cáo, thông cáo báo chí thành tác phẩm báo chí. Các nhà báo nên cảnh giác với những chi tiết, con số được đưa vào báo cáo, thông cáo báo chí, bởi nó thường chỉ là những chi tiết, số liệu chủ quan, mang nặng tính thành tích mà cá nhân, tổ chức muốn quảng bá cho hình ảnh của mình. Nếu chỉ chế biến tác phẩm bằng các số liệu, dẫn chứng báo cáo, vô hình chung nhà báo ủng hộ cho “bệnh thành tích”, còn công chúng thì nhận được một món ăn dở, như vậy cũng là vi phạm đạo đức nghề nghiệp của người cầm bút.

Bên cạnh yếu tố quan trọng nói trên, một tác phẩm báo chí hay phải là tác phẩm phát hiện được các giá trị thông tin mới phù hợp nhu cầu của số đông độc giả. Các giá trị thông tin mới đó giúp cho công chúng nắm bắt kịp thời bản chất sự kiện để có những phản ứng một cách tích cực. Thước đo giá



trị hiện thực hoá phụ thuộc hàm lượng sự thật và sự đúng đắn mang tính bản chất của tác phẩm báo chí tác động vào đời sống, làm thay đổi hành vi, cách nghĩ của con người trong các hoạt động chính trị - kinh tế; văn hoá - xã hội. Một tác phẩm báo chí hay không những là một tác phẩm nghệ thuật mà còn là một tác phẩm có hiệu quả xã hội cao. Muốn có tác phẩm báo chí hay đòi hỏi người làm báo phải có phẩm chất chính trị; luôn bám sát các vấn đề thực tiễn nóng bỏng có tính thời sự của xã hội. Đó là yêu cầu bắt buộc đối với mọi người làm báo, nhất là đối với các phóng viên, biên tập viên và những người quản lý, chỉ đạo báo chí.

Do vậy, tác phẩm báo chí chính là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng hình thức nhất định: ký sự, tùy bút, chuyên luận hoặc các hình thức tương tự khác mà có thể sao chép bằng nhiều hình thức khác nhau (quy định tại Điều 9 Nghị định 100/2006/NĐ-CP).

Tác phẩm báo chí được giới chuyên môn gọi bằng cái tên thân mật “đứa con tinh thần” của các nhà báo hoặc các cộng tác viên. Mỗi bài báo trong báo viết, báo mạng, báo nói, báo hình đều thể hiện, phản ánh một phần sự sinh động của đời sống xã hội về chính trị, kinh tế, văn hóa... Ngoài việc phản ánh hiện thực xã hội, thì tác giả của những bài báo thường có những nhận xét, bình luận và nói lên những suy nghĩ của mình với hiện thực xã hội đó. Cùng với sự phát triển và phong phú của đời sống xã hội, các tác phẩm báo chí cũng rất đa dạng, sống động.

Ví dụ: các báo Tết xuân Giáp Ngọ 2014 có nhiều bài viết về những mảng khác nhau của đời sống xã hội với những nội dung phong phú, sinh động. Số Tết xuân Giáp Ngọ của báo Tiền Phong đã có nhiều ký sự, phóng sự chất lượng tốt như bài: “*Giấc mơ rồng bay vào bầu trời khoa học*” của tác giả Xuân Phú: phản ánh một học sinh lớp 12 Ngô Phi Long đã đem về cho Việt Nam 3 huy chương vàng và 1 huy chương bạc; là người được Thủ tướng

Chính phủ tặng phần thưởng cao quý: Huân chương lao động hạng 3 và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen dù đang là học sinh phổ thông; Bài viết về “*Người ghi dấu ấn Việt Nam trên bản đồ nhi khoa thế giới*” của tác giả Thái Hà viết về Giáo sư Nguyễn Thanh Liêm nhận bằng “Hội viên danh dự Hội phẫu thuật Nhi Liên bang Nga” - một phần thưởng cao quý; Hoặc tùy bút “*Bếp Việt ra thế giới - Một người Mỹ ăn 36 bát phở trong 15 phút*” của tác giả Phùng Nguyên. Có thể thấy rằng, mỗi tác phẩm báo chí ngoài vấn đề thông tin thời sự về những mảng khác nhau của đời sống xã hội trong và ngoài nước, còn có những bình luận, nhận xét... mà người đọc cảm thấy hứng thú khi tét đến xuân về.

Như vậy, tác phẩm báo chí được tạo ra là để chuyển tải tới công chúng những thông tin thời sự về các sự kiện, vấn đề, sự vật, hiện tượng, con người xảy ra hàng ngày, hàng giờ trong đời sống xã hội. Đích hướng đến của một tác phẩm báo chí là đem lại giá trị thông tin cho công chúng xã hội, do đó, đảm bảo tính thông tin là chức năng quan trọng đầu tiên của một tác phẩm báo chí. Để đạt được hiệu quả thông tin, một tác phẩm báo chí phải đạt các tiêu chí như: mới, thời sự, cập nhật; chân thực, khách quan; có ý nghĩa xã hội, mang lại giá trị giáo dục và nhân văn...

Khi sáng tạo tác phẩm báo chí, những yêu cầu về năng lực chuyên môn của nhà báo luôn phải gắn với những chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp. Điều này được thể hiện trong từng bước tiến hành sáng tạo một tác phẩm báo chí. Có như vậy, tác phẩm báo chí mới đem lại những giá trị đích thực cho công chúng xã hội. Các nhà báo đều đã tuân thủ các tiên trình cơ bản của một quy trình sáng tạo một tác phẩm báo chí là: Nghiên cứu, tìm hiểu thực tiễn, phát hiện và thu thập thông tin, dữ liệu; hình thức thể hiện tác phẩm và tự biên tập tác phẩm...

Tuy nhiên, trong thực tế hoạt động báo chí hiện nay, không phải lúc

nào các nhà báo, các cộng tác viên cũng thực hiện tốt được những yêu cầu này, nên đã có những bài làm ảnh hưởng đến giá trị thông tin của các tác phẩm báo chí và làm mất niềm tin của công chúng về tính trung thực của báo chí. Nguyên nhân chính của vấn đề này, đó chính là sự vi phạm đạo đức nghề nghiệp của nhà báo ở từng khâu trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí.

### ***1.3.2. Quyền nhân thân trong nghiệp vụ (tác nghiệp) báo chí***

Có thể xem đây là những công việc biên tập của các biên tập viên đã thực hiện trong quá trình sưu tập, tuyển chọn... Tính chất tổng hợp từ các nguồn tin, sự kiện được các biên tập viên thực hiện trong quá trình tác nghiệp đã tạo nên một tác phẩm mới. Khoản 2 Điều 736 BLDS đã quy định: “*Người sáng tạo ra tác phẩm phái sinh từ tác phẩm của người khác, bao gồm các tác phẩm được dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn là tác giả của tác phẩm phái sinh đó*”.

Theo quy định của Luật Báo chí các nhà báo là phóng viên có quyền đến hiện trường thu thập thông tin, tư liệu, phỏng vấn... để có chất liệu hoàn thành một tác phẩm báo chí. Đây chính là quyền tác nghiệp của nhà báo khi thâm nhập thực tiễn. Trách nhiệm của các cơ quan hữu quan và cá nhân phải trả lời phỏng vấn của báo chí đã được quy định rất cụ thể trong Luật Báo chí. Việc cá nhân tổ chức né tránh báo chí là những hiện tượng đã được phản ánh. Thực tế còn có những nhà báo khi tác nghiệp bị làm phiền hoặc bị tạm giữ trái pháp luật như phóng viên của Đài tiếng nói Việt Nam khi đến Văn Giang, Hưng Yên lấy thông tin tư liệu bị hành hung mà dư luận cả nước biết đến. Trong thực tế cũng đã những nhà báo lợi dụng quyền tác nghiệp của mình để làm những việc bất chính đối với doanh nghiệp, người dân.

### ***1.3.3. Ý nghĩa của việc bảo vệ quyền nhân thân với tác phẩm báo chí***

Quyền nhân thân thể hiện trong nhiều lĩnh vực đời sống và có ý nghĩa

rất lớn đối với đời sống tinh thần của cá nhân. Mỗi hành vi xâm phạm đến quyền nhân thân của cá nhân ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của người bị xâm phạm. Việc xác định quyền nhân thân thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự rất quan trọng, để có căn cứ xác định các quyền nhân thân này bị xâm phạm trong những trường hợp nào và trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi các quyền nhân thân bị xâm phạm. Hơn nữa, việc xác định chuẩn xác các quyền nhân thân thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự, để cá biệt hoá các hành vi xâm phạm quyền nhân thân thuộc trách nhiệm dân sự hoặc thuộc về loại trách nhiệm khác.

Việc bảo vệ quyền nhân thân của cá nhân trong trường hợp bị xâm phạm có ý nghĩa rất quan trọng, không chỉ kịp thời ngăn chặn các hành vi trái pháp luật xâm phạm đến quyền nhân thân của cá nhân các nhà báo, công tác viên nhằm bảo đảm trật tự pháp lý xã hội, công bằng và giáo dục ý thức pháp luật làm cho mọi người tôn trọng quyền nhân thân của các Nhà báo. Việc làm này còn tạo điều kiện thuận lợi cho các quyền nhân thân của cá nhân là nhà báo, công tác viên được thực hiện trên thực tế, khắc phục những hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần bảo đảm đời sống tinh thần và tạo điều kiện cho nhà báo, công tác viên lao động và sáng tạo.

Do đặc điểm quyền nhân thân của cá nhân không thể trị giá được bằng tiền, không thể chuyển giao cho người khác, trừ những ngoại lệ do pháp luật quy định... nên việc bảo vệ quyền nhân thân của các nhà báo, biên tập viên... trong trường hợp bị xâm phạm có một số khác biệt với việc bảo vệ các quyền dân sự khác như các biện pháp bảo vệ được áp dụng đa dạng; việc khắc phục thiệt hại về quyền nhân thân bị xâm phạm trong một số trường hợp phải do chính những người có hành vi xâm phạm phải thực hiện; việc bồi thường thiệt hại khắc phục thiệt hại về quyền nhân thân rất khó tính toán cụ thể và mang tính giáo dục là chủ yếu... Bên cạnh đó, hiệu quả bảo vệ quyền nhân thân của

cá nhân chịu sự ảnh hưởng rất lớn của các quy định pháp luật và những điều kiện kinh tế - xã hội.

Mỗi người làm báo khi thể hiện tác phẩm phải đảm bảo tính trung thực tuyệt đối mà không ai có thể tìm ra bất cứ một sự giả dối nào. Tác phẩm báo chí hàm chứa lượng thông tin về các sự kiện, các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống thường nhật một cách trọn vẹn, kịp thời; đảm bảo sự khách quan, trung thực, đúng bản chất, mang lại lợi ích thiết thực cho công chúng. Cái hay của báo chí không phải chỉ là hương, hoa, ý tưởng trầm sâu như cái hay của văn chương, nghệ thuật, mà đó chính là sự tác động trực tiếp về nội dung tư tưởng tạo ra sự lan toả thông tin mang lại hiệu quả cao trong xã hội.

Một tác phẩm báo chí hay bao giờ cũng là một tác phẩm báo chí có nội dung tư tưởng tốt và hình thức thể hiện thích hợp. Công chúng tiếp nhận tác phẩm báo chí có nhu cầu thoả mãn sự hưởng thụ cái hay về nội dung tư tưởng và hình thức thể hiện. Ngày nay, đa phần ý kiến đồng ý với quan điểm cho rằng, một tác phẩm báo chí độc đáo, mới mẻ, hoàn chỉnh và được xã hội thừa nhận bao giờ cũng chứa đựng một lượng thông tin có giá trị, có tính thời sự. Đó là lượng thông tin chính xác, trung thực, tin cậy, hấp dẫn và có tính thời sự nóng hổi. Với một bút pháp và thể loại thích hợp tác phẩm báo chí phải có hiệu quả, hiệu ứng xã hội cao nhất. Có thể xem đây là các tiêu chí cơ bản và cũng là cái hay trong một tác phẩm báo chí.

#### **1.4. Lược sử phát triển của các quy định về quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí**

✓ Trên thế giới: Nhiều công trình nghiên cứu đã thống nhất rằng, trong thời kỳ Phong kiến trung cổ, con người chưa biết đến quyền cho một tác phẩm trí tuệ. Các quy định luật pháp chỉ có cho những vật mang tác phẩm trí tuệ, đặc biệt là chỉ chú ý tới khía cạnh về sở hữu. Chẳng hạn quy định: không được phép trộm cắp một quyển sách nhưng lại được phép sao chép lại những

thông tin từ quyển sách đó. Việc nhiều tác giả cùng làm việc trong một đề tài là một trường hợp bình thường, nhưng khi không muốn bài viết bị thay đổi tác giả chỉ còn có cách gắn một lời nguyện rửa vào quyển sách của mình như Eike von Repgow, tác giả của Sachsenspiegel, một quyển sách ghi chép lại các luật lệ đương thời, đã nguyện rửa những người giả mạo tác phẩm của ông sẽ bị bệnh hủi. Cùng với phát minh in (khoảng năm 1440), các bản sao chép lại của một tác phẩm bắt đầu có thể được sản xuất ở số lượng lớn được thực hiện một cách dễ dàng hơn. Nhưng tác giả thì vẫn chưa có được “quyền tác giả” và còn phải vui mừng là chẳng những tác phẩm được in mà nhà in hay nhà xuất bản còn trả cho một số tiền cho bản viết tay. Thế rồi đi đến trường hợp là bản in đầu tiên bị các nhà in khác in lại. Việc này làm cho việc kinh doanh của nhà in đầu tiên khó khăn vì người này đã đầu tư lao động nhiều hơn và có thể cũng đã trả tiền cho tác giả, những người in lại tự nhiên là có thể mời chào sản phẩm của họ rẻ tiền hơn. Tác giả cũng có thể không bằng lòng với các bản in lại vì những bản in lại này thường được sản xuất ít kỹ lưỡng hơn: có lỗi hay thậm chí bài viết còn bị cố ý sửa đổi.

Vì thế, để chống lại tẻ in lại, các nhà in đã xin các quyền lợi đặc biệt từ phía chính quyền, cấm in lại một tác phẩm ít nhất là trong một thời gian nhất định. Lợi ích của nhà in trùng với lợi ích của nhà cầm quyền vì những người này muốn có ảnh hưởng đến những tác phẩm được phát hành trong lãnh địa của họ. Đặc biệt là nước Pháp, do có chế độ chuyên chế sớm nên đã thực hiện được điều này, ít thành công hơn là ở Đức. Tại Đức một số Hầu tước còn cố tình không quan tâm đến việc các nhà xuất bản vi phạm các đặc quyền từ Hoàng đế nhằm để giúp đỡ các nhà xuất bản này về kinh tế và để mang vào lãnh thổ các tác phẩm văn học đang được ưa chuộng một cách rẻ tiền. Vì vậy, những ý tưởng của Phong trào Khai sáng phần lớn là đã được truyền bá bằng các bản in lậu.

Khi Thời kỳ Phục hưng bắt đầu, cá nhân con người trở nên quan trọng hơn và đặc quyền tác giả cũng được ban phát để thưởng cho những người sáng tạo ra tác phẩm của họ. Tại nước Đức thí dụ như là Albrecht Dürer (1511) đã được công nhận một đặc quyền như vậy. Nhưng việc bảo vệ này chỉ dành cho người sáng tạo như là một cá nhân (*quyền cá nhân*) và chưa mang lại cho tác giả một thu nhập nào. Giữa thế kỷ XVI, các đặc quyền lãnh thổ được đưa ra, cấm in lại trong một vùng nhất định trong một thời gian nhất định. Khi các nhà xuất bản bắt đầu trả tiền nhuận bút cho tác giả thì họ tin rằng cùng với việc này họ có được một độc quyền kinh doanh (thuyết về sở hữu của nhà xuất bản), ngay cả khi họ không có đặc quyền cho tác phẩm này. Vì thế mà việc in lại bị cấm khi các quyền từ tác giả được mua lại [4].

Cũng theo Bách khoa toàn thư, mãi đến thế kỷ XVIII, lần đầu tiên mới có các lý thuyết về các quyền giống như sở hữu cho các lao động trí óc. Trong một bộ luật của nước Anh vào năm 1710, *Statute of Anne*, lần đầu tiên một độc quyền sao chép của tác giả được công nhận. Tác giả sau đó nhượng quyền này lại cho nhà xuất bản. Sau một thời gian được thỏa thuận trước tất cả các quyền lại thuộc về tác giả. Tác phẩm phải được ghi vào trong danh mục của hiệp hội các nhà xuất bản và phải có thêm ghi chú *copyright* để được bảo vệ. Phương pháp này được đưa vào ứng dụng tại Mỹ vào năm 1795 (yêu cầu phải ghi vào danh mục được bãi bỏ tại Anh vào năm 1956 và tại Hoa Kỳ vào năm 1978). Ý tưởng về sở hữu trí tuệ phần lớn được giải thích bằng thuyết về quyền tự nhiên (tiếng Anh: *natural law*). Tại Pháp một *Propriété littéraire et artistique* (Sở hữu văn học và nghệ thuật) được đưa ra trong hai bộ luật vào năm 1791 và 1793. Tại nước Phổ một bảo vệ tương tự cũng được đưa ra vào năm 1837. Cũng vào năm 1837 Hội đồng liên bang của Liên minh Đức quyết định thời hạn bảo vệ từ khi tác phẩm ra đời là 10 năm, thời hạn này được kéo dài thành 30 năm sau khi tác giả qua đời (*post mortem auctoris*) vào năm

1845. Trong Liên minh Bắc Đức việc bảo vệ quyền tác giả được đưa ra vào năm 1857 và được Đế chế Đức thu nhập và tiếp tục mở rộng sau đó. Trong Đế tam Đế chế, các tác giả chỉ là “người được ủy thác trông nom tác phẩm” cho cộng đồng nhân dân. Những lý lẽ được đưa ra trong các cuộc thảo luận về việc quyền tác giả phải phản ứng như thế nào trước các phát triển kỹ thuật hiện tại đều tương tự như nhau trên toàn thế giới. Một vài quốc gia chỉ còn có một phạm vi tự do hạn hẹp trong việc định hình cho quyền tác giả vì những quy định khác thường có thể được coi là lợi thế không công bằng, không được các đối tác thương mại thế giới chấp nhận mà không có phản ứng chống lại. Trong tương quan về thế mạnh hiện tại Mỹ là quốc gia có phạm vi tự do rộng lớn nhất và với Digital Millennium Copyright Act (DMCA) là quốc gia đã định sẵn chiều hướng chung của quyền tác giả, đi đến việc bảo vệ quyền tác giả một cách nghiêm ngặt hơn.

Tại châu Âu, các chỉ thị của Liên minh châu Âu chỉ có tính chất tạo khuôn khổ và phải được bổ sung bằng các luật lệ của từng quốc gia. Bắt đầu từ ngày 13 tháng 9 năm 2003 một quyền tác giả được sửa đổi có hiệu lực tại Đức mà trong đó, ngoài những điều lệ khác, việc vô hiệu hóa các phương pháp bảo vệ chống sao chép cho các mục đích thương mại cũng như cá nhân đều sẽ bị phạt. Điều 95 của Luật quyền tác giả quy định về việc “bảo vệ các biện pháp kỹ thuật”. Theo Điều 95 khoản 1 của Luật quyền tác giả, các biện pháp kỹ thuật không được phép vô hiệu hóa khi chưa có sự đồng ý của người đang sở hữu quyền này. Các biện pháp bảo vệ chống sao chép ở các đĩa compact (CD) ghi âm thanh hay DVD không còn được phép vô hiệu hóa vì mục đích sao chép cho cá nhân nữa. Tại Áo việc thực hiện EUCD đã có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2003. Trong thời gian gần đây IP-Enforcement Directive của Liên minh châu Âu là bước kế tiếp trong hướng đi đến thắt chặt hơn nữa các luật lệ về quyền tác giả.



Ngoài những nguyên nhân khác đây cũng là một phản ứng chống lại việc sử dụng ngày càng phổ biến các nơi trao đổi trong internet và các công nghệ khác của “thời đại số”. Ngày nay chương trình phát thanh hay truyền hình có thể nghe hay xem được qua Internet, sách điện tử (e-book) được coi như là một cạnh tranh của sách in. Những thay đổi này là lý lẽ của những người kinh doanh trong giới truyền thông nhằm để thông qua luật lệ mà trở về lại thời kỳ trước khi các máy quay video, máy thu băng và máy thu thanh được phổ biến rộng rãi: Vào năm 1900, khi muốn nghe nhạc (không phải là live) thì tất cả mọi người đều phải mua một đĩa hát. Mỗi một phát minh mới, thí dụ như máy thu thanh, đều được coi như là sẽ làm suy tàn công nghiệp âm nhạc, nhưng thật ra điều trái ngược lại đã xảy ra.

Bản quyền (tiếng Anh: *copyright*) là thuật ngữ được các quốc gia theo hệ thống pháp luật Anh-Mỹ (án lệ) dùng chỉ cho quyền phi vật thể đối với các tác phẩm trí tuệ. Quyền này tương tự như quyền tác giả (tiếng Pháp: *droit d'auteur*; tiếng Đức: *Urheberrecht*) ở Việt Nam nói riêng và các quốc gia theo hệ thống luật lục địa châu Âu như Đức hoặc một số quốc gia Châu Âu khác nhưng khác nhau ở nhiều điểm cơ bản.

Chủ thể được bảo hộ là tương đối khác nhau. Trong khi quyền tác giả đặt tác giả như là người sáng tạo và các quan hệ tinh thần của tác giả đối với tác phẩm làm trung tâm thì *copyright* lại bảo vệ quyền lợi kinh tế của người sở hữu quyền tác giả (*copyright owner*) hơn là chính tác giả. *Copyright* trước nhất là dùng để bảo vệ các đầu tư về kinh tế. Chính từ nền tảng này mà luật của các vùng nói tiếng Anh và luật của châu Âu lục địa đã đi đến kết quả khác nhau cho nhiều vấn đề về luật pháp.

Trong *copyright* của hệ thống luật Anh-Mỹ, trái ngược với luật về quyền tác giả của hệ thống luật Châu Âu lục địa, các quyền sử dụng và quyền định đoạt về một tác phẩm thường không dành cho tác giả, mà lại dành cho

những người khai thác các quyền này về mặt kinh tế (thí dụ như nhà xuất bản). Tác giả chỉ giữ lại các quyền phủ quyết có giới hạn nhằm để ngăn cản việc lạm dụng của *copyright* từ phía những người khai thác các quyền này.

Một điểm khác biệt cơ bản nữa giữa bản quyền và quyền tác giả là luật về quyền tác giả bảo vệ cả những quyền nhân thân của tác giả (*moral rights*) trong khi các quốc gia như Anh, Úc, Mỹ hầu như không hề có những quy định này cho đến thời gian gần đây. Cụ thể như pháp luật về quyền tác giả Việt Nam từ lâu đã bảo vệ những quyền nhân thân của tác giả như quyền bảo đảm được trích dẫn khi tác phẩm được sử dụng hoặc quyền bảo đảm tác phẩm không bị sửa đổi, bổ sung, thay đổi, chuyển thể dưới mọi hình thức mà không được sự đồng ý của (các) tác giả. Cho đến những năm gần đây *copyright* tại Mỹ vẫn phải đăng ký một cách rõ ràng và chấm dứt 75 năm sau khi được ghi vào trong danh mục *copyright* trung tâm. Hiện nay các tác phẩm mới tại Mỹ được bảo vệ cho đến 70 năm sau khi tác giả qua đời hay 95 năm dành cho các doanh nghiệp. Việc đăng ký *copyright* tại Thư viện Quốc hội Mỹ (*Library of Congress*) không còn là cần thiết bắt buộc nữa nhưng vẫn được khuyến khích thực hiện.

Ghi chú *copyright* - ký hiệu © hay (c), sau đó thường là người sở hữu quyền và năm - hay cũng được gọi là thông báo quyền tác giả có nguồn gốc từ luật Mỹ. Lý do là theo các luật lệ cũ của Mỹ thì có thể mất các quyền về một tác phẩm nếu như không có ghi chú *copyright*. Sau khi Mỹ gia nhập Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật vào năm 1989 thì ghi chú *copyright* không cần thiết nữa nhưng vẫn có thể được đính kèm tùy theo ý muốn. Trong hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa thì ngược lại, quyền tác giả phát sinh tại thời điểm tác giả tạo ra tác phẩm. Liên minh châu Âu đã đưa ra nhiều chỉ thị để thống nhất quyền tác giả trong toàn Liên minh châu Âu. Theo Chỉ thị phần mềm (91/259/EWG) ra đời vào năm 1991 thì các chương trình

máy tính được bảo vệ như là các tác phẩm văn học theo ý nghĩa về quyền tác giả. Trong năm 1993, thông qua Chỉ thị về hòa hợp thời gian bảo vệ quyền tác giả và một số quyền bảo vệ có liên quan (còn gọi là Chỉ thị về thời gian bảo vệ), thời gian bảo vệ của các tác phẩm văn học và nghệ thuật được ấn định thống nhất là cho đến 70 năm sau khi tác giả qua đời. Các quyền lợi của những nhà nghệ thuật biểu diễn chấm dứt 50 năm sau khi biểu diễn. Với Chỉ thị quyền tác giả của Liên minh châu Âu (Chỉ thị 2001/29/EG) các quy định luật pháp châu Âu về quyền tác giả được nâng lên cùng với thời đại số và các định ước quốc tế được thực hiện thông qua các hiệp định của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) [4].

✓ Ở Việt Nam, kể từ sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, quyền nhân thân của cá nhân nói chung và quyền nhân thân trong báo chí đã được quan tâm, luôn được pháp luật bảo vệ và ngày càng được coi trọng. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, dù trong giai đoạn khó khăn nhất của chiến tranh, giai đoạn dựng xây đất nước sau hòa bình, thống nhất đến giai đoạn phát triển kinh tế và hội nhập sâu rộng với thế giới ngày nay thì mỗi người dân Việt Nam khi sinh ra đều được bảo đảm các quyền công dân, trong đó có quyền nhân thân. Đây là một trong những quyền dân sự cơ bản của con người được pháp luật Việt Nam bảo hộ và quy định cụ thể trong Bộ luật Dân sự và một số bộ luật khác.

Các quyền nhân thân của cá nhân được quy định trong các đạo luật cơ bản như: Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013 và được cụ thể hoá trong Bộ luật Dân sự năm 1995 và hiện nay là Bộ luật Dân sự năm 2005; Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005... Các quyền đó được thể hiện ở những nội dung rất cơ bản của quyền con người. Đó là quyền được bảo vệ về sức khỏe, tính mạng, tên gọi, danh dự, uy tín, nhân phẩm, quyền mang họ tên, quyền thay đổi họ tên, quyền cư trú, quyền tự do báo chí, quyền tự do sáng tạo văn học,

nghệ thuật, quyền phát minh, sáng chế, quyền tạo ra các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, quyền bí mật đời tư, quyền về hình ảnh...

Tuy nhiên lịch sử phát triển của pháp luật dân sự ở Việt Nam cho thấy: trong thời gian đầu quyền nhân thân nhất là quyền tác giả và quyền sở hữu trí tuệ của cá nhân chiếm một vị trí không đáng kể trong sự điều chỉnh của pháp luật dân sự. Quyền nhân thân nói chung hầu như bị các vấn đề về tài sản làm lu mờ, lấn át và chưa được quan tâm. Điều này là hoàn toàn dễ hiểu, bởi nó phụ thuộc vào vị trí của con người, sự quan tâm của xã hội đối với con người trong từng giai đoạn lịch sử - xã hội nhất định.

Trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, trước thời kỳ đổi mới, do kinh tế chưa phát triển và cũng do chưa được quan tâm nên để điều chỉnh bước đầu Chính phủ chỉ ban hành Nghị định 142/HĐBT quy định đối tượng quyền tác giả là những tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật, khoa học. Đến năm 1994 Nhà nước mới ban hành Pháp lệnh bảo hộ quyền tác giả với những quy định có tính chất hệ thống và bài bản. Cũng từ đây quyền nhân thân trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ mới bắt đầu được nhà nước và xã hội chú ý. Trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng và trong điều kiện toàn cầu hóa Nhà nước đã quy định một cách có hệ thống trong Bộ luật dân sự 1995 và sau này các nội dung cơ bản được đưa vào đạo luật riêng về sở hữu trí tuệ năm 2005 (Hội nhập quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam. Tác giả Kiều Thị Thanh. Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội 2013, trang 28-33)

Từ những lý luận và thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu vấn đề quyền nhân thân của cá nhân, quyền nhân thân trong lĩnh vực quyền tác giả và tác phẩm báo chí là một vấn đề rất thiết yếu và cấp bách. Do có sự quan tâm của Nhà nước nên khi nền kinh tế phát triển mảng pháp luật quan trọng này đã không ngừng được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện. Trong quá trình hoàn thiện pháp luật về quyền nhân thân nói chung và quyền nhân thân trong lĩnh vực

báo chí nói riêng các nhà làm luật đã đưa ra những phương án, giải pháp khá cụ thể, đồng bộ để điều chỉnh và bảo vệ quyền nhân thân một cách có hiệu quả hơn. Việc hoàn thiện pháp luật về quyền nhân thân nói chung và quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí nói riêng đã ngày một đảm bảo hơn các quy định về công bằng trong một xã hội dân chủ và văn minh.

## **Chương 2**

### **QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN NHÂN THÂN VÀ BẢO VỆ QUYỀN NHÂN THÂN TRONG LĨNH VỰC BÁO CHÍ**

Trong quá trình hoàn thiện các quy định của pháp luật trong điều kiện hội nhập quốc tế, thì các quy định về quyền nhân thân, quyền tác giả và nhóm các quyền có liên quan không ngừng được sửa đổi, bổ sung. Nhiều quy định trong một số bộ luật của Việt Nam liên quan đến quyền tác giả và quyền nhân thân đối với tác phẩm báo chí và việc bảo vệ các quyền này đã không ngừng được hoàn thiện. Các quy định trong hệ thống pháp luật thực định đã dần phù hợp với các điều ước quốc tế đa phương mà Việt Nam là thành viên như: Công ước Berne, Hiệp định TRIPs...

Những quyền liên quan đến tác phẩm báo chí bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Quyền nhân thân của tác giả các tác phẩm báo chí bao gồm những quyền tác giả sau đây: quyền đặt tên cho tác phẩm; quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; quyền được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm; quyền được bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả. Nhóm quyền tài sản đối với tác phẩm báo chí cũng bao gồm: quyền làm tác phẩm phái sinh; quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng; quyền sao chép tác phẩm; quyền phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm; quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác; quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.

## **2.1. Các quy định của pháp luật dân sự về quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí**

Chủ thể của quyền tác giả và cũng là chủ thể của quan hệ pháp luật này trước hết là tác giả. Đó chính là: “1. Người sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học (sau đây gọi chung là tác phẩm) là tác giả của tác phẩm đó. 2. Người sáng tạo ra tác phẩm phái sinh từ tác phẩm của người khác, bao gồm tác phẩm được dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn là tác giả của tác phẩm phái sinh đó” (Điều 736 BLDS 2005). Điều 737 BLDS cũng quy định cụ thể về đối tượng quyền tác giả “bao gồm mọi sản phẩm sáng tạo trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học được thể hiện dưới bất kỳ hình thức và bằng bất kỳ phương tiện nào, không phân biệt nội dung, giá trị và không phụ thuộc vào bất kỳ thủ tục nào”.

Liên quan đến tác giả và quyền tác giả trong lĩnh vực nhân thân của các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, trong đó có tác phẩm báo chí là vấn đề chủ sở hữu tác phẩm. Có những quyền luôn thuộc về tác giả, nhưng có những quyền lại thuộc về chủ sở hữu tác phẩm (nếu tác giả không đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm). Bộ luật Dân sự đã có quy định rất cụ thể: “1. Quyền nhân thân thuộc về tác giả. 2. Trong trường hợp tác phẩm được sáng tạo không phải trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng giao việc thì quyền tài sản thuộc về tác giả. 3. Trong trường hợp tác phẩm được sáng tạo trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng giao việc thì quyền tài sản thuộc về cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ hoặc bên giao việc theo hợp đồng, trừ trường hợp có thoả thuận khác. Trong trường hợp quyền tài sản không thuộc về tác giả thì tác giả có quyền nhận thù lao, nhuận bút do chủ sở hữu quyền tài sản chi trả theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ” [20, Điều 70].

Là một quan hệ pháp luật nên quyền tác giả trong các tác phẩm văn

học, nghệ thuật, khoa học (bao gồm cả tác phẩm báo chí) đều có những căn cứ phát sinh do pháp luật dự liệu và thời điểm được pháp luật bảo hộ, nghĩa là thời điểm phát sinh quyền của tác giả đối với tác phẩm. Điều 739 BLDS đã quy định cụ thể thời điểm phát sinh và hiệu lực quyền tác giả sau đây: “1. Quyền tác giả phát sinh kể từ ngày tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định. 2. Quyền nhân thân thuộc quyền tác giả tồn tại vô thời hạn, trừ quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm do pháp luật về sở hữu trí tuệ quy định. 3. Quyền tài sản thuộc quyền tác giả tồn tại trong thời hạn do pháp luật về sở hữu trí tuệ quy định”. Tùy từng loại hình tác phẩm mà BLDS 2005 đã có những quy định khác nhau về căn cứ và thời điểm phát sinh quyền đối với tác phẩm đó. Chẳng hạn Điều 745 BLDS quy định về chủ sở hữu và nội dung quyền đối với cuộc biểu diễn. Điều 746 BLDS quy định về chủ sở hữu và nội dung quyền đối với bản ghi âm, ghi hình. Điều 747 BLDS quy định về chủ sở hữu và nội dung quyền đối với cuộc phát sóng. Điều 748 BLDS quy định về chủ sở hữu và nội dung quyền đối với tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá...

Vấn đề pháp lý có tính chất đặc trưng trong quyền nhân thân thuộc về quyền tác giả trong quá trình chuyển giao là việc không được chuyển dịch. Nguyên tắc truyền thống của pháp luật dân sự và pháp luật về sở hữu trí tuệ là: không được chuyển giao quyền nhân thân, trừ quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm. Như vậy, quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm là quyền nhân thân có thể được chuyển giao theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Quyền tài sản cũng có thể được chuyển giao toàn bộ hoặc từng phần theo hợp đồng hoặc để thừa kế, kế thừa. Tuy nhiên các tác phẩm báo chí mang tính thời sự nên khác các tác phẩm văn học, nghệ thuật, để trở thành tài sản thừa kế phải có những điều kiện nhất định. Đó là, nếu tác giả sưu tập các bài viết đã đăng trên các báo và in thành



sách thì lại có thể là tài sản thừa kế. Việc chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng dưới dạng văn bản với chủ sở hữu tác phẩm.

Quy định trên đây của BLDS 2005 đã tương ứng với Điều 6 (bis) Công ước Berne về quyền đứng tên thật hay bút danh trên tác phẩm luôn độc lập với quyền kinh tế của tác giả và *“cả sau khi quyền này đã được chuyển nhượng, tác giả vẫn giữ quyền được đòi thừa nhận mình là tác giả của tác phẩm”*. Đó là một quyền nhân thân luôn luôn gắn liền với tác giả, không thể chuyển nhượng cho người khác và có ý nghĩa suốt cuộc đời tác giả bằng sức sống của tác phẩm kể cả sau khi tác giả đã chết.

Ví dụ: Thi hào Nguyễn Du sáng tác Truyện Kiều từ thế kỷ XIX, nay đã nhiều năm sau khi ông qua đời, nhưng đến muôn đời sau tên tuổi ông vẫn sống mãi trong lòng người đọc với “Truyện Kiều” - nghĩa là vô thời hạn và không bị ảnh hưởng bởi yếu tố thời gian. Trước đây quyền nhân thân này cũng được bảo hộ vô thời hạn theo quy định của Bộ luật Dân sự tại khoản 1 Điều 766 BLDS 1995.

Đối với nhóm quyền công bố, phổ biến hoặc cho người khác công bố, phổ biến tác phẩm của mình, BLDS quy định: khi tác phẩm viết được thể hiện dưới dạng vật chất nhất định là đồng thời phát sinh quyền tác giả đối với tác phẩm đó. Tuy nhiên, tác giả là chủ sở hữu tác phẩm hoặc các chủ sở hữu tác phẩm không trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm có quyền công bố, phổ biến tác phẩm rộng rãi ra công chúng, có quyền ấn định thời điểm công bố, phổ biến hoặc cho người khác công bố, phổ biến tác phẩm của mình. Nếu giữa tác giả và chủ sở hữu tác phẩm có thoả thuận khác thì thực hiện theo thoả thuận đó. Ví dụ: tác phẩm viết đó sẽ không được công bố, phổ biến hoặc chỉ công bố, phổ biến một phần của tác phẩm nếu có thoả thuận này.

Việc công bố, phổ biến tác phẩm là trình bày các tác phẩm đó trước

công chúng dưới dạng thuyết trình, trưng bày, xuất bản, biểu diễn, phát thanh, truyền hình và các hình thức khác. Một bản nhạc, một vở kịch được công chúng biết đến có thể qua hình thức biểu diễn, thuyết trình. Tác phẩm viết thuộc các thể loại văn học hay công trình nghiên cứu văn học, văn hoá, nghệ thuật có thể được truyền đạt đến công chúng bằng hình thức thuyết trình, trưng bày, xuất bản hoặc các hình thức vật chất khác. Loại hình tác phẩm viết chiếm số lượng đông đảo và rất phong phú trong số các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học được pháp luật các quốc gia và điều ước quốc tế đa phương bảo hộ quyền tác giả. Phổ biến hơn cả là khi công chúng biết đến một tác phẩm viết nào đó thường là hình thức xuất bản. Những tiểu thuyết, truyện, thơ, trường ca, các thể loại ký và các công trình văn hóa, văn học nghệ thuật ở Việt Nam lưu giữ nhiều nhất trong các thư viện được in thành sách để lưu truyền qua các thời kỳ phát triển của lịch sử xã hội. Trước đây, theo quy định của Thông tư số 27/2001/TT-BVHTT của Bộ Văn hóa thông tin thì sách, tài liệu, bản nhạc, câu đối... là những hình thức xuất bản phẩm cụ thể (phần I khoản 12 về giải thích thuật ngữ của Thông tư 27/2001).

Việc tác giả cho người khác công bố, phổ biến tác phẩm của mình là tùy thuộc ý muốn của tác giả đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm hoặc đó là quyền của chủ sở hữu tác phẩm không đồng thời là tác giả. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp khác do có sự thoả thuận giữa tác giả và chủ sở hữu về những nội dung cụ thể thì sẽ thực hiện theo đúng thỏa thuận đó. Nếu tác giả qua đời mà tác phẩm viết chưa được công bố, phổ biến (được gọi là di cáo) thì những người thừa kế của tác giả cũng được hưởng quyền thừa kế này. Quyền năng của tác giả được pháp luật bảo hộ trong suốt cuộc đời tác giả và 50 năm tiếp theo sau năm tác giả chết (Quyền này trước đây được quy định trong BLDS 1995 nay được quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ).

Tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm còn có quyền cho hoặc không cho

người khác sử dụng tác phẩm của mình. Đây có thể được xem là quyền tuyệt đối khi tác giả đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm viết. Chủ sở hữu tác phẩm viết không đồng thời là tác giả có quyền cho hoặc không cho người khác sử dụng tác phẩm viết với các hình thức sau đây: xuất bản để công chúng biết; sao chép tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào; dịch phóng tác, biên soạn, cải biên, chuyển thể tác phẩm viết. Dịch tác phẩm viết là chuyển tác phẩm đó từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác hoặc dịch từ chữ nôm, chữ nho sang chữ quốc ngữ. Phóng tác tác phẩm viết là sáng tạo ra một tác phẩm mới dựa theo nội dung của tác phẩm viết đó dưới hình thức thể hiện mới. Biên soạn là hoạt động tuyển chọn tác phẩm viết theo một chủ đề có thể có bình luận mở rộng, đánh giá theo quan điểm của người tuyển chọn. Cải biên là hoạt động sáng tạo ra tác phẩm mới trên cơ sở một tác phẩm viết gốc bằng cách thay đổi hình thức diễn đạt. Chuyển thể là hoạt động chuyển loại hình tác phẩm viết sang một loại hình thể hiện khác.

Quyền bảo hộ sự toàn vẹn tác phẩm chính là sự cho phép hoặc không cho phép người khác sửa đổi nội dung tác phẩm là một trong những nội dung quan trọng của quyền tác giả. Theo quy định của pháp luật hiện hành, tác phẩm viết được bảo hộ phải là tác phẩm gốc và được thể hiện hoàn chỉnh dưới dạng vật chất nhất định. Tác giả phải chính là người đã tạo ra tác phẩm bằng trình độ, tài năng, trí tuệ và công sức của mình... nên có quyền được bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm. Mọi hành vi cắt xén, thêm bớt, sửa đổi nội dung tác phẩm, thậm chí làm tác phẩm phái sinh, tuyển chọn... mà không có sự cho phép hoặc đồng ý của tác giả đều bị coi là vi phạm quyền tác giả.

Khi tác giả đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm qua đời thì những người thừa kế của tác giả cũng được hưởng quyền này. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả của quyền này là suốt cuộc đời tác giả và 50 năm tiếp theo sau năm tác giả chết (riêng quyền đứng tên tác phẩm được pháp luật về quyền tác giả

Việt Nam bảo hộ vô thời hạn). Những người thừa kế khi hưởng thừa kế là quyền tác giả cũng không vượt quá thời hạn bảo hộ 50 năm kể từ năm tiếp theo sau khi tác giả mất.

Quy định này của pháp luật hiện hành Việt Nam phù hợp với quy định của Công ước Berne. Điều 6 (bis) Công ước Berne cho phép tác giả có quyền: *“Phản đối bất kỳ sự xuyên tạc, cắt xén hay sửa đổi hoặc những vi phạm khác đối với tác phẩm có thể làm phương hại đối với danh dự và tiếng tăm tác giả”*. Công ước Berne còn quy định: các quyền về nhân thân này luôn độc lập với quyền kinh tế, ngay cả khi quyền đó đã được chuyển nhượng cho chủ thể khác làm chủ sở hữu. Tuy nhiên, điểm khác biệt giữa Công ước Berne và pháp luật Việt Nam là: Công ước không quy định thời hạn bảo hộ cụ thể đối với các quyền về nhân thân. Công ước Berne chỉ xác định thời hạn bảo hộ sau khi tác giả chết dựa trên cơ sở quyền năng về kinh tế: *“Được duy trì ít nhất cho đến khi chấm dứt các quyền kinh tế”*. Nhưng trên thực tế, các quyền nhân thân vẫn được tôn trọng vô thời hạn.

Để tránh sự tranh chấp, Điều 741 BLDS đã quy định cụ thể việc phân chia quyền của đồng tác giả trong trường hợp tác phẩm có nhiều tác giả. Trong trường hợp tác phẩm được các đồng tác giả sáng tạo, trong đó mỗi phần do từng đồng tác giả sáng tạo có thể tách rời để sử dụng độc lập thì quy định tại Điều 740 của BLDS được áp dụng cho từng phần tác phẩm được sử dụng độc lập đó, nếu các đồng tác giả không có thoả thuận khác. Trong trường hợp quyền của đồng tác giả không thể tách rời để sử dụng độc lập, thì phải có sự thoả thuận đồng ý của tất cả các đồng tác giả.

Hiện nay, do thực trạng xâm phạm quyền tác giả không còn là hiện tượng đơn lẻ nên trong thực tế đã hình thành tổ chức quản lý tập thể về quyền tác giả nhằm bảo vệ các tác giả phòng tránh sự xâm phạm. Theo quy định của pháp luật hiện hành, chủ sở hữu quyền tác giả có quyền cho phép hoặc không

cho phép người khác sử dụng tác phẩm của mình - đây được xem là quyền tuyệt đối của tác giả. Tuy nhiên, việc quản lý quyền đơn lẻ theo từng cá nhân chủ sở hữu tác phẩm trong thực tế thường gặp rất nhiều khó khăn. Một tác giả không thể tự mình kiểm soát được tác phẩm của mình được xã hội sử dụng ở những đâu, sử dụng vào những thời điểm nào và phục vụ những mục đích gì... Ngược lại, đối với người sử dụng các tác phẩm được pháp luật bảo hộ không phải dễ dàng tìm được tác giả của từng tác phẩm để xin phép sử dụng và trả tiền bản quyền khi sử dụng. Việc làm này sẽ mất rất nhiều thời gian, công sức và chi phí của cả hai bên, thậm chí không thể thực hiện được trên thực tế. Chẳng hạn, đối với các tác phẩm âm nhạc quốc tế, tác phẩm của các tác giả là người nước ngoài... thì rõ ràng là rất khó thực hiện nếu xin phép sử dụng. Để giải quyết vấn đề này và giúp chủ sở hữu quyền quản lý hiệu quả quyền lợi hợp pháp của mình, đồng thời giúp người sử dụng tác phẩm âm nhạc thuận tiện trong việc thực hiện nghĩa vụ về quyền tác giả, các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả đã ra đời.

Theo quy định của pháp luật, khi được sự ủy quyền từ phía các chủ sở hữu tác phẩm, các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả đóng vai trò là đại diện thực hiện việc quản lý và khai thác quyền tác giả. Tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả có quyền trực tiếp đàm phán, thỏa thuận với người sử dụng, cấp phép và thu tiền bản quyền, sau đó phân phối tiền bản quyền thu được tới chủ sở hữu tác phẩm và từng chủ sở hữu quyền nếu tác phẩm có đồng tác giả.

Hiện nay, Việt Nam hiện đã có 3 tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả là: Trung tâm Bảo vệ Quyền tác giả âm nhạc Việt Nam (quản lý quyền tác giả trong lĩnh vực âm nhạc), Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam (quản lý quyền liên quan của các nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình), Trung tâm Quyền tác giả văn học Việt Nam (quản lý quyền tác giả trong lĩnh vực văn học). Do tác phẩm báo chí có tính thời sự nên việc thành lập Trung tâm Bảo vệ Quyền

tác giả đối với tác phẩm báo chí chưa được quan tâm. Trên thực tế, chỉ một số ít các phóng sự, ký sự dài kỳ được biên tập thành sách là đáng để đăng ký được bảo vệ, nhưng khi đã xuất bản thành sách thì đã được pháp luật bảo hộ theo quy định chung về quyền tác giả.

Như đã trình bày tại Chương I Luận văn, trong nhóm quyền nhân thân liên quan đến quyền tác giả có những quyền nhân thân mà BLDS cho phép các tác giả có quyền chuyển giao. Điều 742 BLDS đã dự liệu cụ thể về việc chuyển giao quyền tác giả. Theo đó các quyền nhân thân theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 738 của BLDS là những quyền có thể được chuyển giao với các điều kiện do pháp luật về sở hữu trí tuệ quy định. Đối với những quyền tài sản có thể được chuyển giao toàn bộ hoặc từng phần theo hợp đồng hoặc để thừa kế, kế thừa. Điều 743 BLDS đã quy định cụ thể về hợp đồng chuyển giao quyền tài sản thuộc quyền tác giả. Đó là, việc chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền tài sản thuộc quyền tác giả được thực hiện trên cơ sở hợp đồng. Hợp đồng chuyển giao quyền tác giả nhất thiết phải được lập thành văn bản.

Tuy nhiên, có những quyền thuộc nội dung quyền tác giả lại không được pháp luật cho phép chuyển giao. Theo quy định tại khoản 1 Điều 742 BLDS cũng quy định cụ thể: quyền nhân thân quy định tại các điểm a, b và d khoản 2 Điều 738 của BLDS thì không được chuyển giao. Đó là các quyền đặt tên cho tác phẩm; quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; quyền được bảo vệ sự vẹn toàn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén làm thay đổi nội dung tác phẩm hoặc xuyên tạc tác phẩm.

Tóm lại, các quyền nhân thân của tác giả theo quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ được tôn trọng và bảo vệ. Trong đó, một số quyền nhân thân tuyệt đối không thể chuyển giao và các quyền này luôn được

gắn với tác giả vĩnh viễn như các quyền năng: quyền đặt tên cho tác phẩm, quyền đứng tên hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm.

Trong thực tế thi hành pháp luật, do các tác phẩm phái sinh (đó là những tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể...) có những vấn đề đặc trưng riêng, nên pháp luật nước ta đã có những quy định cụ thể riêng về chủ thể quyền tác giả đối với các tác phẩm phái sinh. Khoản 2 Điều 736 Bộ luật dân sự 2005 quy định: *“Người sáng tạo ra tác phẩm phái sinh từ tác phẩm của người khác, bao gồm tác phẩm được dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn là tác giả của tác phẩm phái sinh đó”*.

Như vậy, tác phẩm phái sinh là tác phẩm do những cá nhân hoặc một số cá nhân trực tiếp sáng tạo, được hình thành trên cơ sở một hoặc nhiều tác phẩm đã tồn tại (tác phẩm gốc) trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học, được thể hiện bằng bất kỳ phương thức hay hình thức nào khác biệt với phương thức hay hình thức thể hiện của tác phẩm gốc, thông qua một dạng vật chất nhất định khác biệt với tác phẩm gốc khi được truyền đạt tới công chúng.

Một trong những nội dung cần chú ý khi phân biệt các quyền nhân thân thuộc về tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm trong trường hợp tác phẩm được sáng tạo không phải trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng giao việc thì quyền tài sản thuộc về tác giả. Nếu tác phẩm được sáng tạo trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng giao việc với tổ chức, cơ quan thì quyền tài sản thuộc về cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ hoặc bên giao việc theo hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Trong những trường hợp quyền tài sản không thuộc về tác giả, thì tác giả chỉ có quyền nhận thù lao, nhuận bút do chủ sở hữu quyền tài sản chi trả theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Để phân định giới hạn, Bộ luật Dân sự đã quy định cụ thể các quyền

của tác giả không đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm như sau: Tác giả không đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm có các quyền nhân thân đối với tác phẩm mà mình là tác giả bao gồm: a) Đặt tên cho tác phẩm; b) Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, phổ biến, sử dụng; c) Bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm, cho phép hoặc không cho phép người khác sửa đổi nội dung tác phẩm. Quyền tài sản của tác giả không đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm mà mình là tác giả bao gồm: a) Được hưởng nhuận bút; b) Được hưởng thù lao khi tác phẩm được sử dụng; c) Nhận giải thưởng đối với tác phẩm mà mình là tác giả, trừ trường hợp tác phẩm không được Nhà nước bảo hộ [20, Điều 752].

Đối với chủ sở hữu tác phẩm nhưng không đồng thời là tác giả, Bộ luật Dân sự đã quy định có những quyền nhân thân đối với tác phẩm sau đây: a) Công bố, phổ biến hoặc cho người khác công bố, phổ biến tác phẩm thuộc quyền sở hữu của mình, trừ trường hợp giữa tác giả và chủ sở hữu có thoả thuận khác; b) Cho hoặc không cho người khác sử dụng tác phẩm thuộc quyền sở hữu của mình, trừ trường hợp giữa tác giả và chủ sở hữu có thoả thuận khác. Trong trường hợp chủ sở hữu tác phẩm không đồng thời là tác giả được hưởng lợi ích vật chất từ việc sử dụng tác phẩm dưới các hình thức sau đây: a) Xuất bản, tái bản, trưng bày, triển lãm, biểu diễn, phát thanh, truyền hình, ghi âm, ghi hình, chụp ảnh; b) Dịch, phóng tác, cải biên, chuyển thể; c) Cho thuê [20, Điều 753].

Trong điều kiện hội nhập và toàn cầu hóa như hiện nay, việc bảo hộ tác phẩm còn được thực hiện trên phạm vi quốc tế. Trên thực tế, luật về quyền tác giả của mỗi nước có những quy định các quyền khác nhau liên quan đến tác phẩm. Trong đó, có nhiều quyền tương tự giữa các quốc gia cũng được bảo hộ theo phạm vi quốc tế. Các hiệp định và công ước quốc tế như Công ước Berne, Hiệp định TRIPs... đã tạo ra sự thống nhất về các quyền sở hữu có



tính chất quốc tế như quyền tác giả. Các quốc gia ký kết hiệp định và trở thành thành viên của những hiệp định đa phương đều nhất trí việc bảo hộ tác phẩm trên phạm vi quốc tế. Theo các công ước và hiệp ước đa phương này, các tác phẩm được bảo hộ trước hết dựa trên cơ sở các quy định luật pháp của nước sở tại. Điều đó có nghĩa là các tác phẩm của tác giả là nước ngoài khi sử dụng ở Việt Nam sẽ được bảo hộ theo luật về quyền tác giả của Việt Nam. Ngược lại, các tác phẩm của Việt Nam được sử dụng ở nước ngoài sẽ được bảo hộ theo luật quyền tác giả của quốc gia đó.

Một trong những nội dung quan trọng của quyền tác giả là các quyền liên quan. Đó là quyền của những người tham gia vào việc thể hiện, định hình để đưa tác phẩm đến được với công chúng. Chủ sở hữu quyền liên quan có thể là người biểu diễn, người đầu tư để thực hiện cuộc biểu diễn, người đầu tư để tạo ra bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng... Quyền tác giả và các quyền liên quan được bảo hộ một cách riêng biệt. Trong thực tiễn thi hành, mỗi quyền cần có sự cho phép riêng mới có giá trị. Ví dụ như khi thực hiện sao chép một bản ghi âm để kinh doanh, người sử dụng không những cần xin phép người soạn nhạc và người viết lời bài hát (là những người sở hữu quyền tác giả) mà còn phải được sự đồng ý của cả người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm (là người sở hữu quyền liên quan). Tuy nhiên, việc sao chép để sử dụng có tính chất riêng tư thì không cần phải xin phép.

Pháp luật cũng quy định cụ thể về quyền của người biểu diễn được bảo hộ năm mươi năm tính từ năm tiếp theo năm cuộc biểu diễn được định hình. Quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình được bảo hộ năm mươi năm tính từ năm tiếp theo năm công bố hoặc năm mươi năm kể từ năm tiếp theo năm bản ghi âm, ghi hình được định hình nếu bản ghi âm, ghi hình chưa được công bố. Quyền của tổ chức phát sóng được bảo hộ năm mươi năm tính từ năm tiếp theo năm chương trình phát sóng được thực hiện. Về thời hạn bảo hộ

pháp luật quy định: sẽ chấm dứt vào thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 của năm chấm dứt thời hạn bảo hộ các quyền liên quan.

Đối với tác phẩm phái sinh, Điều 757 BLDS quy định cụ thể các quyền của tác giả dịch, phóng tác, biên soạn, cải biên, chuyển thể, bao gồm: Tác giả các tác phẩm phóng tác, biên soạn, cải biên, chuyển thể được hưởng các quyền tác giả đối với tác phẩm đó theo quy định tại Điều 751 hoặc Điều 752 của Bộ luật Dân sự, nhưng phải được tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm gốc cho phép và phải trả thù lao cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm gốc; nếu muốn thay đổi nội dung tác phẩm gốc, thì phải được tác giả cho phép và phải ghi tên tác giả và tên tác phẩm gốc. Đối với tác phẩm dịch, thì tác giả dịch được hưởng các quyền tác giả theo quy định tại Điều 751 hoặc Điều 752 của Bộ luật Dân sự, trừ quyền đặt tên cho tác phẩm.

Pháp luật dân sự có những quy định về bảo hộ quyền tác giả rất thông thoáng, nhưng đồng thời cũng quy định cụ thể về giới hạn quyền tác giả. Đó là, những cá nhân, tổ chức được sử dụng tác phẩm của người khác đã được công bố, phổ biến, nếu tác phẩm không bị cấm sao chụp và việc sử dụng đó không nhằm mục đích kinh doanh và không làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không xâm hại đến các quyền lợi khác của tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm. Tuy nhiên, khi sử dụng cá nhân, tổ chức sử dụng tác phẩm không phải xin phép và không phải trả thù lao cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm, nhưng phải ghi hoặc nhắc tên tác giả và nguồn gốc tác phẩm [20, Điều 760].

Điều 761 BLDS quy định cụ thể các hình thức sử dụng tác phẩm không phải xin phép tác giả, không phải trả thù lao, không vi phạm quyền tác giả, gồm: a) Sao lại tác phẩm để sử dụng riêng; b) Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai lệch ý của tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình; c) Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai lệch ý của tác giả để viết báo, để dùng

trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu; d) Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai lệch ý của tác giả để giảng dạy, kiểm tra kiến thức trong nhà trường; đ) Sao lại tác phẩm để lưu trữ, dùng trong thư viện; e) Dịch, phổ biến tác phẩm từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam và ngược lại... và chuyển tác phẩm sang chữ nổi cho người mù.

Để bảo hộ quyền tác giả, Điều 759 BLDS quy định cụ thể quyền yêu cầu được bảo hộ: *“Tác giả, chủ sở hữu tác phẩm khi bị người khác xâm phạm quyền tác giả, quyền của chủ sở hữu tác phẩm, có quyền yêu cầu người có hành vi xâm phạm hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc người đó phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại”*. Tuy nhiên không phải bất kỳ tác phẩm nào cũng được pháp luật dân sự bảo hộ. Nhà nước không bảo hộ các tác phẩm có nội dung tuyên truyền chống lại khối đoàn kết dân tộc hoặc chống lại Nhà nước. Mặt khác, tác giả của tác phẩm đó có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo các Điều 87 hoặc 88 Bộ luật hình sự.

## **2.2. Các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí**

Trên cơ sở quy định của Bộ luật Dân sự - Đạo luật quan trọng của Nhà nước, Luật Sở hữu trí tuệ 2005 quy định: những người sau đây cũng được công nhận là tác giả như: người dịch tác phẩm từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác được coi là tác giả tác phẩm dịch; người phóng tác từ tác phẩm đã có, người cải biên, chuyển thể tác phẩm từ loại hình nghệ thuật này sang loại hình khác được coi là tác giả của tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể; người biên soạn, chủ giải, tuyển chọn tác phẩm của người khác thành tác phẩm có tính sáng tạo được coi là tác giả biên soạn, chủ giải, tuyển chọn [23, Điều 13].

Luật Sở hữu trí tuệ 2005 cũng đã có những quy định rất cụ thể về quyền nhân thân và bảo hộ quyền nhân thân nói chung và với tác phẩm báo

chỉ nói riêng. Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 đã quy định quyền nhân thân bao gồm các quyền sau đây:

*“1. Đặt tên cho tác phẩm; 2. Dùng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; 3. Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm; 4. Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả”.*

Đối với quyền tài sản, Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 đã quy định:

*“1. Quyền tài sản bao gồm các quyền sau đây: a) Làm tác phẩm phái sinh; b) Biểu diễn tác phẩm trước công chúng; c) Sao chép tác phẩm; d) Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm; đ) Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác; e) Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính. 2. Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện theo quy định của Luật này. 3. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3 Điều 19 của Luật này phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả”.*

Các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả đã được quy định cụ thể tại Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ 2005: *“1. Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được bảo hộ bao gồm: a) Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; b) Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác; c) Tác phẩm báo chí”.*

Như vậy, tác phẩm báo chí quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 14 kể trên đã coi là loại hình tác phẩm được bảo hộ theo các quy định về quyền tác giả.

Điều 8 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP của Chính phủ khi hướng dẫn thi hành cũng quy định: tác giả của tác phẩm (văn học, nghệ thuật, khoa học, báo chí) là những người trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm đó. Tác giả bao gồm: Cá nhân người Việt Nam có tác phẩm được pháp luật bảo hộ; Cá nhân người nước ngoài có tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới hình thức vật chất nhất định tại Việt Nam được pháp luật bảo hộ; Người có tác phẩm được công bố lần đầu tiên ở Việt Nam; Người có tác phẩm được bảo hộ tại Việt Nam.

Ngoài những Nghị định của Chính phủ, Bộ Văn hóa - Thông tin đã ban hành một số văn bản như: Thông tư số 27/2001/TT-BVHTT ngày 10 tháng 5 năm 2001 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/CP ngày 29 tháng 11 năm 1996; Nghị định số 60/CP ngày 06 tháng 06 năm 1997 về hướng dẫn thi hành quy định về quyền tác giả trong Bộ luật Dân sự; Thông tư liên tịch của Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Tài chính số 58/2003/TTLT-BVHTT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2003 hướng dẫn bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu.

Trên cơ sở quy định của Bộ luật Dân sự về về tác giả, Luật Sở hữu trí tuệ 2005 cũng quy định cụ thể về quyền nhân thân, bao gồm: quyền đặt tên cho tác phẩm; quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm; quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả. Tổ chức, cá nhân khi công bố tác phẩm phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả. Pháp

luật sở hữu trí tuệ nghiêm cấm: sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, xuất bản tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả...

Điều đáng chú ý và cũng là tính chất đặc trưng trong các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ là các quy định cụ thể về tác phẩm phái sinh. Khoản 8, Điều 4 Luật SHTT 2005 đã quy định: “*Tác phẩm phái sinh là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn*”. Như vậy, các tác phẩm dịch, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn theo các loại hình tác phẩm phái sinh trên đây có thể chia thành các nhóm: Nhóm có tác động đến tác phẩm gốc và nhóm chỉ liên quan đến ý tưởng tác phẩm gốc.

Theo nguyên tắc truyền thống, việc bảo hộ tác phẩm phái sinh được Công ước Berne quy định tại khoản 3 Điều 2. Điều 2 Công ước có nhấn mạnh đến việc bảo hộ tác phẩm phái sinh, nhưng không được làm phương hại đến quyền tác giả của tác phẩm gốc.

Tại Hiệp định TRIPs về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ cũng quy định các nước thành viên phải tuân thủ theo quy định tại Điều 1 đến Điều 20 Công ước Berne (trong đó có khoản 3 Điều 2 về bảo hộ tác phẩm phái sinh). Hiệp định TRIPs cũng quy định bảo hộ chương trình máy tính, bảo hộ tác phẩm phái sinh được sáng tạo từ việc tuyển chọn, sắp xếp từ một tác phẩm khác. Điều 10 Hiệp định TRIPs quy định: “*Các chương trình máy tính, dù dưới dạng mã nguồn hay mã máy, đều phải được bảo hộ như tác phẩm văn học theo Công ước Berne (1971). Các bộ sưu tập dữ liệu hoặc tư liệu khác (Compilations of data or other material), dù dưới dạng đọc được bằng máy hay dưới dạng khác, mà việc tuyển chọn hoặc sắp xếp nội dung chính là thành quả của hoạt động trí tuệ đều phải được bảo hộ.*”

*Việc bảo hộ nói trên, với phạm vi không bao hàm chính các dữ liệu hoặc tư liệu đó, không được làm ảnh hưởng tới bản quyền đang tồn tại đối với chính dữ liệu hoặc tư liệu đó*". Có thể thấy rằng, thuật ngữ "bộ sưu tập dữ liệu hoặc tư liệu khác" (Compilations of data or other material) trong Điều 10 của Hiệp định TRIPs đã và đang là chủ đề tranh luận trong giới nghiên cứu. "Bộ sưu tập dữ liệu hoặc tư liệu khác" khi nào được xác định là phạm vi tác phẩm phái sinh? Đồng thời "Bộ sưu tập dữ liệu hoặc tư liệu khác" có thuộc đối tượng điều chỉnh của khoản 3 Điều 1 Công ước Berne hay không? Cho đến nay vẫn còn có những tranh luận với những quan điểm trái ngược nhau.

Theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ thì tác phẩm dịch là tác phẩm phái sinh bởi đã được thể hiện bằng ngôn ngữ khác biệt với ngôn ngữ mà tác phẩm gốc thể hiện; sự sáng tạo của tác phẩm phái sinh được thông qua cách sử dụng ngôn ngữ đã chuyển thể của tác giả. Đó là các tác phẩm văn học, khoa học... được dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt để công chúng dễ tiếp cận. Trong thực tế, việc dịch tác phẩm có thể phát sinh hiện tượng: tác phẩm phái sinh từ tác phẩm phái sinh. Nghĩa là, có những tác phẩm phái sinh không được hình thành trên cơ sở tác phẩm gốc, mà được hình thành từ tác phẩm phái sinh khác. Vấn đề này hiện đang có nhiều tranh luận. Việc xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm gốc trong trường hợp tác phẩm dịch ít xảy ra đối với quyền nhân thân không thể chuyển giao, nhưng những tác phẩm được hình thành từ tác phẩm phái sinh khác là vấn đề khó xác định.

Ví dụ: có không ít trường hợp các tác phẩm văn học đang phổ biến ở nước ta mà tác phẩm gốc là tiếng Anh (có nhiều lý do khiến thời gian trước khi gia nhập WTO các nhà xuất bản Việt Nam không thể liên hệ và xin phép chủ sở hữu tác phẩm gốc bằng tiếng Anh), nhưng các bản dịch tiếng Việt lại từ tác phẩm phái sinh là tiếng Nga. Qua hai lần chuyển dịch ngôn ngữ thể hiện dễ làm cho người ta nghi ngờ tính chính xác nếu so với tác phẩm gốc.

Tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể là những tác phẩm ra đời dựa trên sự biến đổi tác phẩm gốc, nhằm làm cho tác phẩm phù hợp với những điều kiện thể hiện, mục đích khai thác khi công bố trước công chúng khác nhau cũng được xem là tác phẩm phái sinh. Đây chính là sự thể hiện tác phẩm dưới một hình thức khác. Thuật ngữ “phóng tác, cải biên, chuyển thể” trong quy định của pháp luật Việt Nam về quyền tác giả được sử dụng tương đương với thuật ngữ “adaptation” trong tiếng Anh, có nghĩa là sự phỏng theo, việc sửa lại cho phù hợp; sự biến đổi làm cho thích hợp.

Tác phẩm chuyển thể (bao gồm các tác phẩm phóng tác, cải biên) là tác phẩm được hình thành từ tác phẩm văn học sang một loại hình khác. Ví dụ: một người đã chuyển thể từ một tác phẩm văn học thành hình thức thể hiện mới để truyền đạt tới công chúng là: kịch bản sân khấu, điện ảnh, phim truyền hình nhiều tập... (tiếng Anh là dramatization). Tác phẩm gốc trong trường hợp này có thể là tiểu thuyết, ký sự, trường ca, truyện dài, truyện ngắn... hoặc cũng có thể là tác phẩm sân khấu được chuyển thành kịch bản điện ảnh, nhạc kịch, truyền hình...

Những loại hình tác phẩm phái sinh trên đây đều dựa trên một tác phẩm gốc và có liên quan trực tiếp đến tác phẩm gốc.

Trong thực tế, có những tác phẩm phái sinh không tác động đến tác phẩm gốc. Đó là những tác phẩm chỉ dựa trên ý tưởng hoặc tư tưởng chính của một tác phẩm để hình thành nên một tác phẩm mới.

Việc phải phân loại tác phẩm phái sinh được hình thành trên cơ sở không tác động đến cấu trúc của tác phẩm gốc có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định quyền tài sản đối với tác phẩm phái sinh khi tác phẩm gốc đã hết thời hạn bảo hộ quyền tài sản.

Đối với các tác phẩm báo chí được bảo hộ quyền tác phẩm như: phóng sự, ghi nhanh, tường thuật, phỏng vấn, phản ánh, điều tra, bình luận, xã luận,



chuyên luận, ký báo chí... thì khi phân phối, truyền đạt, sao chép... tổ chức, cá nhân phải xin phép chủ sở hữu quyền tác giả. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền nói trên phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả.

Có thể thấy rằng, pháp luật tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cũng như quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học, khoa học, tác phẩm báo chí. Tuy nhiên pháp luật về sở hữu trí tuệ cũng quy định rõ giới hạn của pháp luật. Đó là các quy định có tính nguyên tắc về chủ thể quyền sở hữu trí tuệ chỉ được thực hiện quyền của mình trong phạm vi và thời hạn bảo hộ theo quy định của pháp luật. Việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ không được xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được vi phạm các quy định khác của pháp luật có liên quan. Vì lợi ích quốc gia nên khoản 3 Điều 7 còn có quy định: *“Trong trường hợp nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và các lợi ích khác của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật này, Nhà nước có quyền cấm hoặc hạn chế chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền của mình hoặc buộc chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng một hoặc một số quyền của mình với những điều kiện phù hợp”* [23, Điều 7].

Do tác phẩm phái sinh có ý nghĩa quan trọng trong việc phổ biến tới công chúng, để bảo vệ quyền của tác giả pháp luật một số quốc gia cũng đã quy định khá cụ thể về loại hình này. Luật quyền tác giả của Hoa Kỳ đã quy định: *“Tác phẩm phái sinh là tác phẩm được hình thành trên cơ sở một hoặc nhiều tác phẩm đã có như là các tác phẩm dịch, các tác phẩm được phổ nhạc, được chuyển thể thành kịch, được tiểu thuyết hóa, được điện ảnh hóa, âm nhạc hóa, mỹ nghệ hóa, tóm tắt, tóm lược, hoặc bất kỳ hình thức nào khác mà trong đó tác phẩm có thể được cải biên, chuyển thể hoặc bổ sung. Một tác phẩm bao hàm các bản thảo đã được biên tập lại, các lời bình chú, phân tích*

*hoặc các sửa chữa khác về tổng thể là một tác phẩm nguyên thủy độc đáo hoàn chỉnh của tác giả là tác phẩm phái sinh*”. Qua đó ta thấy rằng, pháp luật Hoa Kỳ quy định cụ thể về điều kiện để có một tác phẩm phái sinh trước hết phải tồn tại “một hoặc nhiều tác phẩm”. Khái niệm “một hoặc nhiều tác phẩm” kể trên có thể thuộc một loại hình hay nhiều loại hình tác phẩm. Bởi vậy, trong thực tế có trường hợp, một tác phẩm phái sinh được hình thành từ một tác phẩm văn học và một tác phẩm khác như thơ, kịch...

Luật quyền tác giả của Nhật Bản có sử dụng khái niệm tác phẩm phái sinh. Luật quyền tác giả của Nhật Bản có quy định rõ việc bảo hộ tác phẩm phái sinh nhưng không làm phương hại đến quyền tác giả của tác phẩm đã tồn tại trước đó. Luật quyền tác giả của Nhật Bản có quy định về tác phẩm sưu tập và phân biệt tác phẩm sưu tập (quy định tại Điều 12) với dữ liệu (đã được quy định tại Điều 12 bis). Nghĩa là đã có sự phân biệt và công nhận quyền tác giả đối với tác phẩm phái sinh vì có sự sáng tạo mới trong cách thức hoặc hình thức thể hiện.

Luật quyền tác giả của Trung Quốc tuy không sử dụng thuật ngữ tác phẩm phái sinh trong luật, nhưng tại Điều 12 Luật quyền tác giả đã quy định trường hợp tác phẩm được tạo ra bằng cách chú thích, dịch, sắp xếp, chuyển thể... thì được bảo hộ quyền tác giả. Quyền của tác giả đối với tác phẩm phái sinh được bảo hộ nếu không làm phương hại đến quyền tác giả của tác phẩm đã tồn tại trước đó.

Luật Quyền tác giả, Kiểu dáng và Sáng chế Anh Quốc 1988 (bản sửa đổi năm 2009) cũng không sử dụng thuật ngữ tác phẩm phái sinh, nhưng có quy định chi tiết về tác phẩm phóng tác, cải biên chuyển thể (adaptation), cơ sở dữ liệu (databases) và tuyển tập (collections). Đạo luật này quy định cụ thể các điều kiện bảo hộ quyền tác giả đối với các loại hình tác phẩm này theo thông lệ quốc tế và không làm phương hại đến quyền tác giả của tác phẩm đã tồn tại trước đó.

Pháp luật về sở hữu trí tuệ của Cộng hòa Pháp có sử dụng thuật ngữ tác phẩm phái sinh. Điều L.112-3 Luật Sở hữu trí tuệ của Pháp quy định: *“Tác giả của tác phẩm dịch, tác phẩm phóng tác, chuyển thể hoặc cải biên sẽ được hưởng sự bảo hộ theo Luật này, miễn là không phương hại đến quyền tác giả của các tác phẩm gốc. Điều này cũng áp dụng tương tự đối với tác giả của tác phẩm hợp tuyển, tuyển tập hay sưu tập dữ liệu mà sự lựa chọn hay sắp xếp nội dung của chúng tạo thành những tác phẩm có tính sáng tạo”*. Điều L.113-2 Luật Sở hữu trí tuệ của Cộng hòa Pháp đã có những quy định cụ thể về tác phẩm tuyển chọn, tác phẩm hợp tuyển và tác phẩm hợp tác. Pháp luật về Sở hữu trí tuệ của Cộng hòa Pháp cũng không có định nghĩa cụ thể thế nào là tác phẩm phái sinh mà chỉ liệt kê các loại hình tác phẩm được coi là tác phẩm phái sinh. Trong nội dung các quy định của pháp luật về quyền tác giả của Cộng hòa Pháp luôn ghi nhận và tôn trọng quyền nhân thân của cá nhân tác giả. Vì vậy, trong các quy định về quyền tác giả của pháp luật Cộng hòa Pháp đã không coi pháp nhân là tác giả; đồng thời cũng không coi bên giao nhiệm vụ (dù là cá nhân hay pháp nhân) cho người khác sáng tạo nên tác phẩm là tác giả.

Như vậy, tuy pháp luật của mỗi quốc gia có những quy định khác nhau nhưng quyền tác giả đối với tác phẩm phái sinh đã được công nhận. So sánh với pháp luật của Hoa Kỳ, Liên hiệp Anh, thì pháp luật của Nhật Bản, Trung Quốc và đặc biệt là Cộng hòa Pháp đã có quy định về tác phẩm phái sinh khá chi tiết và cụ thể hơn.

Vấn đề là, không phải mọi loại tác phẩm, trong đó có những tác phẩm báo chí luôn là đối tượng được bảo hộ. Luật Sở hữu trí tuệ đã quy định rất cụ thể về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả có tác phẩm được bảo hộ khi đáp ứng các điều kiện sau đây: *“1. Tổ chức, cá nhân có tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả gồm người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm và chủ sở hữu quyền tác giả*

*quy định tại các điều từ Điều 37 đến Điều 42 của Luật này. 2. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả quy định tại khoản 1 Điều này gồm tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài có tác phẩm được công bố lần đầu tiên tại Việt Nam mà chưa được công bố ở bất kỳ nước nào hoặc được công bố đồng thời tại Việt Nam trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày tác phẩm đó được công bố lần đầu tiên ở nước khác; tổ chức, cá nhân nước ngoài có tác phẩm được bảo hộ tại Việt Nam theo điều ước quốc tế về quyền tác giả mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên” [23, Điều 13].*

Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ đã quy định cụ thể các hành vi xâm phạm quyền tác giả, bao gồm: 1. Chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học. 2. Mạo danh tác giả. 3. Công bố, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả. 4. Công bố, phân phối tác phẩm có đồng tác giả mà không được phép của đồng tác giả đó. 5. Sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả. 6. Sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều 25 của Luật này. 7. Làm tác phẩm phái sinh mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh, trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 25 của Luật này. 8. Sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, không trả tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật này. 9. Cho thuê tác phẩm mà không trả tiền nhuận bút, thù lao và quyền lợi vật chất khác cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả. 10. Nhân bản, sản xuất bản sao, phân phối, trưng bày hoặc truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông và các phương tiện kỹ thuật số mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả. 11. Xuất bản tác phẩm mà không được phép của chủ sở

hữu quyền tác giả. 12. Cố ý huỷ bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình. 13. Cố ý xoá, thay đổi thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử có trong tác phẩm.

Để bảo vệ quyền tác giả pháp luật quy định các chủ thể có quyền có thể yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền bảo vệ như: khởi kiện tại tòa án; khiếu nại và yêu cầu bảo vệ tại các cơ quan thanh tra chuyên ngành. Điều 202 Luật Sở hữu trí tuệ đã ghi nhận các biện pháp dân sự mà Tòa án áp dụng để xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ: “1. Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; 2. Buộc xin lỗi, cải chính công khai; 3. Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự; 4. Buộc bồi thường thiệt hại; 5. Buộc tiêu huỷ hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ”.

Để khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ khi quyền tác giả bị xâm phạm, các tổ chức, cá nhân phải thực hiện nghĩa vụ chứng minh, gồm: phải đưa ra những chứng cứ cần thiết để chứng minh căn cứ phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan; chứng cứ cần thiết để chứng minh quyền đối với bí mật kinh doanh, tên thương mại, nhãn hiệu nổi tiếng. Trong trường hợp có quyền sử dụng tác phẩm phải nộp cùng đơn bản sao hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ trong trường hợp quyền sử dụng được chuyển giao theo hợp đồng. Theo nguyên tắc của pháp luật tố tụng dân sự, người khởi kiện phải cung cấp các chứng cứ về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Trong trường

hợp một bên trong vụ kiện xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ chứng minh được chứng cứ thích hợp để chứng minh cho yêu cầu của mình đang bị bên kia kiểm soát do đó không thể tiếp cận được, thì có quyền yêu cầu Toà án buộc bên kiểm soát chứng cứ phải đưa ra chứng cứ đó. Khi có yêu cầu bồi thường thiệt hại thì người khởi kiện phải chứng minh thiệt hại thực tế đã xảy ra và nêu căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại theo quy định chung của pháp luật tố tụng dân sự [23, Điều 203].

Ngoài ra, để bảo vệ quyền tác giả pháp luật còn cho phép các chủ thể có quyền tự bảo vệ bằng các biện pháp công nghệ trong việc ngăn chặn các hành vi tiếp cận tác phẩm, khai thác trái phép quyền tác giả, quyền liên quan là việc các chủ thể quyền đưa ra các thông tin quản lý quyền của mình gắn với bản gốc hoặc bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình; đưa thông tin quản lý quyền xuất hiện cùng với việc truyền đạt tác phẩm tới công chúng nhằm xác định tác phẩm, tác giả của tác phẩm, chủ sở hữu, thông tin về thời hạn, điều kiện sử dụng tác phẩm và mọi số liệu, mã hiệu, ký hiệu thể hiện thông tin đó. Các chủ thể quyền còn có thể áp dụng mọi biện pháp công nghệ khác để bảo vệ thông tin quản lý quyền [5, Điều 43.1].

Theo quy định của pháp luật hiện hành, những chủ thể có quyền sau đây có quyền khởi kiện dân sự để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan là: Tác giả; chủ sở hữu quyền tác giả và quyền liên quan; người thừa kế hợp pháp; cá nhân, tổ chức, được chuyển giao quyền của chủ sở hữu quyền tác giả và quyền liên quan; cá nhân, tổ chức sử dụng tác phẩm theo hợp đồng; người biểu diễn; nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình; tổ chức phát sóng, tổ chức đại diện tập thể được uỷ thác; các chủ thể quyền khác theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhà nước cũng có thể khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Toà án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước thuộc lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan [5, Điều 44].

### **2.3. Các quy định của pháp luật Báo chí về quyền nhân thân của nhà báo và cơ quan báo chí**

Các quyền nhân thân của nhà báo và cơ quan báo chí được qui định trong Bộ luật dân sự và Luật sở hữu tuệ. Đây là các đạo luật chuyên ngành qui định và bảo vệ các quyền dân sự của cá nhân, tổ chức. Luật báo chí qui định về tổ chức hoạt động, quản lý nhà nước về hoạt động báo chí, qui định về quyền hạn và trách nhiệm của nhà báo và cơ quan báo chí....

Trong quan hệ dân sự, nếu báo chí thông tin sai sự thật thì trách nhiệm cơ quan báo chí, của nhà báo là cải chính, xin lỗi và bồi thường tổn thất tinh thần cho cá nhân bị vi phạm.

Cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền của cơ quan báo chí và của nhà báo là Luật Báo chí năm 1989 và Luật bổ sung, sửa đổi năm 1999, Điều 1 quy định: *“Báo chí ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là phương tiện thông tin đại chúng thiết yếu đối với đời sống xã hội; là cơ quan ngôn luận của các tổ chức của Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội (dưới đây gọi chung là tổ chức); là diễn đàn của nhân dân”*.

Để bảo đảm các hoạt động của các nhà báo, Luật Báo chí cũng ghi nhận nguyên tắc: Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí và để báo chí phát huy đúng vai trò của mình. Báo chí, nhà báo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và được Nhà nước bảo hộ; không một tổ chức, cá nhân nào được hạn chế, cản trở báo chí, nhà báo hoạt động. Không ai được lạm dụng quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tập thể và công dân.

Để báo chí và các nhà báo hoạt động một cách có hiệu quả, Luật Báo chí hiện hành đã quy định khá chi tiết những nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể là:

Trước hết, báo chí phải đưa thông tin trung thực về tình hình trong nước và thế giới phù hợp với lợi ích của đất nước và của nhân dân; Tuyên truyền, phổ biến, góp phần xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thành tựu của đất nước và thế giới theo tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí; Góp phần ổn định chính trị, nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu văn hóa lành mạnh của nhân dân, bảo vệ và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nội dung tư tưởng của tác phẩm báo chí chính là khối lượng thông tin được thể hiện với chủ đích rõ ràng theo những vấn đề thời sự chuyên biệt. Trong thời kỳ hội nhập và phát triển, chủ đích của mọi hoạt động thông tin đều nhằm phục vụ mục tiêu độc lập dân tộc, thống nhất lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là mục tiêu chung của đất nước, của dân tộc, trong đó có người làm báo. Những thành tựu của sự nghiệp đổi mới luôn được phản ánh kịp thời trong báo chí nói chung và từng tác phẩm báo chí nói riêng. Với tư cách là một nghề đặc thù, báo chí và nhà báo thông qua tác phẩm báo chí đã có những đóng góp to lớn khi cung cấp thông tin kịp thời trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, trong đó nhà báo là chủ thể quyết định.

Điều 14 Luật Báo chí quy định: Nhà báo phải là người có quốc tịch Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam, có đủ các tiêu chuẩn chính trị, đạo đức và nghiệp vụ báo chí do Nhà nước quy định, đang hoạt động hoặc công tác thường xuyên với một cơ quan báo chí Việt Nam và được cấp thẻ nhà báo. Nhà báo được pháp luật bảo vệ trong các quá trình tác nghiệp và hành nghề.



Trong hoạt động và tác nghiệp, nhà báo có những quyền cơ bản sau đây: Được khai thác và được cung cấp thông tin trong hoạt động báo chí theo quy định của pháp luật; Có quyền khước từ việc biên soạn hoặc tham gia biên soạn tác phẩm báo chí trái với quy định của pháp luật về báo chí; Trong quá trình tác nghiệp nhà báo được hưởng một số chế độ ưu tiên cần thiết trong hoạt động báo chí theo quy định của Chính phủ; Trong quá trình tác nghiệp nhà báo được pháp luật bảo hộ trong hoạt động nghề nghiệp; Không ai được đe dọa, uy hiếp tính mạng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhà báo, phá hủy, thu giữ phương tiện, tài liệu, cản trở nhà báo hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật.

Cùng với những quyền hạn trên đây, nhà báo có những nghĩa vụ thông tin trung thực về tình hình trong nước và thế giới phù hợp với lợi ích của đất nước và của nhân dân; Phản ánh ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, góp phần thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân; Bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Phát hiện, bảo vệ nhân tố tích cực; Đấu tranh phòng, chống các tư tưởng, hành vi sai phạm. Trong quá trình tác nghiệp nhà báo không được lạm dụng danh nghĩa nhà báo để sách nhiễu và làm việc vi phạm pháp luật. Nhà báo chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người đứng đầu cơ quan báo chí về nội dung tác phẩm báo chí của mình và về những hành vi vi phạm pháp luật về báo chí. Nhà báo và cơ quan báo chí phải cải chính, xin lỗi trong trường hợp thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân.

Chức năng quan trọng của báo chí, nhà báo và các tác phẩm báo chí là phản ánh và hướng dẫn dư luận xã hội; Làm diễn đàn trong việc thực hiện quyền tự do ngôn luận của nhân dân; Đồng thời phát hiện, nêu gương người

tốt, việc tốt, nhân tố mới để phản ánh; Đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực xã hội khác; Góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, tiếng các dân tộc thiểu số Việt Nam. Báo chí còn là cầu nối để mở rộng sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nước và các dân tộc, tham gia vào sự nghiệp của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Là một lĩnh vực nhạy cảm, nên Luật Báo chí cũng đã có những quy định cụ thể về giới hạn quyền thông tin của báo chí. Điều 10 Luật Báo chí đã quy định cụ thể những điều không được thông tin trên báo chí bảo đảm quyền tự do ngôn luận trên báo chí được sử dụng đúng đắn. Đó là các quy định: Không được kích động nhân dân chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đoàn kết toàn dân; Không được kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước, kích động dân ô, đòi truy, tội ác; Không được tiết lộ bí mật Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác do pháp luật quy định; Không được đưa tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống nhằm xúc phạm danh dự của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của công dân.

Trong quá trình tác nghiệp do những nguyên nhân khác nhau có không ít trường hợp thông tin báo chí thiếu trung thực, phản cảm vì những lý do, động cơ cá nhân. Để hạn chế những hậu quả xấu, Luật Báo chí đã quy định cụ thể việc cải chính trên báo chí nhằm khắc phục những hậu quả đã xảy ra. Khi báo chí thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân thì phải đăng, phát sóng lời cải chính, xin lỗi của cơ quan báo chí, của tác giả. Trong trường hợp có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cơ quan báo chí phải đăng toàn văn kết luận đó. Đối với tổ chức, cá nhân đã bị đưa tin sai sự thật có quyền phát biểu bằng

văn bản về những nội dung đề cập trên báo chí khi có căn cứ cho rằng báo chí đã thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm đến mình. Cơ quan báo chí phải đăng, phát sóng lời phát biểu của tổ chức, cá nhân đối với thông tin đã được đăng, phát sóng trên báo chí của mình. Tuy nhiên, lời phát biểu của tổ chức, cá nhân không được xúc phạm cơ quan báo chí, danh dự, nhân phẩm của tác giả.

Điều 9 Luật Báo chí quy định: Kể từ khi nhận được lời phát biểu của tổ chức, cá nhân thì trong thời hạn năm ngày đối với báo ngày, đài phát thanh, đài truyền hình, mười ngày đối với báo tuần, trong số ra gần nhất đối với tạp chí, cơ quan báo chí phải đăng, phát sóng lời phát biểu đó. Lời cải chính, xin lỗi của cơ quan báo chí, của tác giả và lời phát biểu của tổ chức, cá nhân phải được đăng, phát sóng tương xứng với thông tin do báo chí đã đưa ra theo quy định của Chính phủ về lượng thông tin, về vị trí đã đăng tải và vị trí đăng lời cải chính.

Luật Báo chí cũng quy định: Trong trường hợp cơ quan báo chí không cải chính, xin lỗi hoặc cải chính, xin lỗi không đúng các quy định của Luật Báo chí, không đăng, phát sóng lời phát biểu của tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân đó có quyền khiếu nại với cơ quan chủ quản báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí hoặc khởi kiện tại Tòa án [19, Điều 9].

Có thể thấy rằng, các quy định về quyền nhân thân nói chung và quyền nhân thân đối với các tác phẩm báo chí đã được quy định một cách tương đối có hệ thống và khá đầy đủ trong Bộ luật dân sự 1995, Bộ luật dân sự 2005, Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Báo chí. Là một lĩnh vực nhạy cảm và ngày càng có ý nghĩa đối với đời sống xã hội nên Đảng và Nhà nước đã rất chú trọng trong những năm qua, nhất là từ khi nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Với việc bổ sung, sửa đổi thường xuyên, các quy định về

quyền nhân thân trong hệ thống pháp luật thực định Việt Nam trong quá trình hội nhập và toàn cầu hóa pháp luật về sở hữu trí tuệ nói chung và pháp luật về quyền tác giả nói riêng đã tương thích với các điều ước quốc tế đa phương mà Việt Nam là thành viên như: Công ước Berne, Hiệp định TRIPs...

Vấn đề quan trọng giai đoạn hiện nay là tổ chức thực hiện sao cho có hiệu quả trong thực tế thi hành. Chắc chắn rằng, trong tương lai các quy định của hệ thống pháp luật thực định về sở hữu trí tuệ nói chung sẽ được tuân thủ nghiêm chỉnh khi điều kiện kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, trình độ dân trí không ngừng được nâng cao.

### **Chương 3**

## **THỰC TRẠNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ QUYỀN NHÂN THÂN TRONG LĨNH VỰC BÁO CHÍ**

### **3.1. Thực trạng bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và dự báo tình hình**

Giai đoạn hiện nay đang có một thực trạng đáng lo ngại là vì lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm hoặc vì mục đích thương mại mà một số tờ báo coi nhẹ các nguyên tắc hoạt động của báo chí và xem nhẹ quyền nhân thân của các nhà báo khi tổ chức công bố tác phẩm báo chí trên các sản phẩm báo chí. Nhiều người đã cho rằng: xem nhẹ quyền nhân thân của các nhà báo đối với các tác phẩm báo chí, chỉ nhằm mục đích thương mại mà xem nhẹ, không tôn trọng quyền tác giả... không những là vi phạm pháp luật mà còn vi phạm đạo đức nghề nghiệp của những người làm báo.

Cùng với những vi phạm từ trong các hoạt động báo chí, thì cộng đồng xã hội từ lâu đã quen thuộc với các vi phạm về quyền tác giả. Có không ít tổ chức, cá nhân đã sử dụng các tác phẩm như kiểu “của chùa”; làm nhái, làm giả các tác phẩm để kinh doanh thu lợi nhuận. Trong lĩnh vực âm nhạc có thực trạng trao đổi âm nhạc trên Internet không xin phép, không trả thù lao quyền tác giả. Mặc dù khi sử dụng không xin phép, không trả thù lao khi kinh doanh, nhưng những người này luôn phàn nàn rằng, họ “đang bị hạn chế các quyền tự do...” và cho rằng luật pháp ngày càng khắt khe với việc người hâm mộ hưởng thụ. Tuy nhiên, trong thực tế cá biệt cũng có những tác giả mong muốn đưa các tác phẩm âm nhạc của họ cho cộng đồng sử dụng tự do mà không có bất cứ yêu cầu gì, miễn là tác phẩm đó được phổ biến rộng rãi trong công chúng để tác giả trở thành người nổi tiếng!

Một số ý kiến cho rằng để thực hiện điều này đơn giản nhất là từ bỏ

quyền tác giả. Nhưng vấn nạn trên đây không phải là trong bất cứ một hệ thống luật pháp nào cũng có thể chấp nhận và vẫn tiếp tục dẫn đến tình trạng là các phiên bản được cải biên không phải luôn được tự do sử dụng, vì tác giả của những sửa đổi này không bắt buộc phải từ bỏ quyền tác giả của họ. Một khả năng để tránh tình trạng này là không từ bỏ quyền tác giả mà thông qua một hợp đồng bản quyền công nhận các quyền sử dụng đơn giản cho tất cả công chúng. Trong đó, cái gọi là bản quyền *copyleft* yêu cầu các phiên bản được biến đổi chỉ được phép phổ biến trong một giới hạn cho phép cùng các điều kiện nhất định và không được dùng để kinh doanh thu lợi nhuận.

Trong lĩnh vực tin học, vấn đề đáng được nêu ra trong phạm vi phần mềm tự do là các bản quyền phần mềm của các chương trình máy tính; sách giáo khoa và các quyển hướng dẫn. Dự án Creative Commons đưa ra những bản quyền khác được cho là phù hợp tốt hơn với các nhu cầu đặc biệt của nghệ sĩ, đặc biệt là những bản quyền này không bị giới hạn trong một loại tác phẩm nhất định nào. Một mặt đó là những bản quyền nội dung mở (*open-content*) bảo đảm các quyền tự do tương tự như các bản quyền của phần mềm tự do và về mặt khác là những bản quyền có nhiều hạn chế hơn.

Luật pháp đã có những quy định về những trường hợp không phải xin phép tác giả, không phải trả thù lao khi sử dụng là các trường hợp: Tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy theo mục đích của cá nhân. Trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai quan điểm của tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm, công trình của mình. Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai quan điểm tác giả để viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu. Trích dẫn tác phẩm để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai quan điểm tác giả và không nhằm mục đích thương mại. Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu. Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn

ngữ khác cho người khiếm thị... Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm trong những trường hợp trên đây phải tuân thủ nguyên tắc: không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả. Trong quá trình sử dụng phải nêu thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm mà họ sử dụng để minh họa.

Hiện nay, theo những quy định tại Nghị định 97/2008/NĐ-CP thì trang thông tin điện tử tổng hợp là trang thông tin điện tử trên Internet của tổ chức hoặc doanh nghiệp cung cấp thông tin tổng hợp về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trên cơ sở trích dẫn lại thông tin từ nguồn chính thức của các cơ quan báo chí hoặc từ các trang thông tin điện tử của các cơ quan Đảng và Nhà nước. Việc thiết lập trang thông tin điện tử, việc cung cấp, truyền đưa, lưu trữ, sử dụng thông tin điện tử trên Internet phải tuân thủ các quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật về báo chí, pháp luật về xuất bản, pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bản quyền, pháp luật về quảng cáo và các quy định quản lý thông tin điện tử trên Internet. Tuy nhiên, người khai thác, sử dụng vẫn phải trả một mức lệ phí nhất định cho việc sử dụng này.

Về vấn đề này, Thông tư số 14/2010/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉ rõ: việc trích dẫn thông tin là trích dẫn nguyên văn, chính xác từ nguồn tin chính thức, bao gồm cả việc ghi rõ tên tác giả, tên cơ quan của nguồn tin chính thức, thời gian đã đăng, phát thông tin đó và không được bình luận mở rộng. Vì vậy, mỗi tác giả, mỗi nhà báo tự bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình cũng là một trong những giải pháp khả thi nhất để chống lại sự xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Khi có đầy đủ chứng cứ, đầy đủ cơ sở pháp lý để kết luận việc tác phẩm báo chí của mình được pháp luật bảo hộ bị xâm phạm, thì các tòa soạn

hoàn toàn có thể yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại. Ngoài ra, cơ quan báo chí, tác giả có quyền bị xâm phạm còn có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan thanh tra) xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hoặc khởi kiện ra tòa án để yêu cầu tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình... Tuy nhiên, hiện nay việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bằng trình tự tòa án khi quyền tác giả bị xâm phạm thường rất ít và rất hạn hữu so với thực trạng các vi phạm về bản quyền tác giả, vì rằng người khởi kiện phải đưa ra những bằng chứng để chứng minh sự vi phạm theo nguyên tắc của pháp luật tố tụng.

Trong thực tiễn hoạt động báo chí ở nước ta hiện nay , vẫn còn những phóng viên, cộng tác viên chưa chú trọng kỹ năng thu thập thông tin , dữ liệu để sáng tạo tác phẩm báo chí thông qua thực tiễn cuộc sống. Các nhà báo không chuyên hoặc mới vào nghề thường lúng túng về vấn đề này và ít thâm nhập thực tiễn. Ngay cả những nhà báo có tuổi nghề cao, nếu không có phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu một cách khoa học, bài bản cũng dễ bị lúng túng khi hành nghề. Trong thực tế hoạt động báo chí mà có nhiều nhà báo do không nắm vững phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu, thông tin trung thực, nên trong các tác phẩm của họ còn hời hợt, phiến diện, thậm chí là bịa đặt nên không để lại những sâu lắng trong lòng độc giả. Những tác phẩm báo chí này không những thiếu trung thực, không phản ánh thực tế đời sống xã hội mà có khi còn vi phạm đạo đức nghề nghiệp do sao chép tùy tiện bài của đồng nghiệp.

Trên báo chí của chúng ta hiện nay đã và đang xuất hiện không ít những bài viết mang tính chủ quan , võ đoán, suy diễn một chiều, không có căn cứ thực tiễn dẫn đến phản ánh sai sự thật. Đó chính là thể hiện sự non yếu của nhà báo trong sử dụng phương pháp quan sát thu thập thông tin, dữ liệu



trong quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí. Các nhà báo mắc lỗi này thường mới chỉ quan sát đời sống xã hội bằng trực quan, cảm tính chứ chưa quan sát và nhận thức bằng lý tính. Khi phát hiện, tiếp cận các sự kiện, vấn đề, nhà báo chưa tìm hiểu kỹ lưỡng bản chất của các sự kiện, vấn đề, do đó chưa có được những chi tiết, dữ kiện phù hợp trong quá trình tổng hợp và thể hiện trong tác phẩm báo chí. Thực tế này không loại trừ có những bài được viết với chủ ý thiếu lành mạnh và theo một đơn đặt hàng nào đó!

Có thể đưa ra một số ví dụ gần đây để minh chứng cho sự non yếu của nhà báo khi quan sát thu thập thông tin, dữ liệu. Chẳng hạn, trên kênh Truyền hình An ninh (ANTV) của Bộ Công an, có chuyên mục “*Camera giấu kín*”. Chuyên mục này do Công ty Cổ phần Nghe nhìn Toàn cầu AVG (Audio Visual Global) thực hiện (cụ thể là Truyền hình An Viên phối hợp với ANTV tổ chức sản xuất). Truyền hình An ninh thường xây dựng kịch bản và bí mật ghi hình những tình huống có thực trong đời sống xã hội. Trong một kịch bản phát sóng trên kênh Truyền hình An ninh, nhóm làm chuyên mục đã mời một sinh viên người nước ngoài đang học tập tại Việt Nam đóng vai người hành nghề “Xe ôm Tây”. Truyền hình An ninh muốn xem “khách ta” và những người cùng hành nghề chạy xe ôm ở nước ta sẽ ứng xử ra sao với tình huống này. Nhóm làm chuyên mục đã tổ chức ghi hình tại nhiều điểm khác nhau ở Hà Nội như công trường đại học, công bệnh viện, bến xe... Ngay chiều hôm đó, trên một số tờ báo mạng, trang thông tin điện tử đã xuất hiện các bài viết về sự kiện này với những dòng tít mùi mẫn kiểu “*Một tám gương sinh viên nước ngoài vượt khó*”, “*Xe ôm Tây*”... Cùng theo đó là hàng loạt các comment tán dương theo kiểu “*họ ở tận bên Tây sang học mà còn tranh thủ chạy xe ôm kiếm sống, tại sao mình cũng là sinh viên, lại không chạy xe ôm kiếm thêm nhĩ...*” v.v... Hay trong một tình huống ghi hình của kịch bản: nếu có một ai đó gửi nhờ mang hộ đồ vật, trên đường đi bị Cơ quan công an kiểm tra, bắt giữ vì thấy có ma túy, nhân

vật này sẽ ứng xử ra sao? Truyền hình An ninh đã bí mật chọn nghệ sĩ Quyền Linh làm nhân vật ghi hình. Sau đó nghệ sĩ Quyền Linh đã bị một phen hú vía khi phải đối phó với những rắc rối không thể lường trước. Chỉ đến khi biết đó chỉ là kịch bản của chuyên mục “*Camera giấu kín*” nghệ sĩ Quyền Linh mới thở phào nhẹ nhõm. Ai ngờ sau phen bắt ngờ với Truyền hình An ninh, diễn viên Quyền Linh lại phải điên đầu với việc báo chí và dư luận (chủ yếu báo mạng và các trang mạng thông tin xã hội) đã đưa tin: “*Nghệ sĩ Quyền Linh bị bắt vì buôn ma túy*”. Chỉ đến khi Truyền hình An ninh phát sóng tình huống trên, nghệ sĩ Quyền Linh mới được công chúng “giải oan”. Đây là một trong vô vàn các sự kiện trên thực tế nhưng đã bị đưa lên mặt báo tùy tiện, thiếu kiểm chứng và không được phản ánh một cách trung thực.

Tác phẩm báo chí là một trong những thành tố làm nên sản phẩm báo chí. Một sản phẩm báo chí đúng, trúng và hấp dẫn công chúng là sản phẩm được kết cấu bằng những tác phẩm báo chí có chất lượng cao, có nội dung phong phú và đa dạng thể hiện trong những chuyên mục. Để có một sản phẩm báo chí chất lượng cao, ngoài việc phóng viên, cộng tác viên sáng tạo ra các tác phẩm hấp dẫn thì những người chịu trách nhiệm tổ chức tác phẩm báo chí trên các sản phẩm phải thực sự công tâm, có đạo đức nghề nghiệp cao cả. Nếu chỉ vì lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm hoặc vì mục đích thương mại mà coi nhẹ các chức năng, nguyên tắc hoạt động của báo chí, thì việc tổ chức tác phẩm báo chí trên sản phẩm báo chí của nhà báo đã vi phạm pháp luật và đạo đức nghề nghiệp báo chí.

Trong thực tế hoạt động báo chí đã có những tổng biên tập, phó tổng biên tập, thư ký tòa soạn chủ ý hoặc vô tư chỉ đạo các phóng viên, cộng tác viên viết tin, bài giật gân, viết bài quảng cáo trá hình để đăng tải trên các sản phẩm báo chí nhằm mục đích đa dạng thông tin để câu khách. Gần đây trên diễn đàn báo chí đã có nhiều bàn luận nhiều đến thuật ngữ “báo lá cải”. Thực

tế là: xuất phát từ bức xúc của báo giới và công chúng xã hội về việc đang xuất hiện các sản phẩm báo chí chú trọng đăng tải thông tin có tính chất giật gân “cướp, giết, hiếp...”. Vì chạy theo thị hiếu tầm thường của một phận công chúng hoặc vì mục đích thương mại rẻ tiền mà một số lãnh đạo cơ quan báo chí đã coi thường các nguyên tắc, chức năng hoạt động của báo chí khi áp dụng cách làm này.

Hiện nay còn có thực trạng: có một số phóng viên, cộng tác viên “canh ti” với người tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí để dành “đất” đăng bài quảng cáo trá hình, bài viết doạ nạt, đánh đấm, tống tiền cơ sở với mục đích thiếu lành mạnh. Khi bài viết được tổ chức trên mặt báo, ban biên tập duyệt cũng đã vô tình hoặc cố ý để lọt hoặc “cho qua”. Vô hình chung, cả lãnh đạo và nhân viên của cơ quan báo chí đó đã tiếp tay cho những việc làm sai trái, không những đã vi phạm pháp luật mà còn vi phạm nghiêm trọng đạo đức nghề nghiệp làm báo.

Trong công tác làm báo, để có được một bài báo có chất lượng cao, các nhà báo chuyên nghiệp đều phải tuân thủ các bước tiến hành cơ bản trong quy trình sáng tạo một tác phẩm báo chí là: Nghiên cứu, thâm nhập thực tiễn, phát hiện đề tài; thu thập thông tin, dữ liệu. Sau khi đã có “chất liệu” nhà báo phải lựa chọn hình thức thể hiện tác phẩm thích hợp để chuyển tải đến công chúng; nhà báo phải tự biên tập tác phẩm; tổ chức tác phẩm trên sản phẩm báo chí, phát tán thông tin; theo dõi, nắm bắt và xử lý thông tin phản hồi.

Khi sáng tạo tác phẩm báo chí, những yêu cầu về năng lực chuyên môn nghiệp vụ của nhà báo luôn phải gắn với những chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp và ý thức chính trị. Điều này được thể hiện trong từng bước tiến hành sáng tạo một tác phẩm báo chí. Có như vậy, tác phẩm báo chí mới đem lại những giá trị đích thực cho công chúng xã hội. Tuy nhiên, trong thực tế hoạt động báo chí hiện nay, không phải lúc nào các nhà báo cũng thực hiện tốt

được những yêu cầu này. Do đó, có những trường hợp đã làm ảnh hưởng đến giá trị thông tin của các tác phẩm báo chí và lớn hơn là làm mất niềm tin của công chúng đối với báo chí. Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng này chính là sự vi phạm đạo đức nghề nghiệp của nhà báo ở từng khâu trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí.

Trong thực tế hoạt động báo chí, đâu đó vẫn còn những phóng viên, cộng tác viên “ngại” tiến hành bước này trong quy trình sáng tạo tác phẩm. Họ thường đùn đẩy, phó thác trách nhiệm này cho các biên tập viên. Các biên tập viên chuyên nghiệp, tự trọng nghề nghiệp và có trách nhiệm thường phải cố gắng “gạn đục, khơi trong” để “nuôi đứa con tinh thần” mà các phóng viên, cộng tác viên đã “để non”. Nếu biên tập viên có chuyên môn yếu lại lười lao động, rất dễ họ sẽ để nguyên những “đứa con tinh thần còi cọc, bệnh tật” đó để tổ chức trên các sản phẩm báo chí và hậu quả là công chúng xã hội sẽ được thưởng thức những “món ăn” kém hấp dẫn, thậm chí là độc hại (Tập chí Than - Khoáng sản, số ngày 15/11/2009, bài: cái hay của một tác phẩm báo chí của tác giả Lê Văn Thiêng).

Việc phóng viên, cộng tác viên ít quan tâm đến việc tự biên tập tác phẩm của mình trước khi gửi đến tòa soạn là do những lý do chủ quan, khách quan. Yếu tố chủ quan là các tác giả thiếu trách nhiệm với tác phẩm, không chịu khó lao động. Lý do khách quan khác là hiện vẫn còn nhiều tòa soạn chưa nghiêm túc trong khâu nhận tác phẩm hoặc không cẩn trọng khi làm việc với đội ngũ tác giả. Điều này không những chỉ gây trở ngại cho các biên tập viên mà còn là biểu hiện của sự thiếu trách nhiệm đối với nghề nghiệp. Thậm chí còn là sự vi phạm đạo đức nghề nghiệp nếu như cả tác giả và những người có trách nhiệm trong tòa soạn để lọt những chi tiết sai, những lý giải, bình luận xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của chủ thể khác; sử dụng ngôn từ gây hiểu lầm cho công chúng.

Đối với các tác phẩm báo chí được bảo hộ quyền tác giả thì việc sử dụng các tác phẩm đó pháp luật bắt buộc phải tuân thủ những điều kiện nhất định. Trước hết chúng ta cần thấy rằng nội dung quyền tác giả, mà theo Luật sở hữu trí tuệ quy định bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Quyền nhân thân là quyền đặt tên cho tác phẩm; đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm; bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

Một trong những quyền quan trọng là: tổ chức, cá nhân khi công bố tác phẩm phải có sự đồng ý của tác giả hoặc phải xin phép (nếu đăng lại) và phải trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả. Tác giả có quyền cho người khác sao chép tác phẩm; quyền cho phép được truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác. Các quyền này theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ sẽ do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện.

Như vậy, đối với các tác phẩm báo chí được bảo hộ quyền tác giả như: phóng sự, ghi nhanh, tường thuật, phỏng vấn, phản ánh, điều tra, bình luận, xã luận, chuyên luận, ký báo chí... thì khi sử dụng, phân phối, truyền đạt, sao chép... tổ chức, cá nhân nhất thiết phải xin phép chủ sở hữu quyền tác giả. Pháp luật sở hữu trí tuệ nghiêm cấm việc sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả. Việc sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, xuất bản tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả... là vi phạm pháp luật.

Tuy nhiên, những trường hợp tự sao chép một bản nhằm mục đích

ngiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân; trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình. Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu; trích dẫn tác phẩm để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai ý tác giả, không nhằm mục đích thương mại...; Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị... thì không phải xin phép và cũng không phải trả tiền thù lao. Tuy nhiên, tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm trong trường hợp nói trên không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; khi sử dụng phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.

Tự bảo vệ chính quyền của mình cũng là một trong những giải pháp có nhiều cơ may nhất để chống lại sự xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang trở nên phổ biến hiện nay. Để tự bảo vệ và có căn cứ nếu có tranh chấp một số báo điện tử đã có những thông tin cảnh báo. Chẳng hạn báo Điện tử Dantri.com.vn Cơ quan của TW Hội khuyến học Việt Nam ngay cuối trang luôn có những thông tin cảnh báo: “Mọi hành động sử dụng nội dung đăng tải trên Báo điện tử Dân trí tại địa chỉ [www.dantri.com.vn](http://www.dantri.com.vn) phải có sự đồng ý bằng văn bản của Báo điện tử Dân trí”. Hoặc Báo điện tử Vnexpress.net có thông tin cuối trang theo quy định của tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới: © Copyright 1997 Vnexpress.net. All rights reserved cùng ký tự về bản quyền và thông báo: Vnexpress.net giữ bản quyền nội dung tên website này. Điều đó có nghĩa là: mọi hành vi sao chép, sử dụng vào mục đích kinh doanh thu lợi nhuận đều bị coi là trái pháp luật.

Khi các cơ quan báo chí, tác giả là chủ sở hữu các tác phẩm có chứng cứ, cơ sở pháp lý kết luận việc các tác phẩm báo chí của mình được pháp luật

bảo hộ bị xâm phạm, thì các tòa soạn hoàn toàn có thể yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại. Các tòa soạn còn có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan thanh tra báo chí) xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo trình tự hành chính. Các tòa soạn còn có quyền khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình... [29].

### **3.2. Một số khó khăn, vướng mắc khi bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí**

Như đã trình bày tại Chương 1, quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí chính là quyền của tác giả đối với các tác phẩm báo chí. Hoạt động báo chí trong đời sống xã hội rất đa dạng, phong phú nên quyền nhân thân của tác giả cũng rất phong phú, sinh động. Tác giả luận văn không có tham vọng trình bày được toàn bộ những khó khăn, vướng mắc này trong lĩnh vực bảo vệ quyền nhân thân đối với các tác phẩm báo chí. Sau đây chỉ là những khó khăn, vướng mắc mà trên thực tế thường xảy ra.

- Trước đây, Báo Công an nhân dân cuối tuần số 29 ra ngày 3.8.2008 có bài viết: “*Trùng bút danh*” - Tránh voi chẳng xấu mặt nào. Vụ việc là: tác giả nhà báo Phạm Khải thấy một tác giả tên là Huy Thắng viết một bài liên quan đến những bí mật cuối đời của nhà thơ Phạm Tiến Duật. Tác giả bài báo cứ đinh ninh rằng, bài viết này là của anh Nguyễn Huy Thắng, Phó Giám đốc kiêm Tổng biên tập Nhà xuất bản Kim Đồng, là con trai nhà văn Nguyễn Huy Tưởng. Nhưng sự thật lại là hai Huy Thắng khác nhau, vì văn phong của anh Nguyễn Huy Thắng mượt mà và cách mở sê vấn đề thì thường là thận trọng hơn. Tình cờ tác giả bài báo đã gặp ông Huy Thắng và khuyên ông nên thêm họ vào để tránh nhầm lẫn phiền phức, thì ông Huy Thắng (hơn anh Nguyễn Huy Thắng đến 20 tuổi) phàn nàn rằng ông cũng họ Nguyễn. Ông còn nói

rằng ông đã phải cắn răng... cắt đi cái họ này cũng là... cố gắng lắm rồi đấy. Trong bài viết, tác giả Phạm Khải còn liệt kê nhiều trường hợp “cười ra nước mắt” khi các thi gia cổ điển như: Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Phạm Thái, Nguyễn Công Trứ... bỗng dung “tái xuất giang hồ” cùng hàng loạt các bài viết từ bài: “*Cách cho con bú*”, “*An toàn khi sử dụng bếp ga*” đến bài: “*Hãy đề phòng nguy cơ sạt lở đất*”... khi được nhắc chính bút danh thì họ còn có những phản ứng bất chấp cả lễ nghĩa.

Nhà báo Phạm Khải tâm sự, đành rằng, quyền đặt tên của bố mẹ các tác giả ấy là quyền của họ và là việc riêng của mỗi gia đình; quyền đặt tên cho con được pháp luật cho phép. Nhưng có một “quy ước ngầm” là: khi vào làng văn, làng báo là tự mình phải chọn bút danh cho mình sao cho không trùng lặp. Tên thì do cha mẹ đặt, nhưng bút danh là do mình tự chọn lựa. Việc trùng tên là không hay cho lắm, nhưng không thể trùng bút danh với các giả khác bởi sẽ có biết bao sự phiền phức, rầy rà có thể xảy ra. Nhà báo Phạm Khải đã viết: nhưng xem ra sự “trùng tên” trong lĩnh vực báo chí chưa có hồi kết. Giá như việc quản lý các bút danh được tiến hành như quản lý tên doanh nghiệp: cần phải đăng ký và không được trùng nhau thì sẽ tốt biết bao!

- Ở một góc độ khác, bài “*Nghịch lý trong làng xuất bản: vừa “thuông” bài, vừa... cảm ơn*” đăng Báo Văn nghệ Công an số 153 ra ngày 2.4.2007, tác giả Phạm Khải đã mở xẻ và nêu một thực trạng: các “soạn giả”, các “chủ biên” thoải mái thu lượm, tập hợp bài viết của người này, người khác vào trong những cuốn “hợp tuyển”, “tuyển tập” của mình, chẳng cần phải xin phép, không sợ chia nhuận bút, cũng chẳng ngại điều tiếng và lo bị khiếu kiện, miễn sao họ không quên in đôi dòng “cảm ơn” vu vơ nơi đầu sách! Nhà báo Phạm Khải đã phải thốt lên: thật là một dạng quái chiêu trong làng văn, làng báo. Sự xâm phạm quyền tác giả này đã đạt đến độ “tinh vi” hay “ăn vụng nhưng biết chùi mồm”. Đây không phải là một tác phẩm phái



sinh theo đúng nghĩa. Đó chính là đã vi phạm quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 738 BLDS: “*Công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm*”. Việc chuyển giao quyền tác giả và quyền liên quan được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng văn bản với chủ sở hữu tác phẩm, tác giả, người được tác giả ủy quyền hoặc người thừa kế hợp pháp của tác giả. Khoản 1, Điều 472 BLDS 2005 đã quy định: Quyền nhân thân quy định tại điểm c khoản 2 Điều 738 của Bộ luật này có thể được chuyển giao với các điều kiện do pháp luật về sở hữu trí tuệ quy định. Nhưng với những cuốn “hợp tuyển”, “tuyển tập” theo dạng kể trên rõ ràng đã không tuân thủ những quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và như vậy là vi phạm.

Để nói rõ sự thật, tác giả bài báo đã trích nguyên văn lời mở đầu của người biên soạn: “*Soạn tập sách này (tức cuốn sách “Giai thoại văn học” do NHD biên soạn và tuyển chọn - do NXB Hà Nội ấn hành quý I - 2005), chúng tôi đã gửi thư xin phép các soạn giả trước khi cho ghi lại đa số những mẫu đã được kể (những vị nào không nhận được thư thì những dòng này được xem là bỏ khuyết)*”... nhưng trong hơn 400 trang sách soạn giả không ghi cụ thể tên tác giả của từng phần tài liệu mà mình “xin phép” được “ghi lại”. Bất bình với việc làm kể trên tác giả Phạm Khải đã kết luận: “*Rõ ràng, những lời “cảm ơn” và “cáo lỗi” như trên không thể được dùng như một thứ bình phong che đậy cho các hành vi vi phạm bản quyền, xâm hại quyền lợi tinh thần và vật chất của tác giả. Đã đến lúc chúng ta cần lật tẩy bản chất của việc làm đó*”. Vì vậy, trong tương lai khi sửa đổi Bộ luật Dân sự năm 2005 cần sửa đổi thuật ngữ “tuyển chọn” tại khoản 2, Điều 736 thành “tuyển chọn có xin phép hợp lệ” để phòng tránh việc lợi dụng. Và, cần xiết chặt luật xuất bản trong những trường hợp coi “tuyển chọn”, “tuyển tập” đó là tác phẩm phái sinh. Khi xuất bản nhất thiết phải yêu cầu tác giả tuyển chọn, tuyển chọn xuất trình hợp đồng bằng văn bản với chủ sở hữu tác phẩm, tác giả, người được tác giả ủy quyền

hoặc người thừa kế hợp pháp của tác giả... thì mới được xuất bản.

Có thể tiếp cận từ nhiều góc độ để luận bàn về sự vi phạm đạo đức nghề nghiệp của nhà báo, của biên tập viên. Tiếp cận từ quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí cho thấy, không chỉ các nhà báo ở Việt Nam mà ở các nước trên thế giới cũng có thể vi phạm đạo đức nghề nghiệp, nếu như các nhà báo tác nghiệp chưa chuyên nghiệp, không am hiểu luật pháp và thiếu ý thức trách nhiệm đối với xã hội, nghĩa vụ công dân của mình. Tác giả Phùng Gia cho rằng: *“Một con sâu làm rầu nồi canh, người ta có thể đổ đi để nấu nồi canh khác, nhưng một nhà báo, tác phẩm vi phạm đạo đức nghề nghiệp không những gây hậu quả xã hội to lớn mà còn khó có thể lấy lại được danh dự và uy tín của cơ quan báo chí, nền báo chí đối với công chúng xã hội”* [29].

Đối với việc sử dụng phương pháp phỏng vấn để thu thập thông tin, dữ liệu, hiện nay có hiện tượng nhiều người ngại tiếp xúc với báo giới. Thực tế đã có không ít nhân vật trả lời phỏng vấn đã trở thành nạn nhân của báo chí, bị nhà báo “nhét miệng” những câu trả lời sai sự thật. Một ví dụ cười ra nước mắt về một vị lãnh đạo cấp vụ ở Bộ Giáo dục và Đào tạo - nạn nhân của báo chí bởi sự “nhét miệng” này. Chuyện là trong một lần dự hội nghị tập huấn giáo viên dạy văn toàn quốc được tổ chức tại tỉnh Thừa Thiên - Huế. Phóng viên giáo dục của một tờ báo nọ đã phỏng vấn vị Vụ trưởng về chủ đề dạy và học văn học ở nhà trường phổ thông. Vốn là giáo viên văn, vị lãnh đạo trả lời đại ý là *“các thầy cô dạy văn cần dạy học trò tình yêu quê hương, đất nước... Ví dụ, các thầy cô dạy các em học sinh ở Huế phải biết yêu dòng sông Hương thơ mộng, thì các thầy cô dạy học sinh ở Nghệ An phải dạy các em học sinh biết yêu dòng sông Lam”*. Hôm sau, trên trang “Giáo dục” của tờ báo nọ đăng tải bài viết về sự kiện tập huấn này và đã trích lời vị Vụ trưởng nọ, rằng, *“... lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các thầy cô dạy văn phải dạy cho học trò đã yêu sông Hương phải biết yêu cả... sông Lam”*. Vị lãnh đạo nọ

điếng người, không biết giải thích ra sao vì bài viết gán ghép đến sống sượng và nực cười này. Ông đã đưa ra một kết luận, cần cảnh giác với cánh báo chí, vì dễ chết oan có ngày!

Thể hiện tác phẩm là bước quan trọng trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí. Chọn thể loại nào, kết cấu gì, chi tiết ra sao, ngôn ngữ biểu đạt thể nào, Tên tác phẩm là gì... đó là khâu quan trọng quyết định nội dung, hình thức của một tác phẩm báo chí. Chủ tịch Hồ Chí Minh - người thầy lỗi lạc của nền báo chí cách mạng Việt Nam đã đưa ra bài học báo chí bổ ích cho các nhà báo bằng các câu hỏi cụ thể là: viết cho ai? viết để làm gì? viết như thế nào? Các nhà báo chuyên nghiệp, có thương hiệu uy tín trong báo giới thường làm rất tốt điều này. Hoạt động có chủ ý về chọn lựa thể loại, chi tiết, bố cục tác phẩm làm nên sự thành công trong nghề nghiệp của các nhà báo chuyên nghiệp. Thường thì họ sẽ đặt ra câu hỏi khi thể hiện tác phẩm là: Tác phẩm sẽ dành cho công chúng nào? Đối tượng đọc là ai? Thông tin của tác phẩm có gì liên quan đến lợi ích của quốc gia, cộng đồng, cá nhân? Tác phẩm sẽ đem lại hiệu quả hay hậu quả cho công chúng xã hội? Từ đó, các nhà báo mới quyết định chọn hình thức thể loại nào thể hiện sẽ tạo hiệu quả thông tin, hấp dẫn công chúng. Cụ thể là: Tác phẩm sẽ được xây dựng bố cục ra sao? Cần chọn lựa những chi tiết nào để đưa vào tác phẩm? Sử dụng ngôn ngữ biểu đạt tác phẩm như thế nào?

Trong thực tiễn hoạt động báo chí, vẫn còn không ít các nhà báo thể hiện sự non kém ở bước sáng tạo để tạo nên một tác phẩm báo chí có chất lượng tốt. Các tác phẩm của họ thường không rõ mục đích thông tin, chưa rành mạch về thể loại thể hiện; chưa khéo léo trong xây dựng bố cục tác phẩm, chưa tinh xảo trong chọn lựa chi tiết, chưa giỏi về sử dụng ngôn ngữ biểu đạt. Sự non kém về năng lực sáng tạo của nhà báo, tất yếu trên mặt báo sẽ xuất hiện những “tác phẩm báo chí” vô thưởng, vô phạt, kém hấp dẫn hoặc gây hậu quả xã hội nghiêm trọng.

Quyền đặt tên cho tác phẩm báo chí là quyền nhân thân quan trọng của tác giả. Tên của tác phẩm báo chí thể hiện nội dung, chủ đề tư tưởng của tác phẩm, cho nên tên của tác phẩm được bạn đọc quan tâm đầu tiên. Do vậy, để đánh đúng tâm lý tò mò của bạn đọc, nhiều bài báo có “Tít” giật gân xâm phạm danh dự của người khác.

Về thực trạng một số bài báo gần đây đã được phản ánh một phần trong buổi trao đổi của nhà báo Đinh Phong với phóng viên chuyên đề báo An ninh thế giới của tác giả Ngô Nguyệt Hữu trong bài với tít đề “*Làm báo nên có vùng cấm lương tâm*”. Nhà báo Đinh Phong đã nêu đích danh một vụ việc cụ thể: “*Kiều nữ Hải Dương cưỡng dâm tài xế taxi 30 lần/2 ngày*” và cho biết kiều nữ này đang chuẩn bị từ Mỹ về để khởi kiện tờ báo vì cố tình bôi nhọ, xác phạm danh dự, vu khống. Sự tiên lượng trên đã là sự thật. Báo điện tử Vietnam.net ngày 13.1.2014 đã đăng bài phỏng vấn bà Phạm Thị Thanh Ngọc nạn nhân bị xúc phạm trong sự việc hoang tưởng đã nói: “*Tôi về nước với quyết tâm làm sáng tỏ vụ việc. Tôi muốn bảo vệ mình, bảo vệ những chị em phụ nữ nói chung trước những thông tin phản cảm từ trên trời rơi xuống. Tôi xem đó là một tai nạn, một cú sốc tinh thần lớn, một vết thương khó lành. Tôi hình dung thiên hạ khắp nơi bàn tán những thông tin bịa đặt về mình mà cảm thấy hoang mang... khi đọc hết bài báo, tôi đã trắng đêm không ngủ. Đây là tổn thương tinh thần quá lớn khiến tôi phải trải qua những ngày sống trong sợ hãi. Bà đã cung cấp thông tin và đề nghị luật sư Hoàng Cao Sang (Văn phòng Luật sư Hoàng Việt Luật, Đoàn Luật sư TP.HCM) tư vấn pháp lý và chuẩn bị các thủ tục để khởi kiện yêu cầu xin lỗi, bồi thường thiệt hại, đồng thời chuẩn bị hồ sơ tố giác những cá nhân liên quan... Lần đầu tiên trong đời tôi gặp cảnh oái oăm này. Tôi không rành về pháp luật nên đã nhờ luật sư hướng dẫn và thực hiện các công việc bảo vệ tôi. Tôi thực sự không biết bắt đầu từ đâu. Tôi nghĩ cứ để tòa án phân xử đúng, sai, lỗi tới đâu thì pháp luật*

*xử lý tới đó. Tôi cũng không muốn làm khó ai, tôi cần một lời xin lỗi, mọi chuyện còn lại để pháp luật giải quyết. Tuy không phải cứ muốn là được nhưng tôi tin vào pháp luật, vào cơ quan bảo vệ pháp luật, họ sẽ xử lý những hành vi xúc phạm người khác”.*

Thế là rõ ràng, quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí được pháp luật công nhận và bảo hộ, nhưng nhà báo cũng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin mà họ đã cung cấp cho bạn đọc có trung thực và chính xác hay không. Đó là trách nhiệm của nhà báo trước pháp luật và trước xã hội. Trước thực trạng này nhà báo Đinh Phong nhận xét rằng: *“Tôi không hiểu là tại sao có những nhà báo chuyên nghiệp lại đi làm “báo lá cải”. Tôi biết, có những lãnh đạo cơ quan báo chí vì sự khó khăn về tài chính của tòa soạn mà phải liên kết với nhóm chuyên “làm báo đen” để bán mặng - sét nhằm cải thiện tình hình tài chính cơ quan. Những tay “làm báo đen” nắm rất rõ hạn chế này của một vài cơ quan báo chí... Đạo đức người làm báo không chỉ là trung thực đâu. Nên nhớ, không có vùng cấm trong báo chí. Nhưng, có vùng cấm đạo đức trong lương tâm từng người làm báo, viết báo. Nó giúp người làm báo không biến ngòi bút thành lưỡi dao để hủy hoại danh dự của một cá nhân, một thân phận, một gia đình. Nó lại càng giúp người làm báo không biến ngòi bút thành một cái que cời rác, chỉ chăm chăm vào những chuyện vô bổ, nhằm nhí, câu khách rẻ tiền”* [1]. Lời nhận xét và luận bàn này của nhà báo Đinh Phong thật suốt nhẽ, đáng để cho giới những người làm báo phải suy ngẫm và tự nhìn lại mình (!)

Ngoài những vấn đề về nội dung kể trên, việc bảo vệ bản quyền tác phẩm báo chí, nhất là báo điện tử cũng đang đóng lên hồi chuông báo động. Tham luận của nhà báo Phạm Huy Hoàn - Tổng Biên tập Báo điện tử Dân Trí, đọc tại Hội nghị cán bộ báo chí triển khai công tác trọng tâm năm 2013 đã nêu hai trong nhiều trường hợp mà nhà báo Phạm Huy Hoàn đã trực tiếp phải giải quyết về báo in và báo điện tử.

Trường hợp thứ nhất vào thời kỳ báo in phát triển. Nhà báo Phạm Huy Hoàn cho biết: vào thời gian đầu những năm 90 của thế kỷ 20, thời kỳ Internet chưa phát triển, khi đó ông là Tổng biên tập Báo Lao Động và đã được mời tham gia Hiệp hội nhà báo khối các nước nói tiếng Pháp. Trong quan hệ đồng nghiệp, Tổng biên tập một tờ báo Pháp muốn được dịch một bài trên báo Lao Động, đã gửi thư tới báo xin phép được dùng bài đó. Sau khi được Báo Lao Động đồng thuận bằng văn bản do Tổng biên tập ký chuyển qua FAX, phía đối tác mới cho dịch bài của Báo Lao Động để đăng. Khi bài báo được xuất bản, Tổng biên tập báo đó còn gửi bài đã dịch kèm thư cảm ơn tới Báo Lao Động.

Trường hợp thứ hai, nhà báo Phạm Huy Hoàn muốn dẫn chứng thêm việc Báo Dân Trí cũng đã có lần vi phạm bản quyền bị phản ứng như thế nào? Sự việc diễn ra ở thời kỳ Internet phát triển. Cách đây một năm phóng viên Báo Dân Trí, trang tiếng Anh DTInews lấy lại một tin thời sự của CNN nhưng không xin phép. Chỉ sau một ngày Tổng biên tập báo nhận được thư phát nhanh của Ban Biên tập CNN nêu rõ DTInews đã vi phạm bản quyền và đã yêu cầu phải gỡ bỏ ngay khi nhận được thư cảnh báo. Nếu Báo Dân Trí, trang tiếng Anh DTInews không thực hiện, thì Tổng biên tập sẽ được triệu tập hầu tòa tại Mỹ để giải quyết vụ kiện vi phạm luật bản quyền. Phía CNN còn biên soạn sẵn một bản cam kết bằng tiếng Anh trong đó yêu cầu Tổng biên tập Dân Trí ký xác nhận lời hứa của mình với nội dung: kể từ nay không bao giờ sử dụng tin bài của CNN khi chưa được phép. Thư cũng yêu cầu văn bản trả lời phải gửi phát nhanh để CNN nhận được kịp thời. Tất nhiên, nhà báo Phạm Huy Hoàn không bao giờ muốn hầu tòa ở Mỹ nên ký ngay cam kết và nhắc phóng viên không bao giờ được sử dụng tin bài của CNN khi chưa được phép của chủ sở hữu. Nếu như việc bảo hộ quyền tác giả tại Việt Nam cũng được các cơ quan báo chí theo dõi và cảnh báo như trên thì chắc là việc vi phạm và “đạo báo” không có thực trạng tràn lan như hiện nay.

Qua hai ví dụ nêu trên, nhà báo Phạm Huy Hoàn đã khẳng định rằng, mỗi tác phẩm báo chí đều có bản quyền và được pháp luật bảo vệ không chỉ theo thông lệ tập quán quốc tế, mà còn là quy định của luật pháp Việt Nam. Ông đã cảnh báo rằng, nếu các bên chưa có thỏa thuận trao đổi thông tin thì không bên nào được sử dụng tùy tiện mọi tin, bài không thuộc sở hữu của mình, bởi như vậy là vi phạm pháp luật sở hữu trí tuệ.

Cách đây 6 năm - năm 2007, các báo Tuổi Trẻ, Thanh Niên, Lao Động, Sài Gòn Giải Phóng và Tiền Phong đã ký Thỏa thuận về trao đổi và bảo vệ bản quyền tác phẩm báo chí theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ, đặc biệt liên quan đến loại hình báo điện tử. Trong Thỏa thuận này nêu rõ yêu cầu các báo điện tử hoặc hoặc trang tin điện tử khác tôn trọng bản quyền tác phẩm báo chí của các báo tham gia Thỏa thuận. Tuy nhiên, trong Thỏa thuận vẫn bảo vệ quyền độc lập của mỗi báo tham gia có thể ký thỏa thuận tương tự với báo khác. Vì vậy, đến lúc này có hai trong năm báo nêu trên đã ký Thỏa thuận hợp tác thông tin với Báo Dân Trí.

Nhiều người cho rằng đây là một thỏa thuận có tính tích cực cần được nhân rộng và thực hiện rộng rãi để tránh tệ nạn “cắt - dán” bài của các đồng nghiệp một cách tùy tiện. Việc ký thỏa thuận này sẽ góp phần ngăn chặn hiện tượng đạo báo, vi phạm Luật Báo chí, Luật Sở hữu trí tuệ của một số báo điện tử và các trang thông tin điện tử. Nhiều năm qua, một số báo điện tử và cả những trang thông tin điện tử của các công ty truyền thông không có chức năng hoạt động báo chí (không có Tổng biên tập) đã ngang nhiên sao chép “cắt - dán” thông tin báo chí từ các báo chính thống lên trang tin của mình để kinh doanh quảng cáo. Những phát hiện gần đây trên báo Petrotimes, Tuổi Trẻ, Vietnam Plus... về việc đạo báo đã chỉ rõ tới việc làm sai trái của từng trang tin điện tử và lên án việc làm vi phạm pháp luật và vô đạo đức này. Việc đạo báo ngày càng lan rộng đến mức công khai, coi như chuyện đương nhiên,

“chuyện thường ngày”. Không biết ai đã cho họ được phép “sống trên mồ hôi công sức” của hàng trăm nhà báo miệt mài biết bao công sức và trí tuệ cho từng tác phẩm báo chí của mình.

Với các website kiểu này, họ chỉ cần một số ít người hiểu biết công nghệ dùng mọi tiểu xảo nhanh nhất để sao chép được các thông tin mới nhất trên các báo có nhiều bạn đọc. Mục đích cuối cùng là họ đã kiếm được nguồn tiền lớn về quảng cáo trên nền tảng nguồn tin bài của các báo, nhưng lại hoàn toàn không phải chịu trách nhiệm gì về tính chính xác của các tin và bài đó. Luật Báo chí quy định tác giả và Tổng biên tập phải chịu trách nhiệm về từng nội dung tin bài xuất bản trên báo. Nếu bài viết có nội dung sai phạm, nhà báo và Tổng biên tập có tác phẩm báo sai phạm có thể phải chịu truy cứu trách nhiệm hình sự. Thời gian qua đã có những nhà báo bị xét xử tại tòa án và đã bị áp dụng những hình phạt thích đáng được luật pháp quy định. Nhưng, hiện tại các báo điện tử sao chép hoặc website của các công ty truyền thông sao chép các tin bài có sai phạm đó lại chưa bị xem xét ! Ngược lại, các trang thông tin điện tử này còn kiếm nhiều tiền quảng cáo từ nguồn tin mà báo gốc đã bị xử phạt...

Đối với xã hội, báo chí luôn là cơ quan hướng dẫn dư luận trong việc thực thi pháp luật của Nhà nước. Nếu các trang tin điện tử của các công ty truyền thông nêu trên đã gương mẫu tôn trọng bản quyền tác phẩm báo chí, thì hơn bao giờ hết các báo điện tử và các trang tin điện tử khác cũng cần gương mẫu tuân thủ và tôn trọng những quy định của pháp luật. Trong tác nghiệp nhất thiết “không sao chép” khi chưa được chủ sở hữu ký văn bản thỏa thuận cho phép.

Vì vậy, để khắc phục thực trạng trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và những nhà báo chân chính yêu cầu phải thực hiện đúng quy định về bản quyền. Báo Dân trí đã đề nghị luật sư vào cuộc và qua rà soát của luật sư cho



thấy có rất nhiều trang thông tin điện tử sử dụng thông tin của báo chí nói chung và báo Dân Trí nói riêng mà không xin phép. Luật sư của Dân trí đã thống kê được khoảng chục trang tin như baomoi.com, tin247.com, soha.vn... Tới đây báo Dân Trí sẽ chính thức làm việc với các đơn vị đó cũng như thanh tra Bộ Thông tin – truyền thông về vấn đề vi phạm bản quyền này.

Theo quy định tại Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ và của pháp luật hiện hành, thì các hành vi sau đây bị coi là hành vi xâm phạm quyền tác giả (bao gồm cả lĩnh vực khoa học nghệ thuật và báo chí): Chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; Mạo danh tác giả để đăng các bài viết; Công bố, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả, đồng tác giả trong trường hợp có đồng tác giả; Sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự, uy tín của tác giả; Sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền (trừ trường hợp có quy định khác); Làm tác phẩm phái sinh nhưng không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền (trừ trường hợp có quy định khác); Sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ thể quyền, không trả nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất (trừ trường hợp có quy định khác); Cho thuê tác phẩm mà không trả tiền nhuận bút, thù lao và quyền lợi vật chất khác cho tác giả, hoặc chủ sở hữu quyền tác giả; Nhân bản, sản xuất bản sao, phân phối trung bày hoặc truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông hoặc các phương tiện kỹ thuật số mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả; Xuất bản tác phẩm nhưng không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả; Cố ý huỷ bỏ, làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền thực hiện để bảo vệ quyền; Cố ý xoá bỏ, thay đổi thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử có trong tác phẩm; Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu hoặc cho thuê thiết bị khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó làm vô hiệu biện pháp kỹ thuật để bảo vệ quyền của tác giả đối

với tác phẩm của mình; Làm và bán tác phẩm mà chữ ký của tác giả bị giả mạo; Xuất khẩu, nhập khẩu bản sao tác phẩm mà không được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép.

### **3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí**

Một trong những chức năng cơ bản của báo chí là tham gia quản lý, giám sát và phản biện xã hội. Báo chí quản lý, giám sát, phản biện xã hội bằng dư luận xã hội. Chỉ có thông qua dư luận xã hội, báo chí mới làm tròn trách nhiệm của mình là cầu nối quan trọng của Đảng, nhà nước với nhân dân; là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, diễn đàn của quần chúng nhân dân. Bên cạnh các cơ quan báo chí, nhà báo xuất sắc, chú trọng hoạt động theo dõi, nắm bắt và xử lý thông tin phản hồi từ hiệu quả và hậu quả của các tác phẩm báo chí, tạo dựng niềm tin của báo chí đối với công chúng.

Những cơ quan báo chí, tờ báo lớn, trong quá trình tác nghiệp đã rất chú trọng đến việc bảo vệ quyền nhân thân của tác giả đối với các tác phẩm báo chí. Hiện tại vẫn còn không ít những cơ quan báo chí, nhà báo vì những lý do chủ quan, khách quan đã chưa coi trọng vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền tác giả trong các tác phẩm báo chí. Cơ quan báo chí lớn và có uy tín lâu năm đều coi trọng việc bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của các nhà báo, trong đó có quyền tác giả đối với các tác phẩm báo chí. Khi những quyền này bị xâm phạm đều được bảo vệ bằng những phương thức thích hợp. Chính vì vậy, các nhà báo hoặc các cộng tác viên rất yên tâm bởi các quyền của mình luôn được bảo vệ.

Thiệt hại về nhiều phương diện đối với các nhà báo chân chính thì đã nhìn thấy, đó là sự vi phạm về bản quyền - một điều quá rõ ràng không cần phải tranh cãi. Hiện tại Việt Nam không có quy định cho tư nhân làm báo nhưng những trang thông tin này thường xuyên lấy cắp tin của các báo, sử

dụng trên trang thông tin của mình và coi đó như là một sở hữu riêng. Trước thực tế này Bộ Thông tin - truyền thông sẽ có kế hoạch thanh lọc và thanh tra bộ chắc chắn sẽ phải vào cuộc để xử lý các hành vi xâm phạm.

Điều đáng ngạc nhiên là: trong khi một số báo và nhà báo chân chính lên tiếng phản đối về việc Báo mới (Baomoi.com) vi phạm bản quyền, thì chủ trang Baomoi.com lại tung hỏa mù: nhiều báo muốn được Báo mới “quét” tin để có được nhiều người đọc (!), rằng Báo mới chót “quên” việc thỏa thuận với các báo. Petrotimes, trang tin điện tử của Báo Năng lượng mới, đã nổ “phát súng” đầu tiên khi lên tiếng mạnh mẽ về tình trạng bị xâm phạm bản quyền báo chí trên mạng. Nhà báo Nguyễn Như Phong, Tổng biên tập Báo Năng lượng mới cho rằng: *“Việc Báo mới tự động lấy lại tin bài và kinh doanh là “ăn cắp” chất xám của các cơ quan báo chí khác, đồng thời vi phạm nghiêm trọng về bản quyền”*. Thực hiện quyền hợp pháp của mình, Báo Năng lượng mới đã có văn bản yêu cầu Công ty EIP Việt Nam (công ty sở hữu Báo mới) chấm dứt ngay việc lấy cắp thông tin và kinh doanh bằng thông tin của Petrotimes dưới bất kỳ hình thức nào, đồng thời có văn bản giải thích vụ việc. Nhà báo Nguyễn Như Phong, Tổng biên tập Báo Năng lượng mới cho biết: Ban Biên tập báo sẽ khởi kiện lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nếu ban quản trị website Báo mới không có phúc đáp yêu cầu của Báo Năng lượng mới và tiếp tục trộm cắp thông tin.

Qua đấu tranh của các báo và các nhà báo, ông Nguyễn Anh Tuấn, Giám đốc Công ty cổ phần Công nghệ EPI khi trao đổi với phóng viên Báo Người Lao Động ngày 5/3/2013 cho biết nếu Petrotimes yêu cầu thì Báo mới sẽ gỡ tất cả các bài viết liên quan đến trang tin này. Ngoài ra, các báo khác có yêu cầu tương tự thì Báo mới cũng đáp ứng. Sau sự kiện kể trên, hiện Báo mới bước đầu đã có thỏa thuận với khoảng gần 10 báo qua nhiều hình thức khác nhau để cùng khai thác thông tin.

Dựa trên hình thức và hoạt động của baomoi.com thì đó là một trang thông tin điện tử tổng hợp đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép hoạt động theo quy định tại Nghị định 97/2008/NĐ-CP. Với tính chất là “trang thông tin điện tử tổng hợp”, là trang thông tin điện tử trên Internet của tổ chức hoặc doanh nghiệp cung cấp thông tin tổng hợp về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trên cơ sở trích dẫn lại thông tin từ nguồn chính thức của các cơ quan báo chí hoặc từ các trang thông tin điện tử của các cơ quan Đảng và Nhà nước. Nhưng cần lưu ý rằng: về nguyên tắc, việc thiết lập trang thông tin điện tử, việc cung cấp, truyền đưa, lưu trữ, sử dụng thông tin điện tử trên Internet phải tuân thủ các quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật về báo chí, pháp luật về xuất bản, pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bản quyền, pháp luật về quảng cáo và các quy định quản lý thông tin điện tử trên Internet.

Thông tư số 14/2010/TT-BTTTT đã chỉ rõ: việc trích dẫn thông tin là trích dẫn nguyên văn, chính xác từ nguồn tin chính thức, không bình luận, bao gồm cả việc ghi rõ tên tác giả, tên cơ quan của nguồn tin chính thức, thời gian đã đăng, phát thông tin đó. Việc trích dẫn nguồn tin phải thực hiện theo quy định về quản lý thông tin điện tử trên internet. Tuy nhiên, để duy trì hoạt động của trang thông tin điện tử tổng hợp như thế cần phải đảm bảo tuân thủ về mặt pháp lý đối với cả vấn đề sở hữu trí tuệ đối với các tác phẩm báo chí đã được bảo hộ quyền tác giả. Như tác giả đã nêu ở phần trên, nếu chiếu theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ thì cần phải xem xét việc sử dụng các tác phẩm báo chí được bảo hộ đã có sự đồng ý hay chưa? Việc sử dụng đó có thuộc trường hợp không phải xin phép không... Từ đó, nếu các báo điện tử bị sử dụng các tác phẩm báo chí mà không có sự xin phép nào từ phía baomoi.com thì có thể nghiên cứu, xem xét trên khía cạnh truyền đạt tác phẩm đến công chúng để khiếu nại lên cơ quan thanh tra.

Như đã phân tích ở trên, mặc dù báo chí là tác phẩm thuộc loại được bảo hộ quyền tác giả, việc quản lý nhà nước liên quan đến quyền tác giả trước đây được giao cho Bộ Văn hóa - Thông tin (Luật năm 2005) và nay được giao cho Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch (Luật sửa đổi năm 2009). Luật Sở hữu trí tuệ cũng giao Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch thực hiện phần bản quyền báo chí. Thực tế là Bộ Thông tin - Truyền thông mới là cơ quan trực tiếp quản lý báo chí. Bộ Thông tin - Truyền thông cũng là cơ quan biết rất rõ cả báo in lẫn báo điện tử. Qua theo dõi hàng ngày nên cơ quan này sẽ biết chính xác báo nào thường lấy bài của báo nào.

Đã đến lúc cần nhận thấy rằng, những quy định về thẩm quyền không minh định này đã làm cho việc giải quyết các tranh chấp về bản quyền báo chí không được nhìn nhận, xem xét và giải quyết nghiêm túc. Có không ít người cho rằng đây là những điều lạ trong bản quyền báo chí. Về mặt Nhà nước, chưa có cơ quan nào tổ chức nghiên cứu, điều tra khảo sát thực trạng các báo đang sao chép nội dung của nhau như thế nào! Việc làm này đã tạo ra những ảnh hưởng như thế nào về mặt xã hội cũng như trong tương lai của báo chí nói chung.

Một điều lạ khác thường nữa là ngay chính bản thân Bộ Thông tin - Truyền thông lại có những động thái mang tính “khuyến khích” việc sao chép các tác phẩm báo chí. Bởi Bộ Thông tin - Truyền thông đã tư vấn và chủ trì soạn thảo cho Chính phủ ra Nghị định 97/2008/NĐ-CP về “quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet”, trong đó đưa ra định nghĩa: “*Trang thông tin điện tử tổng hợp là trang thông tin điện tử trên Internet của tổ chức hoặc doanh nghiệp cung cấp thông tin tổng hợp về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trên cơ sở trích dẫn lại thông tin từ nguồn chính thức của các cơ quan báo chí hoặc từ các trang thông tin điện tử của các cơ quan Đảng và Nhà nước*”.

Việc cung cấp thông tin cho xã hội là cần thiết, nhưng các trang thông tin điện tử không thể tùy tiện sao chép bài của các báo đã cảnh báo về bản quyền. Từ quy định thiếu minh định này đã có hàng ngàn “trang thông tin điện tử tổng hợp” được cấp phép ra đời, thoải mái sao chép bài, tin của các báo và do không tốn công sức, trí tuệ nên được cập nhật liên tục. “Trang thông tin điện tử tổng hợp” chỉ có chức năng lấy lại tin từ báo chí chính thức chứ không được tổ chức tin bài riêng của mình. Vai trò của tờ báo điện tử đăng tin bài đầu tiên là chỉ để “hợp thức hóa” tin bài sản xuất theo quy trình kỳ lạ này. Và do tổng hợp từ nhiều nguồn nên các trang thông tin điện tử tổng hợp thường phong phú, đa dạng hơn một tờ báo điện tử riêng lẻ nhiều lần. Các trang thông tin điện tử tổng hợp này chỉ là do doanh nghiệp lập nên mà không phải là cơ quan báo chí, nhưng nhìn bề ngoài không khác gì một cơ quan báo chí nên dễ gây nhầm lẫn. Chính Nghị định 97/2008/NĐ-CP nói trên cũng có quy định và yêu cầu các trang này phải tuân thủ các quy định về sở hữu trí tuệ. Nhưng, khi đã cho ra đời các “trang thông tin điện tử tổng hợp”, nhưng lại không có quy định phải tổ chức và hoạt động theo luật báo chí đã là “lỗ hổng pháp luật” bị lợi dụng. Với quy định thiếu minh định này, nên các trang thông tin điện tử có “sao chép” cũng là dễ hiểu và việc vi phạm bản quyền báo chí là điều không tránh khỏi vì không thể kiểm duyệt được trong thực tế.

Để khắc phục tình trạng vi phạm bản quyền đối với tác phẩm báo chí, vi phạm pháp luật sở hữu trí tuệ trước hết cần bổ sung, sửa đổi ngay quy định về trang thông tin điện tử tổng hợp theo hướng: khi muốn đăng tải tin bài từ các báo khác nhất thiết phải có hợp đồng, thỏa thuận hoặc phải có sự xin phép hợp lệ của các báo điện tử đã đăng ký bản quyền. Cần xiết chặt các thủ tục về cấp phép hoạt động đối với các trang thông tin điện tử tổng hợp và tiến hành kiểm tra thường xuyên.

Trong hoạt động báo chí cần thường xuyên tổng kết, phát động các

phong trào theo những chủ đề nhất định, tiến hành trao giải cho những tác phẩm đoạt giải xuất sắc. Việc vinh danh các tác phẩm xuất sắc một phần là để động viên vật chất tinh thần, nhưng mặt khác là để khẳng định những tác giả, những bút danh đã có những tác phẩm báo chí xuất sắc để xã hội biết đến và tôn vinh.

Trong tương lai, Các cơ quan báo cần phối hợp với Cục bản quyền tác giả Bộ Văn hóa – Thể thao – Du lịch để khẩn trương thành lập trung tâm bảo vệ quyền tác giả trong lĩnh vực báo chí. Ngoài ra, Cơ quan thanh tra Bộ Thông tin – truyền thông phải thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở vấn đề vi phạm bản quyền trong lĩnh vực báo chí. Khi các báo đã phát hiện sự xâm phạm của các báo khác hoặc của các trang thông tin điện tử tổng hợp và đã có văn bản khiếu nại, thì thanh tra cần làm rõ sự thực và công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để răn đe và phòng ngừa.

Ngoài ra, một trong những giải pháp để tôn vinh và động viên các nhà báo có thành tích trong quá trình thực hiện tác phẩm báo chí nên thường xuyên tổ chức các cuộc thi và lựa chọn những tác phẩm xuất sắc để trao thưởng. Ngoài mục đích vinh danh thì đây cũng là sự khích lệ đối với những nhà báo có sản phẩm giá trị để công chúng có điều kiện bình chọn. Tin từ Hội Nhà báo Thành phố Hà Nội đã cho biết: Năm 2013, Ban tổ chức Giải Báo chí Ngô Tất Tố Thành phố Hà Nội trong năm 2013 đã nhận được 113 tác phẩm dự thi của 13 cơ quan, đơn vị báo chí trên địa bàn. Qua vòng sơ khảo, Hội đồng giám khảo đã chọn được 64 tác phẩm để tham gia vòng chung khảo. Hội đồng giám khảo quyết định sẽ trao giải thưởng cho 29 tác phẩm xuất sắc nhất theo cơ cấu sau: 2 giải Nhất, 3 giải Nhì, 4 giải Ba và 20 giải Khuyến khích. Lễ trao giải thưởng “Giải Báo chí Ngô Tất Tố Hà Nội năm 2013” sẽ được Hội Nhà báo Thành phố tổ chức tại Lễ khai mạc Hội Báo Xuân Giáp Ngọ 2014.

Trong lĩnh vực báo hình, Ban tổ chức Liên hoan truyền hình toàn quốc

lần thứ 33 đã lựa chọn được hai giải vàng đặc biệt: một cho thể loại chương trình thiếu nhi (phóng sự bảo tồn loài vọc mông trắng) do Ban Thanh thiếu niên, Đài truyền hình Việt Nam thực hiện và một cho phóng sự (táng tận lương tâm chôn xương động vật giả hài cốt liệt sỹ) do Trung tâm truyền hình Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

Việc lựa chọn các tác phẩm báo chí (gồm báo viết, báo hình, báo nói...) xuất sắc để vinh danh là việc làm cần thiết và có nhiều ý nghĩa. Đây có thể là nguồn động viên và cũng là động cơ để các nhà báo, các cơ quan báo chí tham gia tích cực các hoạt động nghề nghiệp nhằm đem lại cho xã hội những món ăn tinh thần hấp dẫn, nhân văn và không ngừng đổi mới cách thức thể hiện, truyền đạt.

#### **3.4. Một số quy định của pháp luật thực định cần hoàn thiện**

Nhiều người có chung một suy nghĩ là: ở Việt Nam hiện nay vấn đề bảo hộ quyền tác giả nói chung, quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí nói riêng đang còn rất yếu kém và chưa khả thi. Có không ít người cho rằng, “pháp luật đã giăng ra nhiều, bủa vây lắm bằng hàng loạt văn bản nhưng quyền sở hữu trí tuệ hàng ngày vẫn bị vi phạm”. Và cũng không ít người kêu trời vì các sáng tạo, lao động, cống hiến của các nhạc sỹ, nhà văn, nhà báo bị thoải mái xà xẻo một cách “vô tư” mà chưa có biện pháp gì bảo vệ hữu hiệu. Đó là sự bất lực của pháp luật hoặc có quy phạm pháp luật nhưng hiệu quả thi hành pháp luật không được coi trọng.

Từ vụ việc thực tế về trang điện tử Baomoi.com tùy tiện và chủ động gom quét tin bài của các báo về trang mình để xây dựng kho dữ liệu tin tức phong phú bằng máy chứ không phải bằng sự sáng tạo, lao động cật lực của các phóng viên tác nghiệp đã là sự cảnh báo. Giới báo chí đã có cuộc trao đổi với ông Lê Cao, Công ty Luật hợp danh FDVN (Đà Nẵng) liên quan đến các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với tác



phẩm báo chí. Với câu hỏi: báo chí có được bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ không? Ông Lê Cao, Công ty Luật hợp danh FDVN đã trả lời: *“Theo quy định hiện hành tại Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ thì tác phẩm báo chí cũng là một trong những loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả. Tuy nhiên, không phải bất kỳ bài viết, tin tức báo chí nào cũng được pháp luật bảo hộ quyền tác giả, mà có những thông tin, bài viết pháp luật khuyến khích công bố rộng rãi trên nhiều phương tiện cho công chúng được biết”*.

Như vậy, theo nội dung hướng dẫn tại Nghị định 100/2006/NĐ-CP thì có thể hiểu các tác phẩm báo chí mà thuộc các thể loại như: phóng sự, ghi nhanh, tường thuật, phỏng vấn, phản ánh, điều tra, bình luận, xã luận, chuyên luận, ký báo chí và các thể loại báo chí khác nhằm đăng, phát trên báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử hoặc các phương tiện khác đều thuộc đối tượng được bảo hộ quyền tác giả... Nhưng thông tin chỉ thể hiện trên các loại hình báo chí thì không được bảo hộ quyền tác giả. Đó là những tin tức thời sự thuần túy đưa tin (các thông tin báo chí ngắn hàng ngày, chỉ mang tính chất đưa tin không có tính sáng tạo). Các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, văn bản hành chính (bao gồm văn bản của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp...) không phải là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả.

Như vậy là rất cụ thể và rõ ràng. Không phải bất kỳ bài viết, tin tức báo chí nào cũng được pháp luật bảo hộ quyền tác giả. Các thông tin thể hiện trên các loại hình báo chí nhưng không được bảo hộ quyền tác giả là: những tin tức thời sự thuần túy đưa tin, không có tính sáng tạo. Chỉ những bài phóng sự, ghi nhanh, tường thuật, phỏng vấn, phản ánh, điều tra, bình luận, xã luận, chuyên luận, ký báo chí và các thể loại báo chí khác nhằm đăng, phát trên báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử hoặc các phương tiện khác... thì mới thuộc đối tượng được pháp luật bảo hộ quyền tác giả.

Để quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí được thực hiện nghiêm chỉnh, được tôn trọng và bảo vệ một cách khả thi và có hiệu quả cao trong quá trình điều chỉnh cần có sự sửa đổi, bổ sung một số các quy định sau đây cho phù hợp với giai đoạn hiện nay.

- Trước hết là cần sửa đổi khoản 2, Điều 736 về tác giả. Điều 736 BLDS 2005 đã quy định: “*Người sáng tạo ra tác phẩm phái sinh từ tác phẩm của người khác, bao gồm tác phẩm được dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn là tác giả của tác phẩm phái sinh đó*”.

Trong thực tế khó có thể phân biệt được sự khác biệt giữa tác phẩm biên soạn (là tác phẩm phái sinh theo khoản 8 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ) với tác phẩm gốc, bởi vì tác phẩm biên soạn có thể là tác phẩm gốc. Đại từ điển tiếng Việt giải thích biên soạn: viết thành công trình, thành sách dựa trên các tài liệu đã thu thập được, đã có. Như vậy, biên soạn là việc sáng tạo nên tác phẩm, tác phẩm đó là hoàn toàn mới, không phải là việc sáng tạo một tác phẩm dựa trên tác phẩm đã có vì các tài liệu đã được thu thập được không phải là các tác phẩm được quy định tại Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ.

Giải pháp đối với vấn đề này là: sau cụm từ tuyển chọn đề nghị sửa khoản 2, Điều 736 về tác giả là “*tuyển chọn có xin phép hợp lệ*”. Khi đã có những thủ tục hợp lệ và có những bằng chứng về việc sáng tạo (như chuyển thể, cải biên...) thì không quy định tác phẩm biên soạn là tác phẩm phái sinh, mà tác phẩm biên soạn phải được coi là tác phẩm (gốc).

- Các quy định về quyền nhân thân của cá nhân trong BLDS 2005 khi được sửa đổi, bổ sung cũng cần cân nhắc. Bộ luật Dân sự chỉ nên quy định những quyền nhân thân sau đây: quyền đối với họ, tên; quyền thay đổi họ, tên; quyền của cá nhân đối với hình ảnh; quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khoẻ, thân thể; quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín;

quyền bí mật đời tư; quyền hiến bộ phận cơ thể; quyền hiến xác, bộ phận cơ thể sau khi chết; quyền xác định lại giới tính là nhóm khách thể được pháp luật bảo hộ.

Các quyền nhân thân này gắn liền với mỗi cá nhân và mang tính độc lập. Các quyền nhân thân này là những lợi ích nhân thân của cá nhân được bảo hộ trong lĩnh vực dân sự. Mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến một trong các quyền nhân thân kể trên, thì người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Còn nhóm những quyền khác không phải là đối tượng điều chỉnh của pháp luật dân sự nên không cần quy định trong Bộ luật dân sự.

- Hơn nữa, khi quy định về quyền nhân thân trong BLDS cũng cần quan tâm hơn đến cơ chế bảo vệ trong trường hợp danh dự, uy tín của cá nhân bị xâm phạm. Thực tế nhiều năm trở lại đây, trên thế giới cũng như ở Việt Nam, việc sử dụng thư điện tử (Email) là một hình thức thông tin hiện đại qua mạng Internet, ngày càng phổ biến. Bên cạnh những lợi ích của việc sử dụng thư điện tử, là mặt trái của nó về mặt xã hội, do những người có hành vi trái pháp luật đã sử dụng thư điện tử làm phương tiện để truyền bá những thông tin thất thiệt hoặc nhằm để vu khống hoặc bôi nhọ danh dự của người khác có chủ đích. Người sử dụng thư điện tử nhằm mục đích không lành mạnh đã gây ra những tổn thất không dễ khôi phục được, những hậu quả nặng nề nhất là khi nó lan truyền ở phạm vi rộng. Hành vi vu khống, bôi nhọ danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Ngoài trách nhiệm hình sự, người vi phạm còn phải chịu trách nhiệm theo những chế tài khác, trong đó có chế tài dân sự về bồi thường, xin lỗi, cải chính công khai. Tuy nhiên, thực trạng quản lý quy trình đăng ký sử dụng thư điện tử hiện nay ở Việt Nam còn nhiều bất cập, cho nên việc xác định hành vi trái pháp luật của một người cụ thể để quy trách nhiệm dân sự là một việc rất phức tạp, khó khăn và hiệu quả không được như mong muốn.

- Ngoài ra, khi sửa đổi, bổ sung BLDS năm 2005 cần loại bỏ một số quyền nhân thân đã mở quá rộng bao gồm cả những quyền công dân. Những quyền nhân thân là quyền công dân, không thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật dân sự, do vậy nếu các quyền này bị xâm phạm thì được áp dụng các quy phạm pháp luật thuộc chuyên ngành luật khác như luật hình sự, luật hành chính để giải quyết.

- Cần bổ sung quyền nhân thân Điều 738 BLDS 2005 chỉ quy định: “Cho phép tạo tác phẩm phái sinh”. Quy định này là cần thiết nhằm làm cho tác phẩm phái sinh được công bố, phổ biến rộng rãi tới công chúng với hình thức thể hiện thích hợp. Tuy nhiên, quy định về cho phép tạo tác phẩm phái sinh chưa chặt chẽ và đang bị lợi dụng. Vì vậy, trong tương lai cần bổ sung điểm b, khoản 3, Điều 738 về nội dung quyền tác giả thành: Cho phép tạo tác phẩm phái sinh “*nhưng phải có sự đồng ý hoặc cho phép của tác giả*”.

Tương tự là các quy định về chuyển giao quyền tác giả quy định tại Điều 742 BLDS 2005. Với quy định các quyền nhân thân tại khoản 2 Điều 738 thì không được chuyển giao, nhưng quyền nhân thân quy định tại điểm c khoản 2 Điều 738 BLDS 2005 có thể được chuyển giao với các điều kiện do pháp luật về sở hữu trí tuệ quy định thì chưa cụ thể. Đây là đạo luật gốc cần có sự ghi nhận nguyên tắc cơ bản là: việc chuyển giao phải có sự đồng ý của tác giả bằng văn bản.

- Đối với Luật Sở hữu trí tuệ. Trước hết cần bổ sung các quy định về hành vi xâm phạm quyền tác giả tại Điều 28, Luật Sở hữu trí tuệ 2005. Như đã đề cập tại tiêu mục phần thực trạng, hiện tượng các báo điện tử “quét bài” không có bất kỳ sự xin phép nào, cũng không đề tên tác giả, xuất xứ bài báo... nên cần bổ sung thêm tại khoản 1, Điều 28 “*Chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, tác phẩm báo chí*”. Hành vi xâm phạm khá phổ biến này cần có quy định cấm mới có thể bảo vệ vẹn toàn các tác phẩm báo chí như ghi nhận tại Điều 14.

- Đối với Luật báo chí: Theo quy định của Luật Báo chí hiện hành, các quy định về quyền tác giả, quyền tài sản và quyền nhân thân chưa được ghi nhận cụ thể và cũng không có những dẫn chiếu cần thiết các nội dung có liên quan. Trong Luật Báo chí hiện hành không có những quy định trực tiếp nhằm bảo vệ quyền tác giả của nhà báo đối với tác phẩm báo chí. Vì vậy, khi bổ sung, sửa đổi Luật Báo chí cần có những quy định cụ thể để làm căn cứ pháp lý trực tiếp khi cần thiết. Hoặc nếu để tránh sự trùng lặp trong kỹ thuật lập pháp phải có quy định dẫn chiếu cụ thể. Cụ thể là: Điều 17đ về thanh tra báo chí hoặc Điều 14 quy định về nhà báo cần ghi nhận quyền của nhà báo đối với tác phẩm báo chí và nếu bị xâm phạm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về “trang thông tin điện tử” tại Nghị định 97/2008/NĐ-CP theo hướng khi hoạt động phải tuân thủ các quy định về bản quyền đối với tác phẩm báo chí với dẫn chiếu theo luật sở hữu trí tuệ, cấm tùy tiện sao chép bài để đưa lên trang mạng, làm lành mạnh các trang thông tin điện tử. Khi cấp phép hoạt động phải quy định rõ ràng, minh định và các điều kiện bắt buộc đối với trang thông tin điện tử tổng hợp. Quy định cụ thể công tác hậu kiểm và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

## KẾT LUẬN CHUNG

Xã hội càng phát triển thì nhu cầu nâng cao đời sống tinh thần ngày càng tăng lên, tạo nên sự phát triển không ngừng của “ngành công nghiệp báo chí”. Một trong những chức năng cơ bản của báo chí là tham gia quản lý, giám sát và phản biện xã hội. Báo chí quản lý, giám sát, phản biện xã hội bằng dư luận xã hội thông qua các tác phẩm báo chí. Chỉ có thông qua dư luận xã hội, báo chí mới làm tròn trách nhiệm của mình là cầu nối quan trọng của Đảng, Nhà nước với nhân dân; là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, diễn đàn của quần chúng nhân dân. Bên cạnh các cơ quan báo chí, nhà báo xuất sắc, đã chú trọng hoạt động theo dõi, nắm bắt và xử lý thông tin phản hồi từ hiệu quả và hậu quả của các tác phẩm báo chí, tạo dựng niềm tin của báo chí đối với công chúng. Với ý nghĩa như vậy, vấn đề bảo vệ quyền nhân thân của tác giả trong lĩnh vực báo chí ngày càng được chú trọng.

Tuy nhiên, đây là một loại quyền năng dân sự khá đặc thù, nên trên thực tế “quyền” này thường hay bị vi phạm (các tác phẩm báo chí hay bị sao chép trái phép và tùy tiện) nhưng việc phát hiện, bảo vệ còn gặp không ít khó khăn và còn nhiều bất cập. Giai đoạn hiện nay đang có một thực trạng đáng lo ngại là vì lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm hoặc vì mục đích thương mại mà một số tờ báo coi nhẹ các nguyên tắc hoạt động của báo chí và xem nhẹ quyền nhân thân của các nhà báo khi tổ chức công bố tác phẩm báo chí trên các sản phẩm báo chí. Nhiều người đã cho rằng: xem nhẹ quyền nhân thân của các nhà báo đối với các tác phẩm báo chí chỉ nhằm mục đích thương mại không những là vi phạm pháp luật mà còn vi phạm đạo đức nghề nghiệp của những người làm báo. Về phương diện lý luận cũng như thực tiễn việc bảo vệ của Tòa án và những cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiện còn nhiều vấn đề bất cập, gây tranh luận, nhất là định hướng giải quyết các tranh chấp có tính chất đặc thù này.

Trước tình trạng xâm phạm quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí diễn ra phức tạp và khó kiểm soát như hiện nay, việc bảo vệ quyền này càng trở nên cấp thiết và có ý nghĩa thực tế. Bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí không những thúc đẩy sự sáng tạo xã hội, làm phong phú thêm nền văn hóa nước nhà, mà nó còn có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển kinh tế, là điều kiện tiên quyết trong công cuộc hội nhập kinh tế của quốc gia trong điều kiện toàn cầu hóa. Với ý nghĩa như vậy, bảo vệ quyền nhân thân nói chung và bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí nói riêng đã có vị trí quan trọng trong Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Báo chí.

Và vì vậy, nghiên cứu về mảng đề tài này một cách chuyên sâu, tổng hợp, toàn diện và thấu đáo nhằm góp phần phát triển lý luận, lý giải và hoàn chỉnh các văn bản pháp quy với mục tiêu nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí của Tòa án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vô cùng cần thiết.

Với tiêu chí đó, tác giả đã đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu và hoàn thành Đề tài ***“Bảo vệ quyền nhân thân bằng pháp luật dân sự trong lĩnh vực báo chí”*** với những nội dung chủ yếu sau:

- Nhận diện, làm rõ khái niệm, bản chất quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí;

- Chỉ ra những đặc điểm riêng về quyền nhân thân đối với các tác phẩm báo chí, từ đó đề xuất các giải pháp thích hợp để hoạt động bảo vệ của Tòa án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu quả cao;

- Lựa chọn biện pháp bảo vệ bằng trình tự Tòa án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thích hợp, đấu tranh hiệu quả với các hiện tượng xâm phạm quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí.

Tuy tác giả đã có nhiều cố gắng nỗ lực và được thầy giáo hướng dẫn tận tình giúp đỡ, được các thầy, cô và đồng nghiệp hỗ trợ nhưng do thời gian nghiên cứu có hạn và được giới hạn trong khuôn khổ của Luận văn thạc sĩ luật

học nên những vấn đề nêu trong luận văn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, phê bình của các thầy cô và các nhà nghiên cứu để công trình được hoàn thiện hơn!

Và với những hạn chế như trên trong quá trình nghiên cứu, tác giả vẫn chưa thể giải quyết hết được những vấn đề thời sự, đang được quan tâm liên quan quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí. Đây mới chỉ là sự mở đầu và tác giả hi vọng Đề tài sẽ tiếp tục được nghiên cứu chuyên sâu hơn ở một hoặc nhiều công trình nghiên cứu khác, để giúp tạo nền tảng cơ sở lý luận toàn diện, hành lang pháp lý an toàn của vấn đề quyền nhân thân trong lĩnh vực báo chí, để quyền này được hiểu một cách chính xác, vận dụng đúng và đặc biệt là được bảo vệ tối đa trong thực tiễn cuộc sống./.



## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo An ninh thế giới, số 1331 ra thứ 4 ngày 8.1.2014.
2. Báo Văn nghệ Công an, số 153 ra ngày 2.4.2007.
3. Báo Công an nhân dân cuối tuần, số 29 ra ngày 3.8.2008.
4. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.
5. Chính phủ (2006), Nghị định của Chính phủ số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan.
6. Chính phủ (2006), Nghị định của Chính phủ số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.
7. Chính phủ (2008), Nghị định của Chính phủ số 97/2008/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và quy định về trang thông tin tổng hợp.
8. Chính phủ (2011), Nghị định 85/2011/NĐ-CP ngày 20/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan.
9. Đại hội Đảng (2011), Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia.
10. Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích từ ngữ luật học*, Nxb Công an nhân dân.
11. Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam*.
12. Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật*.
13. Bùi Đăng Hiếu (2009), *Khái niệm và phân loại Quyền nhân thân*, Tạp chí luật học tháng 7/2009.

14. Hội nhập quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam, Tác giả Kiều Thị Thanh (2013), Nxb Chính trị - Hành chính, trang 28-33.
15. Quốc hội (1989), Luật Báo chí.
16. Quốc hội (1994), Pháp lệnh bảo hộ quyền tác giả.
17. Quốc hội (1995), Bộ luật dân sự.
18. Quốc hội (1999), Bộ luật hình sự.
19. Quốc hội (1999), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí.
20. Quốc hội (2005), Bộ luật dân sự.
21. Quốc hội (2005), Luật sở hữu trí tuệ.
22. Quốc hội (2009), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự.
23. Quốc hội (2009), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ.
24. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
25. Sổ tay thuật ngữ pháp lý thông dụng (1996), Nguyễn Duy Lâm chủ biên, Nxb Giáo dục.
26. Tạp chí Luật học một số năm.
27. Tạp chí Than - Khoáng sản, số ngày 15/11/2009, bài: cái hay của một tác phẩm báo chí của tác giả Lê Văn Thiêng.
28. Viện Đại học Mở Hà Nội (2009), *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam*, tập I, Nxb Giáo dục Việt Nam.

### ***Trang Web***

29. Phùng Gia, Sự sáng tạo của Nhà báo đang bị xà xẻo (<http://vietq.vn/su-sang-tao-cua-nha-bao-dang-bi-xa-xeo-d21519.html>);
30. Trần Thanh Lâm- Viện Tài nguyên nước và Môi trường Đông- Nam Á/ Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong bối cảnh hội nhập và xây dựng nền kinh tế tri thức (<http://thanhtra.most.gov.vn/vi/cac-bai-nghien-cuu-shtt/bao-ho-quyen-so-huu-tri-tue-trong-boi-canhh-hoi-nhap-va-xay-dung-nen-kinh-te-tri-thuc>).

31. Lê Việt Long, Thanh tra, Bộ Công thương/ Xâm phạm sở hữu trí tuệ: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp/ Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 126, tháng 7/2008 (<http://freetech.com.vn/11/97/265/InfoDetail/XAM-PHAM-SO-HUU-TRI-TUE--THUC-TRANG--NGUYEN-NHAN-VA-GIAI-PHAP.aspx>);
32. Phan Khắc Nghiêm, Quyền nhân thân của cá nhân trong Bộ luật Dân sự 2005 (<http://phannghiemlawyer.groupsite.com/post/quy-n-nh-n-th-n-c-a-c-nh-n-trong-b-lu-t-d-n-s-2005>);